

NGÂN HÀNG CÂU HỎI THI CHUYÊN VIÊN CHÍNH

Môn: Ngân hàng Thương mại

TT	Nội dung	Số câu	Trang
1	Chính sách quản lý Tài sản Nợ - Tài sản có	30	1
2	Phân tích kết quả kinh doanh ngân hàng	24	6
3	Quy định về tỷ lệ đảm bảo an toàn trong hoạt động Ngân hàng	36	10
4	Cơ chế điều hành vốn nội bộ	31	15
5	Quản lý rủi ro trong hoạt động ngân hàng		
5.1	Tổng quan	13	21
5.2	Quản lý rủi ro thanh khoản	33	23
5.3	Quản lý rủi ro thị trường	50	29
5.4	Quản lý rủi ro tác nghiệp	104	39
5.5	Quản lý rủi ro tín dụng	46	59
6	Chính sách quản lý tín dụng	100	69
7	Tổng quan về hệ thống Ngân hàng Việt Nam	20	99
8	Quản trị chiến lược – Chiến lược của BIDV	65	103
9	Chính sách quản lý tài chính	98	114
10	Luật NHNN 2010 và Luật các TCTD 2010	98	134
11	Mô hình tổ chức và chức năng nhiệm vụ	50	138
	Tổng	798	

PHẦN 1: CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ TÀI SẢN NỢ - TÀI SẢN CÓ

- Theo Anh/chị chính sách quản lý Tài sản Nợ - Có được hiểu là gì?**
 - Việc đảm bảo cân đối nguồn vốn và sử dụng vốn
 - Việc đảm bảo ngân hàng đạt được lợi nhuận tối đa
 - Việc thiết lập các hạn mức rủi ro chung
 - Tất cả các phương án trên
- Nhiệm vụ của quản lý Tài sản Nợ - Có là gì?**
 - Xác định cấu trúc hợp lý của bảng tổng kết Tài sản
 - Đề xuất các biện pháp bảo hiểm trước rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất
 - Tất cả các phương án trên
- “Quản lý rủi ro thanh khoản là một nội dung của quản lý Tài sản Nợ - Có”. Theo Anh/chị nhận định này là đúng hay sai?**
 - Đúng
 - Sai
- “Quản lý hệ thống điều chuyển vốn nội bộ là một nội dung của quản lý Tài sản Nợ - Có”. Theo Anh/chị nhận định này là đúng hay sai?**

- a. Đúng
 - b. Sai
5. **“Quản lý rủi ro lãi suất không phải là một nội dung của quản lý Tài sản Nợ- Có”. Theo Anh/chị nhận định này là đúng hay sai?**
- a. Đúng
 - b. Sai
6. **Hội đồng quản lý Tài sản Nợ - Có (ALCO) của ngân hàng chịu trách nhiệm duyệt tất cả các hạn mức và các biện pháp kiểm soát liên quan tới việc quản lý Tài sản Có và Tài sản Nợ của ngân hàng**
- a. Đúng
 - b. Sai
7. **Bảng tổng kết Tài sản của NHTM luôn đảm bảo nguyên tắc: "Tổng Tài sản = Tổng nợ phải trả"**
- a. Đúng
 - b. Sai - Nguyên tắc là: "Tổng Tài sản = Tổng nợ phải trả + Vốn và quỹ"
8. **Nguyên tắc sắp xếp các khoản mục Tài sản Có trong bảng tổng kết Tài sản là gì?**
- a. Theo tính lỏng giảm dần
 - b. Theo tính lỏng tăng dần
 - c. Theo quy mô
9. **Khoản mục nào sau đây chỉ được hình thành từ nguồn vốn quỹ của NHTM?**
- a. Cho vay khách hàng
 - b. Đầu tư chứng khoán nợ
 - c. Góp vốn, mua cổ phần
 - d. Tất cả các phương án trên
10. **Vốn được coi tấm đệm phòng chống rủi ro cho ngân hàng. Điều này đúng hay sai?**
- a. Đúng
 - b. Sai
11. **Hoạt động kinh doanh thua lỗ không ảnh hưởng đến vốn chủ sở hữu của ngân hàng. . Đúng hay sai?**
- a. Đúng
 - b. Sai. Hoạt động kinh doanh thua lỗ làm giảm vốn chủ sở hữu của ngân hàng
12. **Ngân hàng nên duy trì khe hở nhạy cảm lãi suất hướng tới bằng 0 để tăng hiệu quả kinh doanh. Điều này đúng hay sai?**
- a. Đúng
 - b. Sai

- 13. NHTM có thể tăng vốn chủ sở hữu bằng chính sách nào sau đây?**
- a. Phát hành thêm cổ phiếu
 - b. Phát hành trái phiếu chuyển đổi
 - c. Giữ lại một phần lợi nhuận
 - d. Tất cả các phương án trên
- 14. Sự mất cân đối về kỳ hạn giữa Tài sản Nợ và Tài sản Có khiến NHTM đối mặt với rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất. Điều này đúng hay sai?**
- a. Đúng
 - b. Sai
- 15. Quản lý Tài sản Nợ - Có không phải là một hoạt động đơn lẻ mà là một phần gắn liền với hoạt động quản lý toàn bộ ngân hàng. Điều này đúng hay sai?**
- a. Đúng
 - b. Sai
- 16. Hệ thống quản trị rủi ro lành mạnh của TCTD phải đảm bảo các yếu tố nào sau đây?**
- a. Giám sát và quản lý tích cực của Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên và Ban điều hành
 - b. Ban hành và triển khai đầy đủ các chính sách, quy trình quản lý rủi ro và các giới hạn rủi ro; thiết lập hệ thống thông tin quản lý phù hợp
 - c. Thiết lập hệ thống kiểm soát nội bộ và kiểm toán nội bộ hoạt động phù hợp
 - d. Cả 3 đáp án trên
- 17. Xu hướng quản trị ngân hàng ngày nay là gì?**
- a. Chiến lược quản lý Tài sản Nợ
 - b. Chiến lược quản lý Tài sản Có
 - c. Chiến lược quản lý Tài sản Nợ - Tài sản Có
- 18. Huy động có kỳ hạn trung dài hạn đang trở nên ngày càng quan trọng để đảm bảo cân đối hoạt động, vì lý do nào sau đây?**
- a. Chênh lệch kỳ hạn đang là nguy cơ dẫn đến rủi ro thanh khoản
 - b. Chênh lệch kỳ hạn đang làm giảm thu nhập ròng từ lãi của ngân hàng
 - c. Chênh lệch kỳ hạn đang là nguy cơ dẫn đến rủi ro lãi suất
 - d. Cả a và c
- 19. Tại sao ngân hàng cần quản lý Tài sản Nợ - Có?**
- a. Ngân hàng rất khó duy trì trạng thái cân bằng giữa Tài sản Nợ - Tài sản Có
 - b. Các yếu tố thị trường luôn biến động ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh ngân hàng
 - c. Cả 2 đáp án trên
- 20. Các yếu tố nào sau đây tác động đến quy mô nguồn vốn huy động?**
- a. Lãi suất huy động

- b. Chất lượng dịch vụ ngân hàng
 - c. Các yếu tố: pháp luật, điều hành chính sách tiền tệ, thu nhập người dân
 - d. Tất cả các đáp án trên
- 21. Chính sách quản lý Tài sản Nợ - Tài sản Có phải được áp dụng thống nhất trong toàn hệ thống. Điều này đúng hay sai?**
- a. Đúng
 - b. Sai
- 22. Công cụ tài chính phái sinh là công cụ hiệu quả phòng chống rủi ro trong hoạt động quản lý Tài sản Nợ - Tài sản Có?**
- a. Đúng
 - b. Sai
- 23. Chính sách quản lý Tài sản Nợ - Tài sản Có của ngân hàng phụ thuộc vào yếu tố nào sau đây?**
- a. Mục tiêu của Hội đồng quản trị
 - b. Quy mô, độ phức tạp trong hoạt động ngân hàng
 - c. Môi trường kinh doanh
 - d. Tất cả các ý trên
- 24. Rủi ro thị trường, rủi ro thanh khoản tác động tới yếu tố gì của Ngân hàng?**
- a. Thu nhập của ngân hàng
 - b. Vốn của ngân hàng
 - c. Cả a và b
 - d. Không đáp án nào đúng
- 25. Nghiệp vụ nào sau đây không thuộc nội dung quản lý Tài sản Nợ - Tài sản Có?**
- a. Quản lý rủi ro lãi suất
 - b. Quản lý rủi ro tác nghiệp
 - c. Quản lý rủi ro thanh khoản
 - d. Quản lý rủi ro tỷ giá
- 26. Thiết lập các hạn mức rủi ro và cơ cấu của bảng tổng kết Tài sản là trách nhiệm của đơn vị nào sau đây?**
- a. Hội đồng quản lý Tài sản Nợ - Có
 - b. Ban Kế hoạch phát triển
 - c. Hội đồng tín dụng
 - d. Ban Kiểm soát
- 27. Có cơ cấu bảng tổng kết Tài sản nào là tối ưu cho tất cả các ngân hàng hay không?**
- a. Có
 - b. Không (vì duy trì cơ cấu bảng tổng kết Tài sản như thế nào là tùy thuộc vào quy mô, đặc điểm hoạt động, khả năng quản trị rủi ro và mục tiêu lợi nhuận của mỗi ngân hàng)

28. **BIDV quản trị rủi ro thông qua hệ thống các hạn mức. Đúng hay sai?**
- Đúng
 - Sai
29. **Nội dung nào sau đây được thảo luận tại các cuộc họp ALCO?**
- Diễn biến lãi suất trên thị trường
 - Tình hình cân đối vốn của BIDV
 - Tình hình thực hiện các chỉ tiêu an toàn
 - Tất cả các nội dung trên
30. **Giải pháp nào sau đây có thể nâng cao hiệu quả quản lý hiệu quả Tài sản Nợ - Tài sản Có?**
- Hoàn thiện cơ chế, chính sách quản lý Tài sản Nợ - Tài sản Có
 - Xây dựng hệ thống công nghệ thông tin đủ mạnh
 - Đào tạo, nâng cao trình độ nhận thức của cán bộ ngân hàng
 - Tất cả các đáp án trên

PHẦN 2: PHÂN TÍCH KẾT QUẢ KINH DOANH NGÂN HÀNG

31. **Phân tích tài chính trong ngân hàng bao gồm những công việc gì?**
- Thu thập dữ liệu;
 - Thu thập dữ liệu; Phân tích và xử lý dữ liệu thu thập được;
 - Thu thập dữ liệu; Phân tích và xử lý dữ liệu thu thập được; Tạo ra thông tin tài chính
 - Thu thập dữ liệu; Phân tích và xử lý dữ liệu thu thập được; Tạo ra thông tin tài chính; Kết luận hoặc ra quyết định tài chính.
32. **Mục tiêu của việc phân tích tài chính trong ngân hàng là gì?**
- Rút ra được kết luận về một thực trạng hay một tình hình tài chính
 - Tạo ra thông tin phục vụ cho việc ra quyết định tài chính.
 - Cả hai nội dung trên
33. **Trình tự các bước phân tích kết quả kinh doanh của ngân hàng như thế nào?**
- i) Phân tích cấu trúc tài chính; ii) Phân tích hiệu quả hoạt động; iii) Phân tích rủi ro hoạt động.
 - i) Phân tích hiệu quả hoạt động; ii) Phân tích rủi ro hoạt động; iii) Phân tích cấu trúc tài chính.
 - i) Phân tích rủi ro hoạt động; ii) Phân tích hiệu quả hoạt động; iii) Phân tích cấu trúc tài chính.
34. **Tỷ suất lợi nhuận $ROA = \text{Lợi nhuận ròng} / \text{Tổng tài sản bình quân}$ phản ánh khía cạnh gì của Ngân hàng?**
- Tình trạng thanh khoản của ngân hàng
 - Khả năng chịu đựng rủi ro của ngân hàng

- c. Khả năng quản lý tài chính của ngân hàng
 - d. Hiệu suất, hiệu quả và trình độ quản lý tài sản của ngân hàng
- 35. Phương pháp CAMEL phân tích trên những nội dung nào sau đây?**
- a. An toàn vốn; chất lượng tài sản; trình độ quản lý
 - b. An toàn vốn; chất lượng tài sản; trình độ quản lý; khả năng sinh lời
 - c. An toàn vốn; chất lượng tài sản; trình độ quản lý; khả năng sinh lời; quản lý thanh Khoản
 - d. An toàn vốn; chất lượng tài sản; trình độ quản lý; khả năng sinh lời; quản lý thanh Khoản; Quản trị rủi ro
- 36. Các chỉ tiêu đánh giá khả năng thanh khoản của ngân hàng bao gồm chỉ tiêu nào sau đây?**
- a. Tỷ lệ khả năng chi trả
 - b. Tỷ lệ dự trữ sơ cấp, thứ cấp
 - c. Tỷ lệ nguồn vốn ngắn hạn cho vay trung dài hạn
 - d. Tất cả các câu trên
- 37. Nguồn vốn nào sau đây là nguồn vốn phải trả lãi của ngân hàng?**
- a. Tiền gửi và vay KBNN, NHNN và các TCTD khác
 - b. Các khoản phải thu khác
 - c. Tiền gửi khách hàng, phát hành giấy tờ có giá.
 - d. Cả a và c
- 38. Chỉ tiêu nào sau đây được xác định là tài sản có sinh lời của ngân hàng?**
- a. Tiền, vàng gửi tại TCTD khác và các khoản cho vay
 - b. Đầu tư chứng khoán
 - c. Góp vốn, đầu tư dài hạn, bất động sản đầu tư.
 - d. Tất cả các phương án trên
- 39. Khoản mục nào dưới đây không thuộc tài sản có của ngân hàng?**
- a. Dự trữ thanh toán.
 - b. Cho vay
 - c. Phát hành giấy tờ có giá
 - d. Đầu tư
- 40. Tỷ lệ thu nhập lãi cận biên ròng, được xác định như thế nào?**
- a. Tỷ lệ giữa Thu nhập ròng từ lãi / Tài sản có sinh lời bình quân
 - b. Tỷ lệ giữa Thu nhập từ lãi / Tài sản có sinh lời bình quân
 - c. Tỷ lệ giữa Thu nhập từ lãi / Tổng tài sản có rủi ro bình quân
- 41. Chỉ tiêu NIM được sử dụng để phản ánh điều gì sau đây?**
- a. Phản ánh tốc độ tăng lãi suất
 - b. Phản ánh khả năng sinh lời từ hoạt động kinh doanh ngoại tệ
 - c. Phản ánh khả năng sinh lời từ lãi
 - d. Phản ánh khả năng sinh lời từ hoạt động dịch vụ

42. Tỷ lệ thu nhập ngoài lãi được sử dụng để phản ánh khả năng sinh lời của hoạt động huy động vốn. Điều này đúng hay sai?
- Đúng
 - Sai.
43. Tỷ lệ lãi cận biên ròng và tỷ lệ chênh lệch lãi suất là một chỉ tiêu. Điều này đúng hay sai?
- Đúng
 - Sai
44. Theo thông lệ quốc tế, một ngân hàng được coi là hoạt động hiệu quả khi ROA đạt tối thiểu bao nhiêu?
- 1%
 - 2%
 - 3%
45. Theo thông lệ quốc tế, một ngân hàng được coi là hoạt động hiệu quả khi ROE đạt tối thiểu là bao nhiêu?
- 10%
 - 15%
 - 20%
46. Chỉ số ROE của Ngân hàng tăng chứng tỏ điều gì sau đây?
- Khả năng phòng chống rủi ro của ngân hàng được nâng cao
 - Khả năng sinh lời từ tài sản của ngân hàng được nâng cao
 - Khả năng sinh lời từ vốn chủ sở hữu của ngân hàng được nâng cao
47. Theo thông lệ quốc tế, một ngân hàng được coi là hoạt động hiệu quả nếu lãi cận biên ròng đạt tối thiểu là bao nhiêu?
- 1,5%
 - 2,5%
 - 3,0%
 - 4,0%
48. Tỷ lệ nợ xấu của ngân hàng phản ánh điều gì sau đây?
- Phản ánh các khoản cho vay của ngân hàng được cho là tổn thất một phần hoặc toàn bộ gốc và lãi.
 - Phản ánh mức độ cho vay của Ngân hàng đối với các khoản nợ có khả năng hoàn trả quá 90 ngày
 - Phản ánh chất lượng tín dụng sau khi đã dùng quỹ dự phòng rủi ro tín dụng để bù đắp cho nợ xấu.
49. Tỷ lệ nào sau đây phản ánh tình trạng tài sản cố định của ngân hàng thương mại?
- Giá trị còn lại của Tài sản cố định /Nguyên giá
 - Tỷ lệ tài sản cố định /Tổng tài sản

- c. Tỷ lệ đầu tư tài sản cố định /Vốn điều lệ
- 50. Chỉ tiêu nào sau đây phản ánh chất lượng tín dụng của ngân hàng?**
- a. Tỷ lệ nợ xấu
b. Tỷ lệ nợ quá hạn
c. Tỷ lệ dự phòng rủi ro /tổng dư nợ
d. Cả 3 đáp án trên
- 51. Chỉ tiêu nào sau đây thuộc bộ phận cấu thành Tài sản Nợ của NHTM?**
- a. Tiền mặt tại quỹ
b. Tiền gửi của các tổ chức tín dụng
c. Phát hành giấy tờ có giá
d. Các khoản phải thu
e. Cả b và c
- 52. Chỉ tiêu nào sau đây thuộc bộ phận cấu thành Tài sản Có sinh lời của NHTM?**
- a. Tiền gửi tại các tổ chức tín dụng trong và ngoài nước
b. Tiền gửi của các tổ chức kinh tế và dân cư
c. Đầu tư vào chứng khoán
d. Cho vay dân cư
e. Cả a,c và d
- 53. Ngân hàng không được dự thu lãi đối với nợ từ nhóm 2 – nhóm 5. Điều này đúng hay sai?**
- a. Đúng
b. Sai
- 54. Nguồn thu nào chiếm tỷ trọng chủ yếu trong cơ cấu thu nhập của BIDV?**
- a. Thu nhập từ dịch vụ
b. Thu nhập từ lãi
c. Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần
d. Thu nợ ngoại bảng

PHẦN 3: TỶ LỆ ĐẢM BẢO AN TOÀN TRONG HOẠT ĐỘNG NGÂN HÀNG

- 55. Theo quy định hiện hành của NHNN, TCTD phải duy trì các tỷ lệ đảm bảo an toàn nào sau đây?**
- a. Tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu và Giới hạn góp vốn mua cổ phần
b. Giới hạn cấp tín dụng
c. Tỷ lệ vốn ngắn hạn cho vay trung, dài hạn
d. Tất cả các chỉ tiêu trên

- 56. So với quy định của NHNN, Luật các TCTD 2010 bổ sung thêm tỷ lệ an toàn nào?**
- a. Tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu
 - b. Giới hạn cấp tín dụng
 - c. Tỷ lệ tiền gửi trung dài hạn so với tổng dư nợ cho vay trung dài hạn
 - d. Tỷ lệ khả năng chi trả
- 57. Văn bản nào sau đây quy định về các tỷ lệ đảm bảo an toàn trong hoạt động của các TCTD hiện hành?**
- a. QĐ số 493/QĐ-NHNN
 - b. QĐ số 457/QĐ-NHNN
 - c. Thông tư 13, 19
 - d. Thông tư 22
 - e. Cả c và d
- 58. Quy định mới về đảm bảo an toàn của NHNN có hiệu lực từ thời điểm nào?**
- a. 1/1/2010
 - b. 1/6/2010
 - c. 1/10/2010
- 59. Quy định về tỷ lệ an toàn vốn là một nội dung của Hiệp ước Basel.Điều này đúng hay sai?**
- a. Đúng
 - b. Sai
- 60. Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng có trách nhiệm giám sát, kiểm tra, thanh tra kết quả thực hiện các tỷ lệ bảo đảm an toàn của TCTD. Điều này đúng hay sai?**
- a. Đúng
 - b. Sai
- 61. NHNN có thể yêu cầu TCTD duy trì tỷ lệ đảm bảo an toàn cao hơn các mức quy định. Điều này đúng hay sai?**
- a. Đúng
 - b. Sai
- 62. Theo quy định hiện hành của NHNN, TCTD phải đảm bảo tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu là bao nhiêu?**
- a. Tối thiểu 8%
 - b. Tối thiểu 9%
 - c. Tối đa 12%

- d. Tối thiểu 8% và tối đa 12%
- 63. Tỷ lệ an toàn vốn được tính như thế nào?**
- a. Vốn tự có / Tổng tài sản có rủi ro
b. Vốn tự có / Tổng tài sản Có
c. Vốn chủ sở hữu / Tổng tài sản
d. Vốn chủ sở hữu / Tổng tài sản Có rủi ro
- 64. Vốn tự có để tính tỷ lệ an toàn vốn bao gồm những khoản nào?**
- a. Vốn cấp 1 và các khoản giảm trừ khỏi vốn tự có
b. Vốn cấp 1 và vốn cấp 2
c. Vốn cấp 1, vốn cấp 2 và các khoản giảm trừ khỏi vốn tự có
- 65. Lỗ lũy kế được tính trừ vào vốn cấp 1 khi tính tỷ lệ an toàn vốn. Điều này đúng hay sai?**
- a. Đúng
b. Sai
- 66. TCTD phải loại trừ các khoản góp vốn mua cổ phần vào công ty con khi tính vốn cấp 1. Điều này đúng hay sai?**
- a. Đúng
b. Sai
- 67. TCTD phải loại các khoản góp vốn, mua cổ phần vào tổ chức tín dụng khi tính vốn cấp 1. Điều này đúng hay sai? Sửa**
- a. Đúng
b. Sai
- 68. Quỹ dự phòng tài chính được tính vào vốn cấp 2 khi tính vốn tự có. Điều này đúng hay sai?**
- a. Đúng
b. Sai
- 69. Giới hạn tối đa quỹ dự phòng tài chính khi tính vào vốn tự có là bao nhiêu?**
- a. 1% tổng tài sản Có rủi ro
b. 1,15% tổng tài sản Có rủi ro
c. 1,25% tổng tài sản Có rủi ro
d. 1,5% tổng tài sản Có rủi ro
- 70. Tổng giá trị vốn cấp 2 tối đa bằng bao nhiêu?**
- a. 50% vốn cấp 1
b. 70% vốn cấp 1
c. 80% vốn cấp 1
d. 100% vốn cấp 1
- 71. Các Tài sản "Có" nào sau đây có mức rủi ro 50%?**
- a. Đầu tư dự án của công ty tài chính
b. Đầu tư vào máy móc thiết bị, tài sản cố định

- c. Cho vay có đảm bảo bằng giấy tờ có giá do TCTD khác phát hành
 - d. Cho vay đảm bảo bằng nhà ở, quyền sử dụng đất
 - e. Cả a và d
- 72. Các Tài sản "Có" nào sau đây có mức rủi ro 100%?**
- a. Đầu tư vào máy móc thiết bị, tài sản cố định và bất động sản khác
 - b. Cho vay đảm bảo bằng nhà ở, quyền sử dụng đất
 - c. Góp vốn, mua cổ phần của một doanh nghiệp trong phạm vi được phép
 - d. Cho vay kinh doanh bất động sản có đảm bảo bằng nhà ở, quyền sử dụng đất
 - e. Cả a và c
- 73. Phần vượt mức quy định góp vốn, mua cổ phần vào một doanh nghiệp sẽ ảnh hưởng như thế nào khi tính vốn tự có?**
- a. Giảm trừ vốn cấp 1
 - b. Giảm trừ vốn cấp 2
 - c. Không bị giảm trừ vốn tự có
- 74. Theo quy định hiện hành của NHNN, hệ số CAR hợp nhất được tính trên số liệu hợp nhất loại trừ số liệu của công ty trực thuộc nào?. Điều này đúng hay sai?**
- a. Công ty bảo hiểm
 - b. Công ty chứng khoán
 - c. Công ty cho thuê tài chính
- 75. TCTD không phải tính giá trị các khoản bảo lãnh khi tính tài sản có rủi ro. Điều này đúng hay sai?**
- a. Đúng
 - b. Sai, các khoản bảo lãnh cũng bị rủi ro tín dụng như hoạt động cho vay.
- 76. Để nâng cao hệ số CAR, Ngân hàng cần thực hiện biện pháp nào?**
- a. Tăng vốn điều lệ
 - b. Giảm tài sản có rủi ro
 - c. Tăng vốn tự có kết hợp với giảm tài sản có rủi ro
 - d. Tăng tài sản có rủi ro
- 77. TCTD phải tuân thủ giới hạn tín dụng đối với những đối tượng nào?**
- a. Một khách hàng
 - b. Một nhóm khách hàng có liên quan
 - c. Một lĩnh vực kinh doanh
 - d. Cả a và b
- 78. Các biện pháp nào sau đây không phải là biện pháp bảo đảm an toàn trong hoạt động ngân hàng?**
- a. Trích lập dự phòng rủi ro hoạt động
 - b. Mua bảo hiểm tiền gửi
 - c. Vay NHNN

- 79. Giới hạn tín dụng của TCTD được tính trên mức vốn nào?**
- a. Vốn điều lệ
 - b. Vốn chủ sở hữu
 - c. Vốn tự có
- 80. Theo quy định về các tỷ lệ đảm bảo an toàn trong hoạt động Ngân hàng, TCTD không bị giới hạn tối đa đối với việc TCTD cho vay công ty con. Điều này đúng hay sai?**
- a. Đúng
 - b. Sai
- 81. TCTD được cấp tín dụng không có tài sản đảm bảo đối với công ty trực thuộc là công ty chứng khoán, cho thuê tài chính. Điều này đúng hay sai?**
- a. Đúng
 - b. Sai
- 82. TCTD không được cho vay không có đảm bảo để đầu tư, kinh doanh chứng khoán. Điều này đúng hay sai?**
- a. Đúng
 - b. Sai
- 83. Giới hạn góp vốn, mua cổ phần của TCTD được tính căn cứ trên mức vốn nào?**
- a. Vốn chủ sở hữu
 - b. Vốn điều lệ và quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ
 - c. Vốn tự có
- 84. Các khoản góp vốn mua cổ phần dưới hình thức ủy thác vốn cho các pháp nhân, tổ chức, doanh nghiệp thực hiện cũng được tính vào giới hạn góp vốn, mua cổ phần. Điều này đúng hay sai?**
- a. Đúng
 - b. Sai.
- 85. TCTD được sử dụng nguồn vốn huy động để góp vốn, mua cổ phần. Điều này đúng hay sai?**
- a. Đúng
 - b. Sai, vì TCTD chỉ được sử dụng vốn điều lệ và quỹ dự trữ để góp vốn, mua cổ phần
- 86. TCTD vi phạm tỷ lệ an toàn theo quy định của NHNN sẽ chịu chế tài gì?**
- a. Xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật;
 - b. Hạn chế tín dụng, hạn chế mở rộng mạng lưới, nội dung hoạt động;

- c. Đình chỉ có thời hạn hoặc không có thời hạn việc thực hiện một hoặc một số hoạt động nghiệp vụ liên quan đến hành vi vi phạm;
- d. Tất cả các phương án trên
- 87. Cơ quan thanh tra, giám sát NHNN là đơn vị hướng dẫn các xác định vốn tự có đối với tổ chức tín dụng và chế độ hạch toán kế toán có liên quan. Điều này đúng hay sai?**
 - a. Đúng
 - b. Sai
- 88. Hệ số an toàn vốn hợp nhất của BIDV theo chuẩn mực Quốc tế hiện ở mức nào?**
 - a. < 7%
 - b. Từ 7% đến dưới 8%
 - c. Từ 8% đến dưới 9%
 - d. Trên 9%
- 89. Các Tài sản "Có" nào sau đây có mức rủi ro 20%?**
 - a. Cho vay các TCTD khác
 - b. Tiền gửi tại NHNN bằng ngoại tệ
 - c. Cho vay có đảm bảo bằng bất động sản
 - d. Cho vay Ngân sách tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương
 - e. Cả a, b và d
- 90. Các Tài sản "Có" nào sau đây có mức rủi ro 0%?**
 - a. Tiền mặt, vàng
 - b. Tiền gửi tại NHNN bằng VND
 - c. Cho vay các Tổ chức tín dụng khác
 - d. Cho vay đảm bảo bằng giấy tờ có giá do chính TCTD phát hành
 - e. Cả a, b và d

PHẦN 4: CƠ CHẾ ĐIỀU HÀNH VỐN NỘI BỘ

- 91. Nguyên tắc định giá chuyển vốn nội bộ là gì?**
 - a. Định giá chuyển vốn được áp dụng trên toàn bộ các giao dịch phát sinh liên quan đến sự dịch chuyển dòng vốn của đơn vị.
 - b. Việc thu lãi, trả lãi FTP hoàn toàn mang tính nội bộ mà không có sự dịch chuyển thật của dòng tiền.
 - c. Tại một kỳ hạn FTP nhất định, FTP áp dụng thống nhất cho các giao dịch bán vốn (hoặc mua vốn) cho tất cả các địa bàn (không phân biệt theo địa bàn), đơn vị kinh doanh.
 - d. Cả 3 phương án trên
- 92. Mục đích của việc chuyển đổi cơ chế quản lý vốn tập trung tại BIDV là gì?**
 - a. Nâng cao hiệu lực và hiệu quả trong công tác điều hành vốn nội bộ

- b. Phân bổ chi phí, thu nhập vốn một cách khách quan, công bằng để đánh giá đúng mức độ đóng góp của các đơn vị kinh doanh vào thu nhập chung của toàn hệ thống
- c. Tập trung quản lý rủi ro về Hội sở chính, đặc biệt là quản lý được các rủi ro trong công tác quản trị vốn như rủi ro lãi suất, rủi ro thanh khoản
- d. Cả 3 phương án trên

93. FTP được xác định đảm bảo những mục tiêu nào?

- a. Theo sát lãi suất thị trường, được điều chỉnh thường xuyên phù hợp với diễn biến lãi suất thị trường.
- b. Phù hợp với tình hình cân đối thực tế và kế hoạch cân đối vốn trong tương lai của BIDV.
- c. Đánh giá chính xác, công bằng, khách quan kết quả kinh doanh của đơn vị
- d. Đảm bảo lợi ích giữa các bên liên quan
- e. Cả a, b và c

94. Trong cơ chế điều hành vốn tập trung, Hội sở chính phải chịu trách nhiệm gì?

- a. Quản lý rủi ro thanh khoản
- b. Quản lý rủi ro tín dụng
- c. Quản lý rủi ro lãi suất
- d. Quản lý rủi ro tác nghiệp
- e. Cả a và c

95. Hiện tại, giá FTP được xác định cho những loại tiền tệ nào?

- a. VND
- b. USD
- c. JPY
- d. EUR
- e. Cả a,b và d

96. "Điều chuyển vốn" qua cơ chế FTP nghĩa là gì?

- a. Hội sở chính "mua" phần vốn "dư thừa", "bán" phần vốn "thiếu hụt" cho chi nhánh.
- b. Chi nhánh chủ động "bán" hoặc "mua" vốn với HSC khi có nhu cầu
- c. Hội sở chính “mua vốn” cho tất cả các "giao dịch Nợ" và “bán vốn” cho tất cả các "giao dịch Có" được định giá.
- d. Hội sở chính “bán vốn” cho tất cả các "giao dịch Nợ" và “mua vốn” cho tất cả các "giao dịch Có" được định giá.

97. Trung tâm vốn xác định giá chuyển vốn FTP căn cứ vào yếu tố nào?

- a. Lãi suất thị trường
- b. Tình hình thanh khoản toàn hệ thống

- c. Cân đối vốn kỳ kế hoạch
- d. Khả năng vay vốn trên thị trường LNH
- e. Cả a, b và c

98. Giá FTP áp dụng như thế nào?

- a. Cố định trong kỳ hạn của giao dịch vốn.
- b. Điều chỉnh theo kỳ hạn định giá lại
- c. Điều chỉnh theo lãi suất thị trường.
- d. Điều chỉnh theo thông báo của Hội sở chính

99. Giá FTP được xác định căn cứ vào yếu tố nào sau đây?

- a. Loại tiền, kỳ hạn định giá.
- b. Ngày định giá.
- c. Giá trị của giao dịch vốn
- d. Đối tượng định giá và đối tượng khách hàng
- e. Cả a, b và d

100. Trong cơ chế quản lý vốn tập trung, dự trữ đảm bảo khả năng thanh toán (trong đó có dự trữ bắt buộc) do đơn vị nào xác định?

- a. Hội sở chính thực hiện toàn bộ cho hệ thống.
- b. Chi nhánh tự tính toán dự trữ cho nhu cầu phát sinh tại chi nhánh
- c. Hội sở chính chịu trách nhiệm thực hiện và tại chi nhánh chỉ tính toán duy trì tiền mặt tại quỹ để đảm bảo thanh toán bằng tiền mặt cho khách hàng.

101. Tỷ lệ thu nhập lãi ròng (NIM) tại chi nhánh được xác định theo công thức nào sau đây?

- a. $NIM = (\text{Thu nhập lãi} - \text{Chi phí trả lãi}) / [(\text{TSN} + \text{TSC})/2]$
- b. $NIM = (\text{Thu nhập từ lãi} - \text{chi phí trả lãi}) / \text{Tài sản Có hoặc Tài sản Nợ}$
- c. $NIM = (\text{Thu nhập từ lãi} - \text{chi phí trả lãi}) / \text{Tài sản Có}$

102. Theo cơ chế FTP, thu nhập của chi nhánh đến từ nguồn nào?

- a. Tài sản Có được định giá
- b. Từ huy động vốn
- c. Tài sản Nợ được định giá
- d. Từ hoạt động tín dụng
- e. Cả a và c

103. Lãi suất cho vay xác định căn cứ vào yếu tố nào?

- a. Theo kỳ hạn
- b. Theo sản phẩm
- c. Theo tính chất kinh tế vùng miền
- d. Theo đặc điểm dân cư
- e. Cả a và b

104. Huy động vốn tại thị trường 1 là huy động từ những nguồn nào?

- a. TCTD huy động từ dân cư và tổ chức kinh tế
- b. TCTD huy động từ dân cư và tổ chức (trừ tổ chức tín dụng)
- c. TCTD huy động từ dân cư và tổ chức

Đáp án: b

105. Hiện nay, NHNN quy định trần lãi suất huy động trên thị trường 1 đối với loại tiền tệ nào sau đây?

- a. VND
- b. USD
- c. EUR
- d. Cả a và b

106. Tài sản thanh khoản là tài sản như thế nào?

- a. Tài sản có thể chuyển đổi nhanh thành tiền với chi phí thấp
- b. Tài sản có thể chuyển đổi nhanh thành tiền tại bất kỳ thời điểm nào
- c. Tài sản có thể mang bán trên thị trường liên ngân hàng
- d. Những tài sản có lãi suất sinh lời thấp, có khả năng chuyển thành tiền cao

107. Lĩnh vực cho vay nhạy cảm như bất động sản, đầu tư kinh doanh chứng khoán được định giá như thế nào?

- a. Áp giá FTP bán vốn cao hơn đối tượng cho vay thông thường khác
- b. Áp giá FTP bán vốn chung với các đối tượng cho vay thông thường khác
- c. Có sàn lãi suất cho vay cao hơn các hình thức thông thường khác
- d. Có trần lãi suất cho vay cao hơn các hình thức thông thường khác
- e. Cả a và c

108. Đối với cho vay các lĩnh vực ưu tiên (xuất khẩu, nông nghiệp nông thôn, doanh nghiệp vừa và nhỏ, cho vay khắc phục bão lũ), lãi suất được áp dụng như thế nào?

- a. Áp dụng sàn lãi suất cho vay thấp hơn các đối tượng cho vay thông thường khác
- b. Áp giá FTP bán vốn thấp hơn các đối tượng cho vay thông thường khác
- c. Áp giá FTP bán vốn chung với các đối tượng cho vay thông thường khác
- d. Áp dụng trần lãi suất cho vay thấp hơn các đối tượng cho vay thông thường khác
- e. Cả a và b

109. Trong cơ chế quản lý vốn tập trung, lợi nhuận của chi nhánh hoàn toàn đến từ khách hàng?

- a. Đúng, khách hàng là nhân tố quan trọng tạo ra lợi nhuận

- b. Sai, lợi nhuận còn đến từ Trung tâm vốn

110. Ưu điểm của tiền gửi không kỳ hạn là gì?

- a. Nguồn tiền có chi phí thấp
- b. Là điều kiện để phát triển và tăng thu dịch vụ
- c. Là nguồn tiền gửi có tính ổn định cao
- d. Cả a và b đều đúng

111. Để tăng thu nhập ròng từ hoạt động huy động chi nhánh nên thực hiện biện pháp gì sau đây?

- a. Giảm lãi suất huy động vốn
- b. Tăng quy mô huy động
- c. Cơ cấu kỳ hạn huy động hướng vào các kỳ hạn có chênh lệch so với giá mua cao
- d. Cơ cấu đối tượng huy động hướng vào các đối tượng có chênh lệch so với giá mua cao
- e. Cả b, c và d

112. Việc áp giá FTP mua vốn của Hội sở chính phải tuân thủ quy định về trần lãi suất của NHNN. Điều này đúng hay sai?

- a. Đúng
- b. Sai

113. Cơ chế quản lý vốn tập trung của BIDV hiện hành được quy định tại văn bản nào?

- a. QĐ 124/QĐ-ALCO2 ngày 10/2/2010
- b. QĐ 7038/QĐ-ALCO3 ngày 31/12/2010
- c. QĐ 10033/QĐ-NVKD1 ngày 26/12/2006

114. Các giao dịch bán buôn được ưu đãi về giá FTP hơn các giao dịch bán lẻ. Điều này đúng hay sai?

- a. Đúng
- b. Sai

115. Thu nhập FTP được ghi nhận vào chỉ tiêu lợi nhuận làm căn cứ đánh giá hoàn thành kế hoạch kinh doanh của chi nhánh. Điều này đúng hay sai?

- a. Đúng
- b. Sai

116. Những căn cứ nào để xác định hệ số Q (dư nợ /huy động)?

- a. Dư nợ cho vay khách hàng và Huy động vốn
- b. Dư nợ cho vay và Tiền gửi khách hàng
- c. Dư nợ cho vay TCKT và Tiền gửi khách hàng
- d. Dư nợ cho vay TCKT và Huy động vốn

117. Mục tiêu của điều hành vốn qua quản lý hệ số Q (dư nợ/huy động) là gì?:

- a. Không chế tăng trưởng tín dụng
- b. Đảm bảo tăng trưởng huy động vốn
- c. Hỗ trợ quản lý thanh khoản
- d. Đảm bảo thực hiện giới hạn tín dụng
- e. Cả a, b và c

118. Trên giác độ toàn hệ thống, hệ số Q (dư nợ /huy động) phản ánh điều gì?

- a. Khả năng cung ứng vốn cho nền kinh tế của ngân hàng
- b. Khả năng thanh khoản của ngân hàng
- c. Tình hình thực hiện chế tài quy định của NHNN

119. Chi nhánh có hệ số $Q > 1$ có nghĩa là gì?

- a. Chi nhánh có khả năng tự cân đối vốn
- b. Chi nhánh không có khả năng tự cân đối vốn
- c. Chi nhánh tự đảm bảo dự trữ thanh khoản tại chi nhánh

120. Chi nhánh có hệ số $Q < 1$ có nghĩa là gì?

- a. Chi nhánh có khả năng tự cân đối vốn
- b. Chi nhánh không có khả năng tự cân đối vốn
- c. Chi nhánh tự đảm bảo dự trữ thanh khoản tại chi nhánh

121. Chi nhánh vi phạm hệ số Q từ cấp độ 2 trở lên phải thực hiện điều gì?

- a. Ngừng giải ngân cho vay trừ thanh toán L/C
- b. Bị phạt FTP đối với dư nợ vượt Q.
- c. Tập trung thu nợ, đẩy mạnh HĐV để khắc phục vi phạm Q
- d. Thực hiện cơ cấu lại nền khách hàng để nâng cao chất lượng tín dụng
- e. Cả a, b và c

PHẦN 5: QUẢN LÝ RỦI RO

I. TỔNG QUAN

122. Khẩu vị rủi ro (risk appetite) có thể được hiểu là gì?

- a. Mức độ rủi ro (gắn với mức lợi nhuận) có thể chấp nhận được

- b. Qui định những lĩnh vực, thị trường, sản phẩm có thể tham gia
- c. Ngân hàng đó không thích rủi ro
- d. Phương án a và b nêu trên là đúng
- e. Cả 3 phương án (a,b và c) nêu trên đều đúng

123. Nguyên tắc quản lý rủi ro chủ yếu bao gồm những yếu tố gì?

- a. Nguyên tắc phân tán rủi ro
- b. Tính độc lập của bộ phận quản lý rủi ro
- c. Tính liên tục đảm bảo theo kịp thay đổi của thị trường
- d. Cả 3 phương án trên đều đúng
- e. Chỉ có phương án a) là đúng.

124. Qui trình quản lý rủi ro thông thường gồm những nội dung gì?

- a. Nhận biết, đo lường, quản lý và kiểm soát/xử lý rủi ro
- b. Nhận biết, đo lường và quản lý rủi ro
- c. Nhận biết, đánh giá và rút kinh nghiệm
- d. Không có phương án nào đúng cả.

125. Quản lý rủi ro trong ngân hàng cần được thực hiện trong mối quan hệ tổng thể giữa các loại rủi ro với nhau. Đúng hay sai?

- a. Đúng
- b. Sai

126. Các phương pháp nhận biết rủi ro trong hoạt động tài chính-ngân hàng là gì?

- a. Phương pháp dựa vào mục tiêu
- b. Phương pháp dựa ra tình huống
- c. Phương pháp dựa vào kinh nghiệm/tiền lệ
- d. Cả 3 phương pháp nêu trên đều đúng
- e. Không có phương pháp nào nêu trên là đúng

127. Nguyên nhân chính gây nên rủi ro trong hoạt động ngân hàng là gì?

- a. Nguyên nhân do bản thân ngân hàng
- b. Nguyên nhân do phía khách hàng/đối tác
- c. Nguyên nhân khách quan do môi trường bên ngoài
- d. Không có phương án nào nêu trên là đúng
- e. Cả 3 phương án (a,b và c) nêu trên đều đúng

128. Các biện pháp quản lý rủi ro cơ bản là gì?

- a. Đảm bảo tính tuân thủ
- b. Xác lập hạn mức và trạng thái giao dịch
- c. Xây dựng và thực hiện chiến lược, chính sách và qui trình quản lý rủi ro

- d. Không có phương án nào nêu trên là đúng
- e. Cả 3 phương án (a,b và c) nêu trên đều đúng

129. Chiến lược quản lý rủi ro không cần phải dựa trên chiến lược tổng thể của ngân hàng. Đúng hay sai?

- a. Đúng
- b. Sai

130. Trong hoạt động tài chính-ngân hàng, có những loại rủi ro chính nào?

- a. Rủi ro tín dụng
- b. Rủi ro thị trường và rủi ro thanh khoản
- c. Rủi ro tác nghiệp
- d. Cả 3 phương án (a,b và c) nêu trên đều đúng
- e. Không có phương án nào nêu trên là đúng

131. Các hình thức giảm thiểu/bảo hiểm rủi ro trong hoạt động ngân hàng chủ yếu là gì?

- a. Mua bảo hiểm tín dụng
- b. Phân tán rủi ro bằng cách đa dạng hóa hoạt động
- c. Chia sẻ rủi ro với đối tác khác
- d. Gồm cả 3 hình thức nêu trên
- e. Không có hình thức nào nêu trên là đúng cả

132. Qui định trong Hiệp ước Basel II chủ yếu tập trung vào nội dung nào sau đây?

- a. Yêu cầu về vốn tối thiểu
- b. Yêu cầu về giám sát của cơ quan chức năng
- c. Tăng cường tính kỷ luật của thị trường
- d. Cả 3 nội dung trên đều đúng
- e. Không có nội dung nào nêu trên là đúng cả.

133. Để đánh giá rủi ro trong hoạt động tài chính-ngân hàng, ta cần sử dụng cả phân tích định tính và định lượng. Đúng hay sai?

- a. Đúng
- b. Sai

134. Để làm tốt công tác quản lý rủi ro, ngân hàng cần thành lập ủy ban/hội đồng quản lý rủi ro để có thể giúp HĐQT về mặt chuyên môn. Đúng hay sai?

- a. Đúng
- b. Sai

II. QUẢN LÝ RỦI RO THANH KHOẢN

135. Rủi ro thanh khoản xảy ra khi nào?

- a. Ngân hàng không có khả năng thanh toán

- b. Ngân hàng phải huy động vốn với chi phí cao để thực hiện nghĩa vụ thanh toán khi đến hạn
- c. Công nghệ ngân hàng thay đổi
- d. Chỉ có phương án a) và b) nêu trên là đúng
- e. Cả ba phương án (a,b và c) nêu trên đều đúng.

136. Các nguồn nào sau đây là nguồn cung thanh khoản?

- a. Tiền gửi khách hàng
- b. Vay Tổ chức tín dụng khác
- c. Giải ngân cho vay khách hàng
- d. Khách hàng trả nợ
- e. Cả a, b và d

137. Các nguồn nào sau đây là nguồn cầu thanh khoản?

- a. Khách hàng rút tiền gửi từ tài khoản
- b. Yêu cầu vay vốn của khách hàng
- c. Trả nợ vay ngân hàng trung ương
- d. Ngân hàng đi vay trên thị trường tiền tệ
- e. Cả a, b và c

138. Khoản mục nào sau đây là tài sản "Có" thanh toán ngay?

- a. Số dư tiền mặt tại quỹ cuối ngày hôm trước
- b. Số dư tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước (trừ tiền gửi dự trữ bắt buộc)
- c. Số dư các khoản cho vay có đảm bảo, đến hạn thanh toán trong 7 ngày tiếp theo
- d. Giá trị sổ sách của tín phiếu Kho Bạc, tín phiếu do Ngân hàng Nhà nước phát hành
- e. Cả a, c và d

139. Hoạt động nào sau đây có thể gây thiếu hụt thanh khoản cho ngân hàng?

- a. Khách hàng rút tiền gửi trước hạn
- b. Khách hàng trả nợ vay trước hạn
- c. Vay ngân hàng nhà nước
- d. Khách hàng trả lãi vay ngân hàng

140. Trong quản trị rủi ro thanh khoản của ngân hàng, ngân hàng quan tâm đến loại kỳ hạn nào của tài sản?

- a. Kỳ hạn danh nghĩa.
- b. Kỳ hạn thực tế.
- c. Kỳ định giá lại tài sản.
- d. Cả 3 loại trên

141. Tính thanh khoản của tài sản được xác định bởi yếu tố nào sau đây?

- a. Chi phí để chuyển hóa tài sản đó thành tiền mặt
- b. Giá trị sổ sách của tài sản

- c. Giá trị thị trường của tài sản
- d. Thời gian để chuyển hóa tài sản đó thành tiền mặt
- e. Cả a và d

142. Ngân hàng phải dự trữ bắt buộc cho khoản mục nào sau đây?

- a. Tiền gửi không kỳ hạn của khách hàng Tổ chức kinh tế
- b. Chứng chỉ tiền gửi do TCTD phát hành
- c. Tiền gửi không kỳ hạn của các TCTD khác.
- d. Tiền gửi tiết kiệm của cá nhân
- e. Cả a, b và d

143. Các khoản mục nào sau đây thuộc Dự trữ thanh toán?

- a. Tiền mặt tại quỹ
- b. Tiền gửi tại NHNN
- c. Cho vay khách hàng có kỳ hạn còn lại dưới 1 tháng
- d. Trái phiếu chính phủ có kỳ hạn 5 năm
- e. Cả a, b và d

144. Điều nào sau đây là đúng khi ngân hàng có khe hở thanh khoản dương?

- a. Ngân hàng thặng dư về thanh khoản
- b. Ngân hàng thâm hụt về thanh khoản.
- c. Ngân hàng đảm bảo khả năng thanh toán

145. Một ngân hàng có khả năng thanh khoản tốt khi nào?

- a. Có tỷ lệ dư nợ cho vay/ huy động vốn rất thấp.
- b. Có rất nhiều tiền gửi tại NHNN và đầu tư trên thị trường LNH.
- c. Có nguồn vốn khả dụng với quy mô hợp lý, có khả năng huy động vốn từ các kênh và khả năng chuyển đổi các tài sản thành tiền nhanh chóng với chi phí hợp lý để đáp ứng cho nhu cầu của ngân hàng tại mọi thời điểm.

146. Nguyên nhân nào sau đây dẫn đến rủi ro thanh khoản của ngân hàng ?

- a. Sự mất cân bằng kỳ hạn giữa tài sản và nguồn vốn
- b. Sự thay đổi trong hành vi của người gửi tiền
- c. Sự thay đổi trong chính sách điều hành của NHNN
- d. Sự thay đổi trong chính sách khách hàng của ngân hàng
- e. Cả a, b và c

147. Chỉ tiêu nào sau đây phản ánh khả năng thanh khoản của ngân hàng?

- a. Tỷ lệ dự trữ thanh toán /huy động vốn
- b. Tỷ lệ khe hở thanh khoản /tổng tài sản
- c. Tỷ lệ huy động vốn /cho vay
- d. Tỷ lệ tài sản có sinh lời
- e. Cả a, b và c

148. Yếu tố nào sau đây khiến thanh khoản các ngân hàng trong năm 2008-2010 căng thẳng?

- a. Tín dụng tăng trưởng nóng

- b. Khách hàng có xu hướng gửi tiền kỳ hạn ngắn.
- c. Ảnh hưởng của khủng hoảng kinh tế thế giới
- d. Tất cả các đáp án trên

149. Ngân hàng nào tại Việt nam đã từng phải đối mặt với rủi ro mất thanh khoản khi khách hàng ồ ạt đến rút tiền do tin đồn?

- a. Vietinbank
- b. ACB
- c. Techcombank
- d. Eximbank

150. Dự trữ sơ cấp bao gồm những khoản mục nào?

- a. Số dư tiền mặt tại quỹ và các tài sản tương đương tiền, tiền gửi thanh toán tại Ngân hàng Nhà nước, tiền gửi thanh toán tại các tổ chức tín dụng khác.
- b. Số dư tiền mặt tại quỹ và các tài sản tương đương tiền, tiền gửi thanh toán tại Ngân hàng Nhà nước, tiền gửi thanh toán và tiền gửi có kỳ hạn tại các tổ chức tín dụng khác.
- c. Số dư tiền mặt tại quỹ và các tài sản tương đương tiền, tiền gửi thanh toán tại Ngân hàng Nhà nước, tín phiếu kho bạc nhà nước, trái phiếu chính phủ.
- d. Số dư tiền mặt tại quỹ và các tài sản tương đương tiền, tiền gửi thanh toán tại Ngân hàng Nhà nước, tiền gửi tại các tổ chức tín dụng, tín phiếu kho bạc nhà nước, trái phiếu chính phủ.

151. Biện pháp nào ngân hàng có thể áp dụng khi dư thừa thanh khoản ngắn hạn?

- a. Đầu tư tiền gửi liên ngân hàng
- b. Huy động vốn với kỳ hạn ngắn
- c. Cho vay trung dài hạn
- d. Giảm huy động vốn trung dài hạn

152. Biện pháp nào sau đây ngân hàng không nên áp dụng khi dư thừa thanh khoản ngắn hạn?

- a. Đầu tư tiền gửi liên ngân hàng
- b. Vay liên ngân hàng
- c. Đầu tư giấy tờ có giá ngắn hạn
- d. Đáp án b và c

153. Biện pháp nào sau đây ngân hàng có thể áp dụng khi thiếu hụt thanh khoản?

- a. Vay ngân hàng nhà nước, các tổ chức tín dụng khác
- b. Tích cực huy động vốn khách hàng
- c. Hạn chế cho vay, đầu tư
- d. Tất cả các đáp án trên

154. Việc làm nào sau đây không nên thực hiện khi thanh khoản khó khăn?

- a. Vay ngân hàng nhà nước, các tổ chức tín dụng khác
- b. Tích cực huy động vốn khách hàng
- c. Tặng cho vay đầu tư
- d. Tặng tài sản thanh khoản cao

155. Biện pháp nào sau đây có thể áp dụng để hạn chế rủi ro thanh khoản trong ngắn hạn?

- a. Hạn chế phát vay mới
- b. Bán các tài sản thanh khoản
- c. Vay trên liên ngân hàng
- d. Cả 3 đáp án trên

156. Những nguyên nhân nào sau đây có thể tạo ra cú sốc về rút tiền gửi?

- a. Người gửi tiền lo ngại về khả năng thanh toán của ngân hàng
- b. Sự sụp đổ của một ngân hàng làm những người gửi tiền lo lắng đến khả năng thanh toán của các ngân hàng khác
- c. Sự chuyển hướng đột ngột ưu tiên đầu tư từ tiền gửi ngân hàng sang các tài sản tài chính phi ngân hàng (như trái phiếu kho bạc, trái phiếu công ty...)
- d. Tất cả các đáp án trên

157. Ngân hàng có thể hỗ trợ thanh khoản tiền đồng bằng cách duy trì trạng thái ngoại tệ như thế nào?

- a. Trạng thái trường
- b. Trạng thái đoàn
- c. Trạng thái cân bằng
- d. Không có đáp án nào đúng

158. Mệnh đề nào sau đây không đúng?

- a. Khả năng thanh khoản tăng khi tiền gửi tăng
- b. Khả năng thanh khoản giảm khi cho vay giảm
- c. Khả năng thanh khoản tăng khi ngân hàng tăng vay vốn từ ngân hàng nhà nước
- d. Khả năng thanh khoản giảm khi cho vay tăng

159. Ngân hàng có trạng thái thanh khoản ròng dương khi nào?

- a. Cầu về thanh khoản của ngân hàng < cung thanh khoản
- b. Cầu về thanh khoản của ngân hàng = cung thanh khoản
- c. Cầu về thanh khoản của ngân hàng > cung thanh khoản

160. Ngân hàng có trạng thái thanh khoản ròng âm khi nào?

- a. Cầu về thanh khoản của ngân hàng < cung thanh khoản
- b. Cầu về thanh khoản của ngân hàng = cung thanh khoản
- c. Cầu về thanh khoản của ngân hàng > cung thanh khoản

- 161. Trong điều kiện thông thường, giữa tính lỏng và chi phí một nguồn vốn có mối quan hệ như thế nào?**
- Tỷ lệ thuận
 - Tỷ lệ nghịch
 - Không có quan hệ
- 162. Khe hở thanh khoản là gì?**
- Chênh lệch tại từng dải kỳ hạn giữa số dư tài sản Có và số dư tài sản Nợ tính theo kỳ hạn còn lại
 - Chênh lệch tại từng dải kỳ hạn giữa số dư tài sản Có và số dư tài sản Nợ tính theo kỳ hạn danh nghĩa
 - Chênh lệch tại từng dải kỳ hạn giữa số dư tài sản Có và số dư tài sản Nợ tính theo kỳ hạn định giá lại
- 163. Khe hở thanh khoản lũy kế là gì?**
- Giá trị cộng dồn khe hở thanh khoản tại các dải kỳ hạn tại 1 thời điểm
 - Giá trị cộng dồn khe hở thanh khoản tại các dải kỳ hạn trong 1 khoảng thời gian nhất định
 - Chênh lệch tại từng dải kỳ hạn giữa số dư tài sản Có và số dư tài sản Nợ tính theo kỳ hạn còn lại.
- 164. Khi thiếu hụt thanh khoản VND xảy ra, NHTM có thể bù đắp thiếu hụt từ các nguồn nào?**
- Bán giấy tờ có giá trên thị trường mở, chiết khấu, tái cấp vốn
 - Vay các tổ chức tín dụng khác trên thị trường liên ngân hàng
 - Bán tài sản thanh khoản (TPCP, GTCG, chứng khoán...)
 - Giảm kỳ hạn định giá lại của cho vay khách hàng
 - Cả a, b và c
- 165. Những yếu tố ảnh hưởng đến quản trị rủi ro thanh khoản của ngân hàng?**
- Khẩu vị rủi ro của ngân hàng
 - Đặc điểm môi trường kinh doanh
 - Điều hành chính sách tiền tệ của Ngân hàng nhà nước
 - Tất cả các đáp án trên
- 166. Khi dự báo lãi suất tăng trong thời gian tới, khách hàng sẽ có xu hướng như thế nào?**
- Gửi tiền ngắn hạn
 - Gửi tiền dài hạn
 - Chọn sản phẩm có lãi suất cố định

- 167. Lãi suất liên ngân hàng tăng cao trong khi nguồn cung hạn chế phản ánh điều gì?**
- a. Thanh khoản hệ thống ngân hàng căng thẳng
 - b. Thanh khoản hệ thống ngân hàng ổn định
 - c. Thanh khoản hệ thống ngân hàng dư thừa

III. QUẢN LÝ RỦI RO THỊ TRƯỜNG

- 168. Điều nào dưới đây phản ánh đầy đủ, chính xác nhất về khái niệm rủi ro thị trường?**

- a. Biến động các yếu tố giá thị trường gây tác động bất lợi tới giá trị các khoản mục tài sản có của ngân hàng
- b. Biến động các yếu tố giá thị trường gây tác động bất lợi tới giá trị các khoản mục tài sản nợ của ngân hàng
- c. Biến động các yếu tố giá thị trường gây tác động bất lợi tới giá trị các khoản mục tài sản có và/ hoặc các khoản mục tài sản nợ của ngân hàng
- d. Biến động các yếu tố giá thị trường gây tác động bất lợi tới giá trị các khoản mục tài sản có và các khoản mục tài sản nợ của ngân hàng

- 169. Rủi ro thị trường bao gồm những loại rủi ro nào?**

- a. Rủi ro ngoại hối; Rủi ro lãi suất
- b. Rủi ro ngoại hối; Rủi ro lãi suất; Rủi ro giá chứng khoán
- c. Rủi ro ngoại hối; Rủi ro lãi suất; Rủi ro giá hàng hóa
- d. Rủi ro ngoại hối; Rủi ro lãi suất; Rủi ro giá chứng khoán; Rủi ro giá hàng hóa

- 170. Để quản lý rủi ro thị trường, cần xác lập điều gì sau đây?**

- a. Các hạn mức và trạng thái giao dịch
- b. Xây dựng và thực hiện tốt chính sách và qui trình về quản lý rủi ro thị trường
- c. Giám sát tuân thủ
- d. Cả 3 phương án trên đều đúng

- 171. Hành động (các hành động) nào dưới đây nằm trong quy trình quản lý rủi ro thị trường?**

- a. Nhận diện; Đo lường/đánh giá
- b. Giám sát/báo cáo
- c. Giảm thiểu
- d. a, b và c

- 172. Theo Hiệp ước Basel II, Ủy ban Giám sát ngân hàng khuyến nghị các ngân hàng thương mại xác định yêu cầu vốn cho rủi ro thị trường. Điều này đúng hay sai**

- a. Đúng

b. Sai

173. Hai phương pháp được khuyến nghị sử dụng để đo lường rủi ro thị trường theo Basel II là phương pháp chuẩn hóa và phương pháp mô hình nội bộ:

a. Đúng

b. Sai

174. Hiện nay, tại Ngân hàng ĐT&PT VN, đơn vị nào dưới đây chịu trách nhiệm thẩm định, trình phê duyệt các hạn mức quản lý rủi ro lãi suất, ngoại hối, giá chứng khoán, giá hàng hóa?

a. Ban MIS & ALCO

b. Ban Vốn & Kinh doanh vốn

c. Ban QLRR Thị trường và Tác nghiệp

d. Ban QLRR Tín dụng

175. Công cụ (các công cụ) nào dưới đây đã được Ngân hàng ĐT&PT VN triển khai áp dụng trong công tác quản lý rủi ro thị trường?

a. Giá trị chịu rủi ro ngoại hối

b. Giá trị chịu rủi ro lãi suất

c. Giá trị chịu rủi ro trái phiếu; Giá trị chịu rủi ro cổ phiếu

d. a, b và c

176. Hội đồng Quản lý tài sản nợ, có của Ngân hàng ĐT&PT VN quy định điều nào dưới đây về rủi ro thị trường?

a. Hạn mức giá trị chịu rủi ro ngoại hối

b. Hệ thống hạn mức và kiểm soát đối với hoạt động tự doanh trái phiếu

c. Hệ thống hạn mức và kiểm soát đối với hoạt động tự doanh ngoại tệ

d. a, b và c

177. Công tác giám sát, báo cáo thực trạng/ tình hình tuân thủ các quy định về hạn mức và kiểm soát rủi ro thị trường được Ban QLRR TT&TN thực hiện thông qua Báo cáo quản lý rủi ro thị trường hàng ngày. Điều này đúng hay sai?

a. Đúng

b. Sai

178. Các trường hợp vượt hạn mức giá trị chịu rủi ro ngoại hối được Ban QLRR TT&TN cùng đơn vị kinh doanh đồng ký tờ trình báo cáo Ban

Lãnh đạo là văn hóa quản lý rủi ro hiện đang được triển khai tại Ngân hàng ĐT&PT VN. Điều này đúng hay sai?

- a. Đúng
- b. Sai

179. Điều nào dưới đây phản ánh đầy đủ, chính xác nhất về khái niệm giá trị chịu rủi ro (VaR) ngoại hối?

- a. Là đại lượng dự báo mức tổn thất lớn nhất có thể xảy ra khi nắm giữ một trạng thái rủi ro trong một khoảng thời gian nhất định với một độ tin cậy cho trước
- b. Là đại lượng cho biết mức tổn thất chắc chắn xảy ra khi nắm giữ một trạng thái rủi ro trong một khoảng thời gian nhất định
- c. Là đại lượng dự báo mức tổn thất bình quân có thể xảy ra khi nắm giữ một trạng thái rủi ro trong một khoảng thời gian nhất định
- d. Là đại lượng dự báo mức tổn thất lớn nhất có thể xảy ra khi nắm giữ một trạng thái rủi ro trong một khoảng thời gian nhất định

180. Ngân hàng ĐT&PT VN đang sử dụng phương pháp nào dưới đây để đo lường giá trị chịu rủi ro (VaR) ngoại hối?

- a. Phương pháp tham số hay còn gọi là phương pháp phương sai - hiệp phương sai
- b. Phương pháp mô phỏng lịch sử
- c. Phương pháp Monte Carlo

181. Hạn mức giá trị chịu rủi ro USD do Ban QLRR TT&TN thẩm định trình Ban Lãnh đạo phê duyệt bao gồm hạn mức tối đa, hạn mức kỳ vọng cao và hạn mức kỳ vọng thấp. Điều này đúng hay sai?

- a. Đúng
- b. Sai

182. Dữ liệu nào dưới đây được sử dụng để đo lường VaR ngoại hối:

- a. Tỷ giá hối đoái 251 ngày làm việc liền trước
- b. Trạng thái ngoại hối
- c. Thời gian nắm giữ
- d. a, b và c

183. Theo quy định hiện hành của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, các ngân hàng thương mại được phép nắm giữ trạng thái ngoại tệ trên vốn tự có tối đa là 30%. Điều này đúng hay sai?

- a. Đúng
- b. Sai

184. Rủi ro lãi suất xảy ra khi nào ?

- a. Lãi suất thị trường biến động gây ảnh hưởng tới thu nhập ròng từ lãi và giá trị vốn của ngân hàng
- b. Lãi suất thị trường biến động gây ảnh hưởng bất lợi tới thu nhập ròng từ lãi và/hoặc giá trị vốn của ngân hàng.
- c. Lãi suất thị trường tăng gây ảnh hưởng tới thu nhập ròng từ lãi và giá trị vốn của ngân hàng
- d. Lãi suất thị trường giảm gây ảnh hưởng tới thu nhập ròng từ lãi và giá trị vốn của ngân hàng

185. Các công cụ nào dưới đây được sử dụng để quản lý rủi ro lãi suất?

- a. Khe hở tài sản nhạy cảm lãi suất; Khe hở thời lượng
- b. Thay đổi thu nhập ròng từ lãi; Thay đổi giá trị vốn ngân hàng
- c. Thu nhập chịu rủi ro; Giá trị chịu rủi ro
- d. Tất cả các công cụ nêu trên

186. Các khoản mục Tài sản Có hoặc Tài sản Nợ trên bảng tổng kết tài sản được xem là nhạy cảm với lãi suất khi nào?

- a. Mức sinh lời/chi phí của khoản mục đó thay đổi khi lãi suất thay đổi
- b. Mức sinh lời/chi phí của khoản mục đó giảm khi lãi suất tăng
- c. Mức sinh lời/chi phí của khoản mục đó giảm khi lãi suất giảm
- d. Mức sinh lời/chi phí của khoản mục đó tăng khi lãi suất tăng

187. Khe hở tài sản nhạy cảm lãi suất được hiểu là gì?

- a. Chênh lệch giữa giá trị Tài sản Có nhạy cảm lãi suất và giá trị Tài sản Nợ nhạy cảm lãi suất theo từng dải kỳ hạn
- b. Chênh lệch giữa giá trị Tài sản Nợ và giá trị Tài sản Có theo từng dải kỳ hạn
- c. Tài sản có nhạy cảm lãi suất theo từng dải kỳ hạn
- d. Tài sản nợ nhạy cảm lãi suất theo từng dải kỳ hạn

188. Giới hạn khe hở tài sản nhạy cảm lãi suất của Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam hiện đang được quy định như thế nào?

- a. Cho các dải kỳ hạn đến 3 tháng, đến 6 tháng đối với VND và USD
- b. Cho các dải kỳ hạn đến 3 tháng, đến 6 tháng, đến 9 tháng đối với VND và USD
- c. Cho các dải kỳ hạn đến 6 tháng, đến 9 tháng, đến 12 tháng đối với VND và USD
- d. Cho các dải kỳ hạn đến 3 tháng, đến 6 tháng, đến 9 tháng, đến 12 tháng đối với VND và USD

189. Δ NII là công cụ gì?

- a. Dự báo mức thay đổi thu nhập ròng từ lãi của ngân hàng trước các biến động lãi suất thị trường với một độ tin cậy nhất định
- b. Cho biết mức thay đổi thu nhập ròng từ lãi của ngân hàng trước các giả định biến động lãi suất thị trường
- c. Dự báo mức thay đổi thu nhập ròng từ lãi bình quân của ngân hàng trước các biến động lãi suất thị trường với một độ tin cậy nhất định
- d. Dự báo mức thay đổi thu nhập ròng từ lãi lớn nhất của ngân hàng trước các biến động lãi suất thị trường với một độ tin cậy nhất định

Đáp án: b

190. Với các điều kiện giả định cơ bản, thu nhập ròng từ lãi 3 tháng tới của ngân hàng sẽ tăng khi lãi suất thị trường tăng trong trường hợp: nào?

- a. Ngân hàng duy trì khe hở tài sản nhạy cảm lãi suất đến 3 tháng dương
- b. Ngân hàng duy trì khe hở tài sản nhạy cảm lãi suất đến 3 tháng âm
- c. Ngân hàng duy trì khe hở tài sản nhạy cảm lãi suất đến 3 tháng bằng không

191. Khe hở thời lượng cho biết điều gì?

- a. Mức độ nhạy cảm của giá trị vốn của ngân hàng trước các biến động lãi suất thị trường
- b. Mức độ nhạy cảm của thu nhập ròng từ lãi của ngân hàng trước các biến động lãi suất thị trường
- c. Mức độ nhạy cảm của thu nhập ròng từ lãi và giá trị vốn của ngân hàng trước các biến động lãi suất thị trường

192. Trong quản lý rủi ro lãi suất đối với Sở ngân hàng, ΔEV là công cụ gì?

- a. Dự báo mức thay đổi giá trị vốn của ngân hàng trước các biến động lãi suất thị trường với một độ tin cậy nhất định
- b. Cho biết mức thay đổi giá trị vốn của ngân hàng trước các giả định biến động lãi suất thị trường
- c. Dự báo mức thay đổi giá trị vốn bình quân của ngân hàng trước các biến động lãi suất thị trường với một độ tin cậy nhất định
- d. Dự báo mức thay đổi giá trị vốn lớn nhất của ngân hàng trước các biến động lãi suất thị trường với một độ tin cậy nhất định

193. Phương pháp nào dưới đây hiện đang được Ngân hàng ĐT&PT VN sử dụng để đo lường giá trị chịu rủi ro (VaR) lãi suất?

- a. Phương pháp mô phỏng lịch sử
- b. Phương pháp phương sai – hiệp phương sai hay còn gọi là phương pháp tham số
- c. Phương pháp Monte Carlo

- 194. Dữ liệu nào dưới đây được Ban QLRR TT&TN sử dụng để đo lường giá trị chịu rủi ro (VaR) lãi suất hàng ngày?**
- a. Lãi suất thị trường
 - b. Khe hở thời lượng
 - c. Độ tin cậy
 - d. a, b và c
- 195. Hiện nay, Ban QLRR TT&TN đang thực hiện đo lường, báo cáo giá trị chịu rủi ro (VaR) lãi suất đối với loại tiền tệ nào?**
- a. VND
 - b. USD
 - c. a và b
- 196. Độ tin cậy được sử dụng trong phương pháp tính giá trị chịu rủi ro (VaR) lãi suất của Ngân hàng ĐT&PT VN là bao nhiêu?**
- a. 99%
 - b. 95%
 - c. 97.5%
- 197. Để xác định giá trị chịu rủi ro (VaR) lãi suất, hiện nay Ngân hàng ĐT&PT VN đang sử dụng dữ liệu lãi suất của bao nhiêu ngày trong quá khứ?**
- a. 250 ngày trong quá khứ
 - b. 249 ngày trong quá khứ
 - c. 251 ngày trong quá khứ
- 198. Ngân hàng ĐT&PT VN đã thực hiện kiểm nghiệm giả thuyết (Back test) và thử nghiệm khủng hoảng (Stress test) đối với giá trị chịu rủi ro lãi suất. Điều này đúng hay sai?**
- a. Đúng
 - b. Sai
- 199. Theo Quy chế tổ chức và hoạt động của ALCO ban hành kèm theo Quyết định số 0438/QĐ-ALCO3 ngày 03.02.2009, Ban MIS&ALCO có nhiệm vụ “Đầu mối phối hợp với Ban Vốn và Kinh doanh vốn đánh giá, phân tích và đề xuất các giới hạn về rủi ro lãi suất”. Đúng hay sai?**
- a. Đúng
 - b. Sai
- 200. Theo Quy chế tổ chức và hoạt động của ALCO ban hành kèm theo Quyết định số 0438/QĐ-ALCO3 ngày 03.02.2009, Ban QLRR TT&TN có nhiệm vụ “Thẩm định và trình ALCO phê duyệt các hạn mức rủi ro lãi suất của Sở Ngân hàng do Ban MIS&ALCO đề nghị”:**

- a. Đúng
- b. Sai

201. Lãi suất nào dưới đây không được công bố trên website của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam?

- a. Lãi suất huy động
- b. Lãi suất cơ bản
- c. Lãi suất tái chiết khấu
- d. Lãi suất tái cấp vốn

202. Theo quy định hiện hành của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, lãi suất cơ bản bằng đồng Việt Nam là:

- a. 7%/năm
- b. 8%/năm
- c. 9%/năm
- d. Không phải số nào trên đây

203. Theo quy định tại Thông tư số 02/2011/TT-NHNN ngày 03.03.2011 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, tổ chức tín dụng ấn định mức lãi suất huy động vốn bằng đồng Việt Nam của các tổ chức (trừ tổ chức tín dụng) và cá nhân không vượt quá bao nhiêu?

- a. 13%/năm
- b. 14%/năm
- c. 15%/năm
- d. Không phải số nào trên đây

204. Theo quy định tại Thông tư số 14/2011/TT-NHNN ngày 01.06.2011 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, tổ chức tín dụng ấn định mức lãi suất huy động vốn tối đa bằng đô la Mỹ của cá nhân là người cư trú, cá nhân là người không cư trú là bao nhiêu?

- a. 2%/năm
- b. 3%/năm
- c. 4%/năm
- d. Không phải số nào trên đây

205. Giá trái phiếu biến động như thế nào so với lãi suất thị trường?

- a. Tỷ lệ thuận với lãi suất thị trường
- b. Tỷ lệ nghịch với lãi suất thị trường
- c. Không phụ thuộc vào lãi suất thị trường

- 206. Thời lượng của một trái phiếu được xác định như thế nào?**
- a. Kỳ hạn của trái phiếu
 - b. Kỳ hạn thực tế của trái phiếu
 - c. Kỳ hạn còn lại của trái phiếu
- 207. Thời lượng của một trái phiếu được xác định như thế nào?**
- a. Giá trị bình quân gia quyền kỳ đến hạn các luồng tiền với quyền số là giá trị hiện tại của các luồng tiền tương ứng
 - b. Giá trị bình quân kỳ đến hạn các luồng tiền
 - c. Giá trị kỳ đến hạn của luồng tiền lớn nhất
- 208. Lãi suất nào dưới đây được khuyến khích sử dụng để chiết khấu các dòng tiền khi định giá trái phiếu?**
- a. Lãi suất đáo hạn (YTM)
 - b. Lãi suất huy động của ngân hàng
 - c. Lãi suất cho vay của ngân hàng
- 209. Công cụ nào dưới đây không được sử dụng để quản lý rủi ro giá trái phiếu?**
- a. MD
 - b. DVO1
 - c. VaR
 - d. Δ NII
- 210. Dữ liệu nào dưới đây được sử dụng để đo lường giá trị chịu rủi ro (VaR) cổ phiếu?**
- a. Biến động giá cổ phiếu trong 251 ngày làm việc liền trước
 - b. Số lượng cổ phiếu nắm giữ
 - c. Độ tin cậy
 - d. a, b và c
- 211. Ngân hàng ĐT&PT VN đã thực hiện đo lường giá trị chịu rủi ro (VaR) cổ phiếu đối với danh mục cổ phiếu niêm yết và danh mục cổ phiếu OTC. Đúng hay sai?**
- a. Đúng
 - b. Sai
- 212. Phương pháp nào dưới đây hiện đang được Ngân hàng ĐT&PT VN sử dụng để đo lường giá trị chịu rủi ro (VaR) của cổ phiếu?**
- a. Phương pháp mô phỏng lịch sử
 - b. Phương pháp phương sai – hiệp phương sai hay còn gọi là phương pháp tham số
 - c. Phương pháp Monte Carlo

Đáp án: a

213. Điều nào sau đây được quy định trong Basel II?

- a. ‘Hàng hóa – commodity’ trong khái niệm ‘rủi ro hàng hóa’ là các sản phẩm vật chất đang hoặc có thể giao dịch trên thị trường thứ cấp như nông sản, khoáng sản và kim loại quý (trừ vàng)
- b. Ngân hàng không phải xác định yêu cầu vốn tối thiểu đối với rủi ro hàng hóa
- c. Không có mô hình quản lý dành cho rủi ro hàng hóa
- d. Không có phương pháp quản lý dành cho rủi ro hàng hóa

214. Ngân hàng ĐT&PT VN chưa thực hiện tự doanh đối với giao dịch hàng hóa tương lai. Đúng hay sai?

- a. Đúng
- b. Sai

215. Ngân hàng ĐT&PT VN đã cung cấp dịch vụ giao dịch hàng hóa tương lai cho khách hàng. Đúng hay sai?

- a. Đúng
- b. Sai

216. Các khách hàng sử dụng dịch vụ giao dịch hàng hóa tương lai của Ngân hàng ĐT&PT VN đều được cấp hạn mức giao dịch. Đúng hay sai?

- a. Đúng
- b. Sai

217. Ngân hàng ĐT&PT VN đã ban hành Quy định đánh giá xếp hạng và xác lập hạn mức cho khách hàng trong giao dịch hàng hóa tương lai kèm theo Quyết định số 4413/QĐ-QLRRTT1 ngày 30.08.2010. Đúng hay sai?

- a. Đúng
- b. Sai

IV. QUẢN LÝ RỦI RO TÁC NGHIỆP

218. Rủi ro tác nghiệp chủ yếu là do các yếu tố nào sau đây gây nên?

- a. Con người
- b. Qui trình và công nghệ
- c. Khách quan
- d. Chỉ có yếu tố b) và c) nêu trên là đúng
- e. Cả ba yếu tố (a,b và c) nêu trên đều đúng.

219. Rủi ro đạo đức có thể được coi là một loại rủi ro tác nghiệp. Đúng hay sai?

- a. Đúng
- b. Sai

220. Rủi ro tác nghiệp không chỉ liên quan đến hoạt động của con người. Đúng hay sai?

- a. Đúng
- b. Sai

221. Rủi ro tác nghiệp có sự giao thoa với các loại rủi ro tín dụng, thị trường. Đúng hay sai?

- a. Đúng
- b. Sai

222. Quản lý rủi ro tác nghiệp bao gồm những nội dung nào/

- a. Đánh giá/giám sát rủi ro
- b. Xác định rủi ro
- c. Đo lường rủi ro
- d. Báo cáo/giảm nhẹ rủi ro
- e. Tất cả các ý trên

223. Mục tiêu của Quản lý rủi ro tác nghiệp là gì?

- a. Giảm tổn thất về rủi ro tác nghiệp, bảo vệ uy tín ngân hàng, giảm vốn dành cho tác nghiệp
- b. Bảo vệ cán bộ ngân hàng
- c. Giảm vốn dành cho tác nghiệp

224. Rủi ro tác nghiệp phát sinh từ đâu?

- a. Con người
- b. Hệ thống công nghệ thông tin, truyền thông không hiệu quả
- c. Sự yếu kém, sơ hở trong quy trình nghiệp vụ
- d. Yếu tố bên ngoài
- e. Tất cả các ý trên

225. Theo quy định của Basel 2, rủi ro tác nghiệp được chia ra làm bao nhiêu loại?

- a. 7 loại
- b. 6 loại
- c. 3 loại
- d. 5 loại

- 226. Theo quy định của Basel 2, rủi ro trong hoạt động ngân hàng được chia ra thành những loại nào?**
- a. 3 loại rủi ro: rủi ro tín dụng, rủi ro thị trường và rủi ro tác nghiệp
 - b. 2 loại rủi ro: rủi ro tín dụng và rủi ro thị trường
 - c. 2 loại rủi ro: rủi ro tín dụng và rủi ro tác nghiệp
- 227. Trình tự thực hiện trong quá trình quản lý rủi ro tác nghiệp như thế nào?**
- a. Xác định rủi ro, giám sát rủi ro, đo lường rủi ro và giảm nhẹ rủi ro
 - b. Xác định rủi ro, giảm nhẹ rủi ro, đo lường rủi ro và giám sát rủi ro
 - c. Xác định rủi ro, đo lường rủi ro, đánh giá/giám sát rủi ro, báo cáo/giảm nhẹ rủi ro
 - d. Đo lường rủi ro, xác định rủi ro, giảm nhẹ rủi ro và giám sát rủi ro
- 228. Nhận diện rủi ro tác nghiệp là trách nhiệm của đơn vị nào?**
- a. Các phòng nghiệp vụ
 - b. Phòng QLRR
 - c. Giám đốc chi nhánh
 - d. Tất cả các ý trên
- 229. Để thực hiện đo lường rủi ro tác nghiệp có thể thực hiện các phương pháp đo lường nào sau đây?**
- a. Đo lường định tính
 - b. Đo lường định lượng
 - c. Ý (a) và (b)
 - d. Không ý nào ở trên
- 230. Hiện nay, Báo cáo dấu hiệu rủi ro tác nghiệp của BIDV được lập định kỳ như thế nào?**
- a. Hàng tuần
 - b. Hàng tháng
 - c. Hàng quý
 - d. Tất cả các ý trên
- 231. Hiện nay, báo cáo dấu hiệu RRTN của BIDV được thực hiện tại đâu?**
- a. Chi nhánh
 - b. Các Ban/Trung tâm tại Hội sở chính
 - c. Ý (a) và (b)
 - d. Không ý nào ở trên
- 232. Khi báo cáo dấu hiệu rủi ro tác nghiệp, các đơn vị cần thực hiện những nội dung gì?**

- a. Xác định các sai sót, dấu hiệu phát sinh trong kỳ
- b. Xác định Nguyên nhân của các sai sót
- c. Đề xuất các giải pháp khắc phục
- d. Tất cả các ý nêu trên

233. Báo cáo ma trận rủi ro tác nghiệp của BIDV gồm bao nhiêu loại ma trận?

- a. 3 loại ma trận RRTN
- b. 2 loại ma trận RRTN
- c. 4 loại ma trận RRTN

234. BIDV thực hiện xây dựng ma trận rủi ro tác nghiệp cho đối tượng nào?

- a. Các mặt nghiệp vụ
- b. Các chi nhánh
- c. Tất cả các ý trên

235. Trong ma trận rủi ro, nghiệp vụ có điểm tổng cộng càng cao phản ánh điều gì?

- a. Càng nhiều rủi ro
- b. Rủi ro càng thấp
- c. Không ý nào ở trên

236. BIDV phân loại sự cố rủi ro tác nghiệp thành những loại nào?

- a. Sự cố rủi ro xác định được giá trị tổn thất (bằng tiền) và sự cố rủi ro không xác định được giá trị tổn thất
- b. Sự cố rủi ro xác định được tổn thất
- c. Sự cố rủi ro không xác định được tổn thất

237. Khi nhập dữ liệu vào Chương trình quản lý dữ liệu RRTN, phòng nào sẽ chịu trách nhiệm tổng hợp dữ liệu?

- a. Phòng QLRR
- b. Phòng chức năng
- c. Phòng TCHC
- d. Không ý nào ở trên

238. Chi nhánh có thể nhập dữ liệu vào Chương trình quản lý dữ liệu RRTN theo cách thức nào?

- a. Các phòng gửi báo cáo về QLRR, Phòng QLRR nhập dữ liệu của chi nhánh vào chương trình

- b. Các phòng tự nhập vào chương trình
 - c. Cả ý (a) và (b)
- 239. Giai đoạn từ 2006 đến 2007, BIDV thực hiện báo cáo rủi ro tác nghiệp định kỳ như thế nào?**
- a. Hàng quý
 - b. Hàng tháng
 - c. 6 tháng 1 lần
 - d. Không ý nào đúng
- 240. Sự cố rủi ro tác nghiệp xảy ra do nguyên nhân nào sau đây?**
- a. Con người
 - b. Hệ thống công nghệ thông tin, quy trình nghiệp vụ
 - c. Yếu tố bên ngoài
 - d. Tất cả các ý nêu trên
- 241. Báo cáo sự cố rủi ro tác nghiệp của BIDV bao gồm những nội dung gì?**
- a. Các sự cố xác định được giá trị tổn thất (bằng tiền)
 - b. Các sự cố không xác định được giá trị tổn thất
 - c. Cả 2 ý trên
 - d. Không ý nào đúng
- 242. Trong Quy trình báo cáo sự cố rủi ro tác nghiệp theo Quyết định số 5353/QĐ-QLRRTT2, ngày 19/10/2010, các đơn vị phải báo cáo các sự cố rủi ro tác nghiệp về trụ sở chính vào thời điểm nào?**
- a. Ngay sau khi sự cố rủi ro tác nghiệp xảy ra
 - b. Định kỳ hàng tháng
 - c. Định kỳ 6 tháng 1 lần
 - d. Không ý nào đúng
- 243. Khi sự cố rủi ro tác nghiệp xảy ra, các đơn vị phải báo cáo về trụ sở chính những nội dung gì?**
- a. Các sự cố rủi ro tác nghiệp xác định được giá trị tổn thất
 - b. Các sự cố rủi ro tác nghiệp không xác định được giá trị tổn thất
 - c. Cả 2 ý trên
 - d. Không ý nào đúng
- 244. Hiện nay, trong chương trình báo cáo giao dịch nghi ngờ bất thường, chưa có các báo cáo trong phân hệ Tín dụng. Đúng hay sai?**
- a. Đúng
 - b. Sai

- 245. Trong Quy định quản lý rủi ro tác nghiệp số 5353/QĐ-QLRRTT2, ngày 19/10/2010, đối với các báo cáo giao dịch nghi ngờ được chiết xuất từ chương trình, các đơn vị phải thực hiện rà soát và báo cáo kết quả rà soát định kỳ như thế nào?**
- a. Trước ngày 25 tháng cuối quý
 - b. Trước ngày 25 hàng tháng
 - c. 6 tháng 1 lần
 - d. Không ý nào đúng
- 246. Trong Quy trình báo cáo giao dịch nghi ngờ, bất thường tại quy định Quản lý rủi ro tác nghiệp số 5353/QĐ-QLRRTT2, ngày 19/10/2010, việc in và rà soát các báo cáo trong chương trình báo cáo giao dịch nghi ngờ, bất thường được thực hiện định kỳ như thế nào?**
- a. Hàng ngày
 - b. Hàng tuần
 - c. 20 hàng tháng
 - d. 25 hàng tháng
- 247. Hiện tại, Báo cáo dấu hiệu rủi ro tác nghiệp của chi nhánh được thực cho bao nhiêu loại nghiệp vụ?**
- a. 14 mặt nghiệp vụ
 - b. 9 mặt nghiệp vụ
 - c. 5 mặt nghiệp vụ
 - d. Không ý nào ở trên
- 248. Trong Quy định Quản lý rủi ro tác nghiệp số 5353/QĐ-QLRRTT2, ngày 19/10/2010 RRTN được chia thành bao nhiêu loại?**
- a. 7 loại
 - b. 6 loại
 - c. 5 loại
 - d. Không ý nào ở trên
- 249. BIDV thực hiện báo cáo dấu hiệu RRTN bắt đầu từ khi nào?**
- a. Năm 2005
 - b. Năm 2006
 - c. Năm 2004
 - d. Không ý nào ở trên
- 250. Trong Quy định Quản lý rủi ro tác nghiệp số 5353/QĐ-QLRRTT2, ngày 19/10/2010, khi thực hiện báo cáo rủi ro tác nghiệp, các chi nhánh thực hiện như thế nào?**

- a. Các phòng nghiệp vụ mở sổ theo dõi các dấu hiệu RRTN, định kỳ hàng quý tổng hợp báo cáo gửi về Phòng QLRR, Phòng QLRR tổng hợp và báo cáo về HSC.
- b. Phòng QLRR theo dõi, cập nhật các dấu hiệu RRTN toàn chi nhánh, định kỳ hàng quý tổng hợp và báo cáo về Hội sở chính.
- c. Các phòng nghiệp vụ mở sổ theo dõi các dấu hiệu RRTN, định kỳ hàng quý tổng hợp báo cáo gửi về Hội sở chính.
- 251. Phương pháp thể tính điểm là phương pháp đo lường rủi ro như thế nào?**
- a. Định lượng
- b. Định Tính
- c. Định lượng kết hợp với định tính
- d. Không ý nào ở trên
- 252. Để đánh giá mức độ rủi ro của chi nhánh, BIDV thực hiện phân loại chi nhánh theo cách phân loại nào?**
- a. Rủi ro cao, rủi ro thấp
- b. Rủi ro thấp, rủi ro trung bình
- c. Rủi ro trung bình, rủi ro cao
- d. Rủi ro cao, rủi ro trung bình, rủi ro thấp
- 253. Trong báo cáo ma trận rủi ro tác nghiệp, chi nhánh được đánh dấu màu vàng là chi nhánh có mức độ rủi ro như thế nào?**
- a. Cao
- b. Thấp
- c. Trung bình
- d. Tất cả các ý trên
- 254. BIDV đã thu thập dữ liệu sự cố rủi ro tác nghiệp từ thời điểm nào?**
- a. Năm 2005
- b. Năm 2004
- c. Năm 2003
- d. Không ý nào ở trên
- 255. Trong Quy trình báo cáo giao dịch nghi ngờ, bất thường tại quy định Quản lý rủi ro tác nghiệp số 5353/QĐ-QLRRTT2, ngày 19/10/2010, phòng chịu trách nhiệm rà soát báo cáo giao dịch nghi ngờ, bất thường là phòng nào?**
- a. phòng Quản lý rủi ro
- b. phòng nghiệp vụ có liên quan
- c. Cả hai phòng trên
- d. Không đáp án nào đúng
- 256. Trong Quy trình báo cáo giao dịch nghi ngờ, bất thường tại Quy định Quản lý rủi ro tác nghiệp số 5353/QĐ-QLRRTT2, ngày 19/10/2010, việc thực hiện báo cáo về TSC kết quả rà soát các báo cáo giao dịch nghi ngờ, bất thường do Ban QLRRTT&TN đề xuất được thực hiện khi nào?**

- a. Định kỳ 25 tháng cuối quý
 - b. Định kỳ 25 hàng tháng
 - c. Theo yêu cầu của TSC
- 257. Trong Quy trình báo cáo giao dịch nghi ngờ, bất thường tại Quy định Quản lý rủi ro tác nghiệp số 5353/QĐ-QLRRTT2, ngày 19/10/2010, phòng chịu trách nhiệm in báo cáo trong chương trình giao dịch nghi ngờ, bất thường là phòng nào?**
- a. phòng Quản lý rủi ro
 - b. phòng nghiệp vụ
 - c. Cả hai phòng trên
 - d. Không đáp án nào đúng
- 258. Hiện tại, chương trình báo cáo giao dịch nghi ngờ bất thường đã hỗ trợ được các báo cáo tại những phân hệ nào?**
- a. Phân hệ Tiền vay
 - b. Phân hệ Tiền gửi, Thông tin Khách hàng
 - c. Phân hệ Chuyển tiền
 - d. Ý (a) và (b)
 - e. Ý (a), (b) và (c)
- 259. Hiện tại, Chương trình báo cáo giao dịch nghi ngờ bất thường đã hỗ trợ các đơn vị bao nhiêu báo cáo?**
- a. 30 báo cáo
 - b. 25 báo cáo
 - c. 20 báo cáo
 - d. 15 báo cáo
- 260. Chương trình báo cáo giao dịch nghi ngờ, bất thường được triển khai chính thức đến các đơn vị từ thời điểm nào?**
- a. Tháng 12/2010
 - b. Tháng 10/2010
 - c. Tháng 8/2010
- 261. Chương trình báo cáo giao dịch nghi ngờ, bất thường là chương trình báo cáo trực tuyến, tự động chiết xuất trực tiếp từ cơ sở dữ liệu, khách quan không có sự can thiệp của con người. Đúng hay sai?**
- a. Đúng
 - b. Sai
- 262. Khi cập nhật dữ liệu vào Chương trình quản lý dữ liệu RRTN, phòng chịu trách nhiệm thực hiện chức năng duyệt dữ liệu là phòng nào?**
- a. Phòng nghiệp vụ
 - b. Quản lý rủi ro
 - c. Ý (a) và (b)
 - d. Không ý nào ở trên.
- 263. Do tin đồn xấu, khách hàng kéo đến rút tiền, ngân hàng có nguy cơ mất khả năng chi trả. Đây là dấu hiệu rủi ro tác nghiệp:**
- a. Đúng

- b. Sai
- 264. Giải ngân nhằm tài khoản của người thụ hưởng là rủi ro liên quan đến lĩnh vực nào?**
- a. Gian lận nội bộ
 - b. Quá trình xử lý công việc
 - c. Quy chế, quy trình
- 265. Trong trường hợp ngân hàng thực hiện đúng quy định, sự kiện khách hàng giả mạo hồ sơ và đã vay được tiền được gọi là sự cố rủi ro gì?**
- a. Sự cố rủi ro liên quan đến gian lận bên ngoài
 - b. Sự cố rủi ro liên quan đến gian lận nội bộ
 - c. Sự cố rủi ro liên quan đến thiệt hại tài sản vật chất
 - d. Không ý nào đúng
- 266. Thu nợ nhằm hợp đồng tín dụng là gì?**
- a. Sự cố rủi ro
 - b. Dấu hiệu rủi ro
 - c. Cả 2 ý trên
- 267. Quy trình rà soát và phê duyệt sản phẩm mới đòi hỏi phải có sự tham gia của công tác QLRRTN. Đúng hay sai?**
- a. Đúng
 - b. Sai
- 268. Cán bộ Quan hệ khách hàng làm việc thêm giờ quá nhiều, dẫn đến mệt mỏi: đây là loại dấu hiệu rủi ro gì ?**
- a. Rủi ro tác nghiệp
 - b. Rủi ro tín dụng
 - c. Rủi ro thanh khoản
 - d. Rủi ro tác nghiệp và rủi ro tín dụng
- 269. Khách hàng đến vay vốn ngân hàng, quá trình cấp tín dụng được thực hiện đúng theo quy định của ngân hàng, sau đó khách hàng làm ăn thua lỗ, không trả được nợ cho ngân hàng, đây là loại rủi ro gì?**
- a. Rủi ro tác nghiệp
 - b. Rủi ro tín dụng
 - c. Rủi ro tác nghiệp và rủi ro tín dụng
- 270. Quy chế xử lý trách nhiệm cá nhân, tập thể theo QĐ số 272/QĐ-HĐQT, ngày 13/4/2011, đối với trường hợp cán bộ có hành vi vi phạm đến mức bị xử lý đã chuyển sang đơn vị mới, đơn vị thực hiện giảm trừ lương kinh doanh là đơn vị nào?**
- a. Đơn vị cũ
 - b. Đơn vị mới
 - c. Không đơn vị nào

- 271. Quy chế xử lý trách nhiệm cá nhân, tập thể theo QĐ số 272/QĐ- HĐQT ngày 13/4/2011 có điều chỉnh đối với các công ty BSC, Leasing, BIC hay không?**
- a. Không
 - b. Có
 - c. Chỉ BSC và BIC
 - d. Chỉ Leasing
- 272. Quy chế xử lý trách nhiệm cá nhân, tập thể theo QĐ số 272/QĐ- HĐQT ngày 13/4/2011 có xử lý đối với trường hợp cán bộ có hành vi vi phạm đã chuyển sang đơn vị khác trong BIDV hay không?**
- a. Có
 - b. Không
 - c. Không quy định
- 273. Thời hiệu xử lý các hành vi vi phạm trong Quy chế xử lý trách nhiệm cá nhân, tập thể theo QĐ số 272/QĐ- HĐQT ngày 13/4/2011 là bao lâu?**
- a. 3 tháng
 - b. 1 năm
 - c. 6 tháng
 - d. Không ý nào ở trên
- 274. Hành vi vi phạm trong quá trình tác nghiệp tín dụng được xác định là gây ra nợ xấu, nợ có khả năng mất vốn cũng thuộc phạm vi điều chỉnh của Quy chế lý trách nhiệm cá nhân, tập thể theo QĐ số 272/QĐ- HĐQT, ngày 13/4/2011. Đúng hay sai?**
- a. Đúng
 - b. Sai
- 275. Quy chế xử lý trách nhiệm cá nhân, tập thể theo QĐ số 272/QĐ- HĐQT, ngày 13/4/2011, phòng nào chịu trách nhiệm ra thông báo giảm trừ lương kinh doanh đối với các cán bộ có hành vi vi phạm bị xử lý do phát hiện trực tiếp tại chi nhánh?**
- a. phòng Quản lý rủi ro
 - b. phòng Tổ chức nhân sự/ Phòng Tổ chức hành chính
 - c. Cả 2 phương án trên
 - d. không phương án nào đúng
- 276. Các hành vi vi phạm đã có quyết định khởi tố của cơ quan điều tra cũng thuộc phạm vi điều chỉnh của Quy chế xử lý trách nhiệm cá nhân, tập thể theo QĐ số 272/QĐ- HĐQT, ngày 13/4/2011. Đúng hay sai?**
- a. Đúng
 - b. Sai

- 277. Quy chế xử lý trách nhiệm cá nhân, tập thể theo QĐ số 272/QĐ- HĐQT, ngày 13/4/2011, hình thức xử lý “Không được xếp loại hoàn thành nhiệm vụ ở mức cao nhất” đối với cá nhân là hình thức như thế nào?**
- a. Xử lý thông qua tổ chức, điều hành
 - b. Xử lý thông qua công tác xét hoàn thành nhiệm vụ-thi đua, khen thưởng
 - c. Xử lý kỷ luật
 - d. Hình thức xử lý khác
- 278. Quy chế xử lý trách nhiệm cá nhân, tập thể theo QĐ số 272/QĐ- HĐQT, ngày 13/4/2011, số lần vi phạm bị xử lý đối với lãnh đạo phòng nghiệp vụ có liên quan là bao nhiêu?**
- a. là số lần vi phạm bình quân của cán bộ có hành vi vi phạm tại phòng trong thời gian 06 tháng đầu năm hoặc cuối năm
 - b. là số lần vi phạm bình quân của cán bộ trong phòng trong thời gian 06 tháng đầu năm hoặc cuối năm
 - c. là tổng số lần vi phạm của cán bộ trong phòng trong thời gian 6 tháng
- 279. Quy chế xử lý trách nhiệm cá nhân, tập thể theo QĐ số 272/QĐ- HĐQT, ngày 13/4/2011, đơn vị để xảy ra sự cố rủi ro tác nghiệp sẽ bị xử lý như thế nào?**
- a. Giảm trừ quỹ thu nhập 1triệu đồng/sự cố
 - b. Giảm trừ quỹ thu nhập 2triệu đồng/sự cố
 - c. Giảm trừ quỹ thu nhập 3triệu đồng/sự cố
 - d. Không có ý nào ở trên
- 280. Quy chế xử lý trách nhiệm cá nhân, tập thể theo QĐ số 272/QĐ- HĐQT, ngày 13/4/2011 không điều chỉnh những nội dung nào?**
- a. Các sai sót tác nghiệp trong hoạt động nghiệp vụ tại các công ty thành viên
 - b. Các sai sót tác nghiệp trong hoạt động tín dụng
 - c. Các sai sót đã có quyết định của cơ quan điều tra
 - d. Ý (a) và (c)
 - e. Cả ba ý (a), (b) và (c).
- 281. Các hành vi vi phạm trong hoạt động nghiệp vụ của các công ty thành viên không bị xử lý theo Quy chế xử lý trách nhiệm cá nhân, tập thể tại QĐ số 272/QĐ- HĐQT, ngày 13/4/2011. Đúng hay sai?**
- a. Đúng
 - b. Sai
- 282. Quy chế xử lý trách nhiệm cá nhân, tập thể theo QĐ số 272/QĐ- HĐQT, ngày 13/4/2011, số lần vi phạm bị xử lý đối với lãnh đạo phòng tham gia trực tiếp được xác định như thế nào?**

- a. là số lần vi phạm bình quân của cán bộ có hành vi vi phạm tại phòng trong thời gian 06 tháng đầu năm hoặc cuối năm
 - b. là số lần xảy ra hành vi vi phạm liên quan đến giao dịch do chính cán bộ thực hiện trong thời gian 06 tháng đầu năm hoặc cuối năm
 - c. là tổng số lần vi phạm của cán bộ trong phòng trong thời gian 6 tháng
- 283. Quy chế xử lý trách nhiệm cá nhân, tập thể theo QĐ số 272/QĐ- HĐQT, ngày 13/4/2011, tại chi nhánh, phòng nào chịu trách nhiệm tổng hợp danh sách cán bộ có hành vi vi phạm liên quan đến khiếu nại tố cáo?**
- a. phòng Quản lý rủi ro
 - b. phòng Tổ chức nhân sự/ Phòng Tổ chức hành chính
 - c. Phòng nghiệp vụ
 - d. không phương án nào đúng
- 284. Quy chế xử lý trách nhiệm cá nhân, tập thể theo QĐ số 272/QĐ- HĐQT, ngày 13/4/2011, Mức xử lý tại Mục II, Phụ lục 01 đối với HĐTD được áp dụng cho từng thành viên của HĐTD, ngoài trừ thành viên có ý kiến bảo lưu, khác với phán quyết của HĐTD. Đúng hay sai?**
- a. Đúng
 - b. Sai
- 285. Quy chế xử lý trách nhiệm cá nhân, tập thể theo QĐ số 272/QĐ- HĐQT, ngày 13/4/2011, đối với hành vi “Tổ chức mô hình giao dịch không đúng qui định” mức xử lý giảm trừ lương kinh doanh áp dụng đối với Giám đốc là bao nhiêu?**
- a. 500.000đ/lần
 - b. 1 triệu đồng/lần
 - c. Không ý nào đúng
- 286. Quy chế xử lý trách nhiệm cá nhân, tập thể theo QĐ số 272/QĐ- HĐQT, ngày 13/4/2011, đối với hành vi “Đề xuất và phê duyệt cho vay khi khách hàng vay không có đủ các tài liệu, hồ sơ chứng minh về tư cách pháp lý, năng lực tài chính, dự án vay vốn”, cán bộ trực tiếp thực hiện bị xử lý là ai?**
- a. Cán bộ quan hệ khách hàng
 - b. Cán bộ Quản lý rủi ro
 - c. Cả 2 ý trên
- 287. Quy chế xử lý trách nhiệm cá nhân, tập thể theo QĐ số 272/QĐ- HĐQT, ngày 13/4/2011, đối với hành vi “Cán bộ ăn cắp user, password và các thiết bị bảo mật đi kèm” sẽ bị xử lý khi nào?**
- a. Vi phạm lần đầu tiên

- b. Vi phạm đến lần thứ 2
- c. Không ý nào đúng

288. Quy chế xử lý trách nhiệm cá nhân, tập thể theo QĐ số 272/QĐ- HĐQT, ngày 13/4/2011, hình thức xử lý “Không xếp loại thi đua” đối với cá nhân là hình thức xử lý như thế nào?

- a. Xử lý thông qua tổ chức, điều hành
- b. Xử lý thông qua công tác xét hoàn thành nhiệm vụ-thi đua, khen thưởng
- c. Xử lý kỷ luật
- d. Hình thức xử lý khác

289. Quy chế xử lý trách nhiệm cá nhân, tập thể theo QĐ số 272/QĐ- HĐQT, ngày 13/4/2011, Số lần vi phạm bị xử lý đối với giám đốc được xác định như thế nào?

- a. là số lần vi phạm bình quân của cán bộ trong đơn vị có hành vi vi phạm trong thời gian 06 tháng đầu năm hoặc cuối năm
- b. là số lần vi phạm bình quân của cán bộ trong đơn vị trong thời gian 06 tháng đầu năm hoặc cuối năm.
- c. là tổng số lần vi phạm của cán bộ trong đơn vị trong thời gian 6 tháng

290. Quy chế xử lý trách nhiệm cá nhân, tập thể theo QĐ số 272/QĐ- HĐQT, ngày 13/4/2011, số lần vi phạm bị xử lý đối với cán bộ kiểm soát được xác định như thế nào?

- a. là số lần vi phạm của cán bộ trong thời gian 06 tháng đầu năm hoặc cuối năm
- b. là số lần xảy ra hành vi vi phạm liên quan đến giao dịch do chính cán bộ thực hiện trong thời gian 06 tháng đầu năm hoặc cuối năm
- c. là số lần vi phạm bình quân của cán bộ do cán bộ kiểm soát trực tiếp kiểm soát trong thời gian 6 tháng.

291. Đối tượng nào sau đây phải thực hiện công tác phòng, chống rửa tiền theo Thông tư số 22/2009/TT-NHNN?

- a. Đại lý đổi ngoại tệ
- b. Công ty chứng khoán
- c. Các tổ chức tín dụng
- d. a và c

292. Việt Nam đã ban hành Luật phòng chống rửa tiền. Đúng hay sai?

- a. Đúng
- b. Sai

293. Việt Nam đã tham gia tổ chức quốc nào dưới đây về phòng chống rửa tiền?

- a. FATF
- b. APG
- c. a và b

294. BIDV đang áp dụng quy định nào về phòng chống rửa tiền?

- a. Quy định số 0683/QĐ-NVKD2
- b. Qui định 1626/QĐ-QLRRTT2

295. Theo quy định số 1626/QĐ-QLRRTT2, giao dịch tiền mặt có giá trị lớn là giao dịch như thế nào?

- a. Giao dịch tiền mặt thông thường: một hoặc nhiều giao dịch nộp hoặc rút tiền mặt trong một ngày có tổng giá trị từ 200.000.000 đồng (*hai trăm triệu đồng*) trở lên, do một khách hàng là cá nhân hay tổ chức thực hiện bằng đồng Việt Nam hay bằng ngoại tệ hoặc bằng vàng được quy đổi theo tỷ giá hoặc giá vàng tại thời điểm phát sinh giao dịch.
- b. Giao dịch tiền gửi tiết kiệm: một hay nhiều giao dịch gửi hoặc rút tiết kiệm bằng tiền mặt trong một ngày có tổng giao trị từ 500.000.000 đồng (*năm trăm triệu đồng*) trở lên, do một khách hàng là cá nhân thực hiện bằng đồng Việt Nam hay bằng ngoại tệ hoặc bằng vàng được quy đổi theo tỷ giá hoặc giá vàng tại thời điểm phát sinh.
- c. a và b

296. Thông tư số 22/2009/TT-NHNN của NHNN quy định điều nào sau đây?

- a. Trong vòng 6 tháng, cán bộ mới được tuyển vào ngân hàng phải được đào tạo các kiến thức cơ bản về phòng, chống rửa tiền.
- b. Trong vòng 12 tháng, cán bộ mới được tuyển vào ngân hàng phải được đào tạo các kiến thức cơ bản về phòng, chống rửa tiền.
- c. Trong vòng 6 tháng kể từ khi tuyển nhân viên thực hiện các nhiệm vụ có liên quan đến các giao dịch tiền tệ và tài sản khác, ngân hàng phải đào tạo nhân viên mới về kiến thức cơ bản phục vụ công tác phòng, chống rửa tiền.

297. Thông thường hoạt động rửa tiền được chia làm mấy giai đoạn?

- a. 3 giai đoạn
- b. 4 giai đoạn
- c. 5 giai đoạn

298. Theo quy định số 1626/QĐ-QLRRTT2, chi nhánh có thể tự mình áp dụng biện pháp tạm thời nào sau đây?

- a. Không thực hiện giao dịch
- b. Phong tỏa tài sản của khách hàng
- c. Tạm giữ người vi phạm
- d. a và b

- 299. Trách nhiệm phòng chống rửa tiền tại BIDV thuộc về đơn vị/cá nhân nào?**
- a. Lãnh đạo BIDV
 - b. Ban QLRRTT&TN
 - c. Mỗi cá nhân, tập thể BIDV
- 300. Quy định về phòng, chống rửa tiền của BIDV áp dụng cho đối tượng nào?**
- a. Các cá nhân, Đơn vị trong hệ thống BIDV;
 - b. Các cá nhân, tổ chức là đại lý của BIDV;
 - c. Các cá nhân, tổ chức có giao dịch tiền tệ, tài sản khác với BIDV hoặc giao dịch thông qua BIDV.
 - d. a, b và c
- 301. OFAC là cơ quan về phòng chống rửa tiền của nước nào ?**
- a. Liên hợp quốc
 - b. Hoa kỳ
 - c. OFAC là cơ quan quản lý tài sản nước ngoài của Mỹ, có ban hành danh sách đen; không phải là cơ quan phòng chống rửa tiền của Mỹ.
- 302. Danh sách cảnh báo phòng chống rửa tiền do ai ban hành?**
- a. Bộ công an
 - b. Ngân hàng nhà nước, BIDV
 - c. a và b
- 303. Hoạt động rửa tiền nhằm mục đích gì?**
- a. Che dấu tiền có nguồn gốc không hợp pháp
 - b. Biến tiền có nguồn gốc không hợp pháp thành tiền có nguồn gốc hợp pháp
 - c. a và b
- 304. Giao dịch liên quan đến danh sách đen, cấm vận gồm những giao dịch nào?**
- a. Giao dịch liên quan đến hàng hóa cấm nhập, xuất đối với nước bị cấm vận.
 - b. Giao dịch liên quan đến ngân hàng, tổ chức, cá nhân thuộc danh sách đen.
 - c. a và b
- 305. Đối với khách hàng cá nhân là người nước ngoài, khi thực hiện giao dịch cần kiểm tra những thông tin gì?**
- a. Hộ chiếu
 - b. Thị thực hoặc thời hạn lưu trú (*trừ trường hợp được miễn thị thực*)
 - c. a và b
- 306. Đại lý phụ Western Union của BIDV có phải là đối tượng của quy định số 1626/QĐ-QLRRTT2? Tại sao?**

- a. Có. Vì đây là đại lý của BIDV
 - b. Không. Vì đây là đại lý của Western Union
 - c. Không. Vì đại lý có quy định phòng, chống rửa tiền của riêng đại lý.
 - d. b và c
- 307. Giám đốc đơn vị trực tiếp giao dịch có trách nhiệm gì trong công tác phòng chống rửa tiền?**
- a. Có trách nhiệm chỉ định cán bộ đầu mối quản lý về công tại phòng, chống rửa tiền tại đơn vị mình thuộc bộ phận đầu mối phòng, chống rửa tiền.
 - b. Có trách nhiệm chỉ định cán bộ đầu mối quản lý về công tại phòng, chống rửa tiền tại đơn vị mình thuộc bộ phận giao dịch khách hàng.
 - c. Kiểm tra giám sát việc thực hiện quy định này và quy định của pháp luật liên quan đến phòng, chống rửa tiền tại đơn vị được giao phụ trách.
 - d. a và c
 - e. b và c
- 308. Đơn vị nào là đầu mối của BIDV trong hợp tác với các đối tác trong và ngoài nước về phòng, chống rửa tiền?**
- a. Ban Thông tin quản lý và hỗ trợ ALCO
 - b. Ban Quản lý rủi ro thị trường và tác nghiệp
 - c. Ban Kiểm soát
- 309. Giao dịch viên cần phải làm gì khi nhận thấy khách hàng giao dịch với số tiền có giá trị lớn không tương xứng hoặc không liên quan tới hoạt động thường ngày hay bất cứ hoạt động hợp pháp nào của khách hàng?**
- a. Giao dịch viên thực hiện báo cáo giao dịch bất thường theo mẫu số 07 của quy định số 1626/QĐ-QLRRTT2.
 - b. Thực hiện giao dịch như bình thường, không báo cáo giao dịch bất thường.
 - c. Tìm hiểu thông tin liên quan đến khách hàng, giao dịch; thực hiện giao dịch như bình thường; báo cáo giao dịch bất thường theo mẫu số 07 của quy định số 1626/QĐ-QLRRTT2.
- 310. Hồ sơ báo cáo giao dịch bất thường bao gồm những nội dung gì?**
- a. Báo cáo theo mẫu số 07 của quy định số 1626/QĐ-QLRRTT2; bản sao chứng từ giao dịch.
 - b. Báo cáo theo mẫu số 07 của quy định số 1626/QĐ-QLRRTT2; bản sao chứng từ giao dịch; thông tin cá nhân/tổ chức thực hiện giao dịch; tài liệu khác (nếu có).

- c. Báo cáo theo mẫu số 07 của quy định số 1626/QĐ-QLRRTT2; thông tin cá nhân/tổ chức thực hiện giao dịch; tài liệu khác (nếu có).
- 311. Khách hàng nộp tiền mặt vào tài khoản của người khác hoặc nộp tiền mặt để chuyển tiền (trường hợp khách hàng không có tài khoản), Đơn vị trực tiếp giao dịch phải thực hiện điều gì?**
- a. Yêu cầu khách hàng xuất trình giấy chứng minh nhân dân, hộ chiếu còn hiệu lực hoặc các giấy tờ khác có ảnh do cơ quan có thẩm quyền cấp.
- b. Lưu lại họ tên, địa chỉ, số điện thoại, bản sao của các tài liệu nói trên,...
- c. a và b
- 312. Đơn vị trực tiếp giao dịch chỉ được quyền áp dụng biện pháp tạm thời “Không thực hiện giao dịch” đối với những giao dịch nào?**
- a. Liên quan tới giao dịch thuộc Danh sách cảnh báo, Danh sách đen
- b. Có đủ bằng chứng để tin rằng giao dịch được yêu cầu thực hiện có liên quan tới hoạt động phạm tội.
- c. a và b
- 313. Thông tin liên quan tới các giao dịch được báo cáo theo quy định về phòng, chống rửa tiền được bảo quản theo chế độ nào?**
- a. Theo chế độ “Mật”.
- b. Theo chế độ văn bản thường
- 314. Các thông tin nào cần lưu trữ trong công tác phòng, chống rửa tiền?**
- a. Các loại báo cáo theo quy định, hồ sơ, tài liệu mà các bên sử dụng trong giao dịch, tài liệu khác mà các Đơn vị đã cung cấp cho cơ quan có thẩm quyền theo qui định.
- b. Các hồ sơ, tài liệu do các cơ quan có thẩm quyền gửi tới liên quan đến phòng, chống rửa tiền.
- c. a và b
- 315. Ứng xử, giao tiếp của nhân viên ngân hàng đối với khách hàng khi phát sinh giao dịch đáng ngờ như thế nào?**
- a. Tiếp tục đối xử với khách hàng như thường lệ cho tới khi có quyết định của cơ quan có thẩm quyền về giao dịch đáng ngờ đó.
- b. Thông báo với khách hàng là ngân hàng đã báo cáo giao dịch của khách hàng thuộc giao dịch đáng ngờ.
- c. Sử dụng biện pháp nghiệp vụ giữ chân khách hàng và thông báo cho cơ quan công an gần nhất.
- 316. Khách hàng đề nghị thực hiện giao dịch thanh toán quốc tế: trong hợp đồng ghi xuất hàng từ cảng của Ả rập Saudi (còn gọi là Ả rập Xê**

út), hàng có xuất xứ từ Iran. Nhân viên giao dịch phải xem xét điều gì?

- a. Xem xét loại hàng hóa đó có bị cấm xuất đối với Iran
- b. Xem xét loại hàng hóa đó có bị cấm xuất đối với Ảrập Saudi
- c. a và b

317. Rửa tiền là hoạt động như thế nào?

- a. Hành vi của cá nhân, tổ chức tìm cách hợp pháp hoá tiền, tài sản do phạm tội mà có.
- b. Tham gia trực tiếp hoặc gián tiếp vào giao dịch liên quan đến tiền, tài sản do phạm tội mà có.
- c. Thu nhận, chiếm giữ, chuyển dịch, chuyển đổi, chuyển nhượng, vận chuyển, sử dụng, vận chuyển qua biên giới tiền, tài sản do phạm tội mà có.
- d. Đầu tư vào một dự án, một công trình, góp vốn vào một doanh nghiệp hoặc tìm cách khác che đậy, ngụy trang hoặc cản trở việc xác minh nguồn gốc, bản chất thật sự hoặc vị trí, quá trình di chuyển hoặc quyền sở hữu đối với tiền, tài sản do phạm tội mà có.
- e. b, c và d

318. Thủ tục nhận biết khách hàng được thực hiện khi nào?

- a. Khi khách hàng mở tài khoản lần đầu tại BIDV
- b. Khi phát sinh giao dịch nghi ngờ
- c. Bất cứ khi nào khách hàng thực hiện giao dịch tại BIDV

319. Tại sao phải xác định xuất xứ hàng hóa khi thực hiện giao dịch thanh toán quốc tế đối với việc nhập/xuất hàng hóa?

- a. Xác định xuất xứ hàng hóa để xem hàng hóa đó có thuộc diện bị cấm giao dịch đối với Việt Nam hay không.
- b. Xác định xuất xứ hàng hóa để xem hàng hóa đó có thuộc diện bị cấm giao dịch đối với các quốc gia có liên quan trong giao dịch hay không.

320. Một công ty của Việt Nam đề nghị BIDV thực hiện giao dịch nhờ thu bộ chứng từ hàng xuất đối với khách hàng nhập khẩu của Belarus. Khi nhận được yêu cầu này, giao dịch viên thực hiện nội dung nào say đây?

- a. Từ chối thực hiện giao dịch vì Belarus là quốc gia chịu lệnh cấm vận của Mỹ.
- b. Kiểm tra thông tin nhà nhập khẩu, ngân hàng phát hành LC có thuộc danh sách đen của OFAC, UN không.
- c. Kiểm tra xuất xứ hàng hóa có bị cấm nhập, xuất đối với các quốc gia có liên quan, kiểm tra thông tin nhà nhập khẩu, ngân hàng trung gian có thuộc danh sách đen của OFAC, UN không

- 321. Toàn bộ các tài liệu, hồ sơ liên quan đến giao dịch được báo cáo theo qui định 1626/QĐ-QLRRTT2 được coi là tài liệu gì?**
- a. Tài liệu thường.
 - b. Tài liệu, vật mang bí mật nhà nước trong ngành Ngân hàng, thuộc chế độ “Mật”

V. QUẢN LÝ RỦI RO TÍN DỤNG

- 322. Dấu hiệu của rủi ro tín dụng có thể là dấu hiệu nào sau đây?**
- a. Bên đi vay sử dụng vốn vay không đúng mục đích
 - b. Bên đi vay gặp khó khăn về đầu ra
 - c. Do các yếu tố khách quan (thiên tai, dịch họa ...vv)
 - d. Chỉ có phương án a) là đúng
 - e. Cả 3 phương án (a,b và c) nêu trên đều đúng
- 323. Trong hoạt động ngân hàng, rủi ro tín dụng có thể được thể hiện ở các chỉ tiêu nào?**
- a. Tốc độ tăng trưởng tín dụng
 - b. Tỷ lệ nợ quá hạn
 - c. Các chỉ tiêu về cơ cấu tín dụng
 - d. Cả 3 phương án (a,b và c) nêu trên đều đúng.
 - e. Chỉ có phương án b) là đúng
- 324. Phát biểu nào dưới đây là phát biểu đúng về định nghĩa rủi ro?**
- a, Rủi ro là một sự bất ổn mà người ta có thể ước lượng được xác suất xảy ra.
 - b, Rủi ro là một sự bất ổn mà người ta không thể ước lượng được xác suất xảy ra.
 - c, Cả a và b đều đúng
 - d, Cả a và b đều sai
- 325. Theo bạn trong kinh doanh người ta thường sử dụng chỉ tiêu thống kê nào để đo lường rủi ro**
- a, Kỳ vọng
 - b, Tần suất
 - c, Phương sai
 - d, Độ lệch chuẩn
- 326. Rủi ro tín dụng liên quan đến đối tượng nào sau đây?**
- a, Kỳ hạn của trái phiếu
 - b, Việc người vay tiền có thể không có khả năng hoàn trả tiền lãi và vốn gốc

- c, Phương thức đánh thuế thu nhập từ tiền lãi
- d, Cổ tức nhận được
- e, Tỷ số giá / thu nhập của trái phiếu

327. Theo quy định tại Thông tư số 06/2010/TT-NHNN ngày 26/2/2010 của Ngân hàng Nhà nước, Ủy ban quản lý rủi ro có bao nhiêu chức năng ?

- a, 3
- b, 4
- c, 5
- d, 6

328. Theo Thông tư số 13 của Ngân hàng Nhà nước, các khoản phải đòi có bảo đảm toàn bộ bằng nhà ở, quyền sử dụng đất, nhà ở gắn với quyền sử dụng đất của bên vay hoặc những tài sản này được bên vay cho thuê nhưng bên thuê đồng ý cho bên cho thuê dùng làm tài sản thế chấp trong thời gian thuê có hệ số rủi ro là bao nhiêu ?

- a, 20%
- b, 50%
- c, 100%
- d, 150%

329. Chỉ số nào được sử dụng trong việc đo lường rủi ro tín dụng của ngân hàng ?

- a, Tỷ lệ giữa giá trị các khoản nợ quá hạn so với tổng dư nợ cho vay và cho thuê
- b, Tỷ lệ giữa các khoản xoá nợ ròng so với tổng dư nợ cho vay và cho thuê
- c, Tỷ lệ giữa phân bổ dự phòng tổn thất tín dụng hàng năm so với tổng dư nợ cho vay và cho thuê hay tổng vốn chủ sở hữu
- d, Tỷ lệ giữa dự phòng tổn thất tín dụng so với tổng dư nợ cho vay và cho thuê hay tổng vốn chủ sở hữu

e, Tất cả các chỉ số trên

330. Mô hình định lượng rủi ro nào dưới đây là mô hình theo thông lệ quốc tế?

- a, Mô hình CAMELS
- b, Mô hình các chỉ tiêu rủi ro chính
- c, Mô hình CAMELS, mô hình các chỉ tiêu rủi ro chính, mô hình tính toán, xếp hạng tín dụng nội bộ.
- d, Mô hình CAMELS, mô hình các chỉ tiêu rủi ro chính, mô hình tính toán.

- 331. Trong mô hình CAMELS, có bao nhiêu tiêu chí được đưa ra để đánh giá các mặt cơ bản của ngân hàng ?**
- a, 4
 - b, 5
 - c, 6
 - d, 7
- 332. Ủy ban BASEL đưa ra bao nhiêu nguyên tắc về quản lý rủi ro tín dụng ?**
- a, 14
 - b, 15
 - c, 16
 - d, 17
- 333. Phân tích tình hình tài chính để quyết định cho vay có quan trọng trong trường hợp cho vay tiêu dùng hay không ?**
- a, Không, vì khách hàng không nộp các báo cáo tài chính
 - b, Không, vì các báo cáo tài chính của khách hàng quá đơn giản
 - c, Không vì không có rủi ro tín dụng
 - d, Không vì căn cứ cho vay cụ thể là dựa vào nguồn thu nhập chứ không phải dựa vào tình hình tài chính như trong cho vay doanh nghiệp.
- 334. Trong các nguyên nhân phát sinh rủi ro tín dụng dưới đây, nguyên nhân nào không phải là nguyên nhân khách quan đối với Ngân hàng?**
- a, Rủi ro do nền kinh tế không ổn định
 - b, Rủi ro do các thủ tục pháp lý
 - c, Rủi ro do khả năng quản lý yếu của doanh nghiệp vay vốn
 - d, Rủi ro do thị trường
- 335. Rủi ro tín dụng không bao gồm rủi ro nào sau đây?**
- a, Rủi ro thị trường
 - b, Rủi ro bảo đảm
 - c, Rủi ro tập trung cho vay
 - d, Rủi ro xét duyệt

336. Tại sao phải xác định giới hạn bảo lãnh của tổ chức tín dụng đối với khách hàng ?

- a, Vì bảo lãnh cũng được xem là một hình thức cấp tín dụng
- b, Vì bảo lãnh được xem là rủi ro hơn cho vay
- c, Vì bảo lãnh được xem là nghiệp vụ ngoại bảng
- d, Vì bảo lãnh được xem là hoạt động phụ của ngân hàng

337. Theo anh (chị) đồng tài trợ được áp dụng trong những trường hợp nào sau đây?

- a, TCTD có nhu cầu phân tán rủi ro.
- b, Khả năng tài chính và nguồn vốn của một TCTD không đáp ứng được nhu cầu cấp tín dụng của dự án.
- c, Bên nhận tài trợ có nhu cầu huy động vốn từ nhiều TCTD khác nhau.
- d, a & b.
- e, Cả a, b, c.

338. TSDB của khách hàng bị giảm giá trị trong khoảng thời gian vay vốn, Ngân hàng nên xử lý như thế nào?

- i, Thu hồi toàn bộ nợ vay trước hạn
- ii, Xử lý ngay TSDB để thu nợ.
- iii, Yêu cầu KH trả một phần nợ tương ứng với phần giá trị TSDB bị giảm giá trị.
- iv, Yêu cầu KH bổ sung TSDB tương ứng với phần giá trị TSDB bị giảm giá trị.

Cập đáp án đúng là:

- a, i và ii
- b, iii và iv

339. Một công ty được Nhà nước cho thuê đất trả tiền hàng năm để xây dựng nhà máy sản xuất hàng tiêu dùng, ngân hàng đã cho vay để xây dựng nhà máy, hai bên thoả thuận áp dụng biện pháp đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay. Trong trường hợp này, tài sản bảo đảm sẽ là gì/

- a, Quyền sử dụng đất và nhà xưởng
- b, Dây chuyền thiết bị và nhà xưởng
- c, Quyền sử dụng đất và thiết bị
- d, Quyền sử dụng đất, nhà xưởng và thiết bị

340. Lợi ích của việc đa dạng hoá đầu tư là gì?

- a, Giảm độ rủi ro của tập hợp các tài sản đầu tư
- b, Tăng tỷ suất lợi nhuận dự kiến trên mỗi tài sản
- c, Giảm độ rủi ro của mỗi tài sản

- d, Tăng tỷ suất lợi nhuận của tập hợp các tài sản
- e, Tất cả đều sai
- f, Tất cả đều đúng

341. Vì sao Ngân hàng quy định chủ đầu tư phải có vốn tự có tham gia vào phương án/ dự án SXKD, đầu tư vay vốn?

- a, Giảm thiểu rủi ro cho Ngân hàng
- b, Tăng cường trách nhiệm của người vay
- c, Giảm chi phí tài chính cho PA/DA
- d, Cả 3 câu đều đúng

342. Theo Basel 2, những phương pháp nào được sử dụng để đo lường rủi ro tín dụng?

- a, Phương pháp chuẩn, Phương pháp nội bộ, Phương pháp tiên tiến
- b, Phương pháp nội bộ, Phương pháp tiên tiến, Phương pháp chỉ số cơ bản
- c, Phương pháp chuẩn, Phương pháp tiên tiến, Phương pháp chỉ số cơ bản

343. Chính sách tín dụng đúng đắn và hợp lý sẽ giúp ngân hàng điều gì?

- a, Quản trị rủi ro TD tốt, giảm tỷ lệ NQH, giữ chân KH và tăng trưởng ổn định
- b, Đảm bảo tính thanh khoản cho NH, hạn chế NQH
- c, Tăng trưởng TD tốt
- d, Tăng số lượng khách hàng đến với Ngân hàng.

344. Sử dụng thông tin từ Trung tâm CIC sẽ giúp các NH thương mại điều gì?

- a, Phòng ngừa rủi ro trong hoạt động NH
- b, Nắm bắt lịch sử quan hệ TD, TSDB của KH với các tổ chức TD...
- c, Hạn chế cho vay các KH đang vay vốn tại TCTD khác
- d, a và b
- e, Cả a, b, c

345. Hoạt động cho vay đồng tài trợ không giúp cho ngân hàng điều gì sau đây?

- a, Hạn chế tình trạng tập trung vốn quá nhiều vào 01 khách hàng.
- b, Tăng thu nhập do lãi suất cao

- c, Có được thông tin tổng hợp về khách hàng
- d, Tạo ra sự ràng buộc về lợi ích với các ngân hàng khác
- e, Không câu nào ở trên đúng.

346. Mục đích của đăng ký giao dịch bảo đảm tiền vay là gì?

- a, Đảm bảo tính chân thực của các bên tham gia ký kết
- b, Đảm bảo tính hợp pháp của hợp đồng cầm cố thế chấp
- c, Xác định thứ tự ưu tiên thanh toán khi xử lý TSDB
- d, Cả 3 mục đích trên

347. Phân tích và thẩm định tín dụng tại các TCTD nhằm mục đích gì?

- a, Đánh giá các rủi ro TD qua đó đánh giá khả năng trả nợ của KH và ra quyết định cho vay
- b, Đưa ra các giải pháp cho vay linh hoạt
- c, Đảm bảo kiểm soát rủi ro trong quy trình TD của TCTD

348. Sự an toàn và hiệu quả trong các hoạt động cho vay của NHTM có thể được hiểu là gì?

- a, Đạt tỷ suất lợi nhuận trên 15%/năm và nợ quá hạn dưới 10%
- b, Không có nợ xấu và nợ quá hạn, không bị thanh tra và kiến nghị của thanh tra về hình thức kỷ luật, không bị kiện tụng ..v..vv..
- c, Tuân thủ một cách nghiêm túc tất cả các quy định của NHTW
- d, Hoạt động theo đúng quy định của pháp luật, có lợi nhuận và tỷ lệ nợ quá hạn đạt ở mức cho phép.

349. Nguyên nhân cơ bản từ phía Ngân hàng dẫn đến rủi ro trong hoạt động tín dụng?

- i, Do quy chế tín dụng chưa chặt chẽ
- ii, Do trình độ kinh doanh của khách hàng kém
- iii, Do mở rộng tín dụng quá mức và mục tiêu lợi nhuận được đặt cao
- iv, Do sự thay đổi bất lợi của môi trường pháp lý

Cặp đáp án đúng là:

- a, i và ii
- b, i và iii
- c, i và iv

350. Việc đánh giá khả năng trả nợ của khách hàng để Ngân hàng có thể giảm thiểu rủi ro và ra quyết định cho vay đúng. Trong các trường hợp nào sau đây Ngân hàng có thể cho vay?

- a, Doanh nghiệp có tình hình tài chính tốt và phương án kinh doanh khả thi.
- b, Doanh nghiệp có tình hình tài chính tốt và phương án kinh doanh không khả thi.
- c, Doanh nghiệp có tình hình tài chính không tốt và phương án kinh doanh khả thi.
- d, a và b
- e, a và c
- f, a và b và c

351. Những dấu hiệu nào sau đây để nhận biết doanh nghiệp có rủi ro tín dụng theo mô hình Basel 2?

- a, Không có khả năng thực hiện nghĩa vụ tín dụng với các đối tác
- b, Vốn lưu động ròng nhỏ hơn 0
- c, Giá trị thị trường của DN nhỏ hơn tổng nợ phải trả
- d, a và b
- e, Cả a và b và c

352. Theo ý kiến của anh (chị), tài sản đảm bảo là đất ở có bắt buộc phải mua bảo hiểm rủi ro vật chất không?

- a, Mua bằng 100% giá trị định giá
- b, Mua bằng giá trị công trình xây dựng trên đất đó.
- c, Không cần thiết phải mua
- d, Ý kiến khác

353. Tại sao phải chứng minh mục đích vay hợp lệ, hợp pháp và thực hiện giải ngân đúng theo mục đích vay?

- a, Kiểm soát mục đích vay.
- b, Thể hiện việc vay vốn là đúng mục đích.
- c, Đảm bảo an toàn tín dụng.

354. Quản lý rủi ro tín dụng bao gồm các nội dung nào sau đây?

- a, Nhận dạng rủi ro tín dụng
- b, Đo lường rủi ro tín dụng
- c, Kiểm soát và giảm thiểu rủi ro tín dụng
- d, a và b
- e, Cả a, b, c

355. Theo quyết định 493/2005/QĐ-NHNN, rủi ro tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng được xác định như thế nào?

- a, Tổn thất xảy ra do khách hàng không thực hiện được nghĩa vụ của mình theo cam kết
- b, Tổn thất xảy ra do khách hàng không thực hiện hoặc không có khả năng thực hiện nghĩa vụ của mình theo cam kết

c, Khả năng xảy ra tổn thất trong hoạt động ngân hàng của TCTD do khách hàng không thực hiện hoặc không có khả năng thực hiện nghĩa vụ của mình theo cam kết.

356. Rủi ro tín dụng có quan hệ như thế nào với chỉ tiêu tỷ lệ nợ khó đòi/tổng dư nợ quá hạn?

- a. Tỷ lệ thuận.
- b. Tỷ lệ nghịch.
- c. Không có quan hệ.
- d. Quan hệ bình đẳng.

357. Nguyên tắc “sàng lọc và giám sát khách hàng” trong hoạt động quản lý tiền vay nhằm mục đích gì?

- a, Lựa chọn những khách hàng ít có rủi ro nhất
- b, Lựa chọn những dự án cho vay tốt nhất
- c, Hạn chế những hoạt động sử dụng vốn sai mục đích
- d, Tạo hình ảnh gần gũi giữa KH với NH
- e, a, b và c
- f, Cả a, b, c, d

358. Phân biệt giữa cho vay ngắn hạn và cho vay dài hạn có ý nghĩa gì?

- a, Đảm bảo tuân thủ chính sách tín dụng của Ngân hàng
- b, Loại bỏ KH có khả năng hoàn trả vốn kém
- c, Lựa chọn những KH có mức độ rủi ro thấp nhất
- d, Quản lý tiền cho vay tốt hơn căn cứ vào thời hạn sử dụng vốn vay

359. Khi một khách hàng đến vay vốn, cán bộ tín dụng có thể quyết định cho vay dựa vào yếu tố nào?

- a, Khách hàng rất nóng nóng được vay vốn, chấp nhận mọi mức lãi suất
- b, Khách hàng có cùng chủ sở hữu với một khách hàng đang vay vốn tại Ngân hàng
- c, Khách hàng là công ty con của một doanh nghiệp nước ngoài có thương hiệu
- d, Khách hàng đã đang vay vốn tại TCTD khác
- e, Các yếu tố trên đều chưa đủ cơ sở để quyết định cho vay

360. Khách hàng vay vốn của TCTD phải đảm bảo nguyên tắc gì?

- a, Sử dụng vốn vay đúng mục đích đã thoả thuận tại HĐTD
- b, Hoàn trả nợ gốc và lãi vốn vay đúng hạn đã thoả thuận tại HĐTD
- c, Thực hiện bảo đảm tiền vay theo quy định của Chính phủ và NHNN
- d, Cả a và b đều đúng
- e, Cả a, b, c đều đúng

361. Khách hàng gửi USD tại NH được một thời gian, nay có nhu cầu thế chấp sổ tiền gửi USD để vay 100% giá trị sổ (tiền lãi đến ngày đáo hạn sổ lớn hơn lãi vay đến ngày đáo hạn), cán bộ tín dụng nên giải quyết như thế nào?

- a, Cho vay đủ 100% giá trị sổ USD theo tỷ giá hiện hành
- b, Cho vay dưới mệnh giá để đảm bảo phòng ngừa rủi ro về tỷ giá
- c, Cho vay 95% mệnh giá sổ
- d, Cho vay 50% mệnh giá sổ

362. Thời hạn cho vay của một khoản vay là 12 tháng + 1 ngày. Khoản vay này thuộc thể loại cho vay gì?

- a, Ngắn hạn
- b, Trung hạn
- c, Dài hạn
- d, Không thuộc 3 phương án trên

363. Đánh giá tính thanh khoản của TSDB nhằm mục đích gì?

- a, Đảm bảo khả năng phát mại của TSDB.
- b, Đảm bảo đủ TSDB cho khoản vay.
- c, Đủ nguồn vốn để trả nợ khoản vay.

364. Để giảm thiểu rủi ro về cơ chế chính sách khi cho vay đầu tư dự án có thể sử dụng biện pháp nào sau đây?

- a, Khi thẩm định dự án, phải xem xét mức độ tuân thủ của dự án (thể hiện trong hồ sơ dự án) để đảm bảo chấp hành nghiêm ngặt các luật và qui định hiện hành có liên quan tới dự án.
- b, Đề nghị khách hàng xin hỗ trợ bao tiêu sản phẩm của Chính phủ.
- c, Báo cáo đánh giá tác động môi trường được cấp có thẩm quyền chấp thuận bằng văn bản.
- d, Đề nghị khách hàng ký hợp đồng đầu ra dài hạn với đối tác có khả năng về tài chính.

365. Nợ vay của một khách hàng có dấu hiệu rủi ro khi nào?

- a, Thường xuyên yêu cầu Ngân hàng cho gia hạn
- b, Số dư tài khoản tiền gửi giảm sút
- c, Các khoản phải trả và các khoản phải thu giảm
- d, a và b
- e, Cả a, b và c

366. Nguyên nhân nào sau đây không phải là nguyên nhân gây ra rủi ro tín dụng?

- a, Bảo lữ làm khách hàng vay bị thất thu, không trả được nợ.

- b, Tỷ giá thay đổi bất lợi làm cho khách hàng không trả được nợ.
- c, Cán bộ tín dụng sau khi thu nợ, đã biến thủ số tiền đó.
- d, Khách hàng chây ì, không trả nợ cho ngân hàng.

367. Mục đích của việc kiểm tra sau cho vay là gì?

- a, Giám sát và kiểm soát quá trình trả nợ của khách hàng
- b, Thực hiện đúng các quy định của NHNN
- c, Phát hiện rủi ro tiềm ẩn và tìm biện pháp khắc phục
- d, a và c
- e, Cả a, b và c

PHẦN 6: CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ TÍN DỤNG

368. Theo Quy chế cho vay đối với khách hàng được ban hành kèm theo quyết định 1627/2001/QĐ-NHNN, thời hạn cho vay là khoảng thời gian được tính từ khi nào?

- a. khách hàng bắt đầu nhận vốn vay.
- b. khách hàng ký hợp đồng tín dụng.
- c. kể từ ngày hợp đồng tín dụng có hiệu lực.

369. Theo Quy chế cho vay đối với khách hàng được ban hành kèm theo quyết định 1627/2001/QĐ-NHNN, khi thực hiện cho vay bằng ngoại tệ, khách hàng phải tuân thủ điều gì sau đây?

- a. Vay bằng ngoại tệ nào phải trả nợ bằng ngoại tệ đó.
- b. Có thể tùy ý trả nợ bằng bất kỳ đồng ngoại tệ khác đồng ngoại tệ đã vay.
- c. Có thể tùy ý trả nợ ngoại tệ đã vay hoặc bằng Đồng Việt Nam.

370. Theo Thông tư số 07/2011/NHNN-CSTT về quy định cho vay bằng ngoại tệ của Tổ chức tín dụng đối với khách hàng là người cư trú, khi thực hiện cho vay bằng ngoại tệ để thanh toán ra nước ngoài tiền nhập khẩu hàng hoá, dịch vụ, khách hàng vay phải có đủ ngoại tệ để trả nợ vay từ nguồn nào?

- i) Nguồn thu hoạt động sản xuất kinh doanh.
- ii) Mua từ tổ chức tín dụng cho vay.
- iii) Mua từ tổ chức tín dụng khác và phải có cam kết bằng văn bản của tổ chức tín dụng khác.

Hãy lựa chọn các phương án sau:

- a. i và ii đúng
- b. i, ii và iii đều đúng
- c. ii và iii đúng
- d. Không có câu nào đúng

371. Thông tư số 07/2011/NHNN-CSTT quy định điều gì sau đây về cho vay bằng ngoại tệ của Tổ chức tín dụng đối với khách hàng là người cư trú, để thanh toán ra nước ngoài tiền nhập khẩu hàng hoá, dịch vụ?

- a. Khách hàng chỉ được vay vốn ngắn hạn.
 - b. Khách hàng chỉ được vay vốn trung dài hạn để mua các thiết bị để thực hiện các dự án đầu tư.
 - c. Khách hàng được vay vốn ngắn hạn, trung hạn và dài hạn.
 - d. Khách hàng được vay vốn ngắn hạn, trung hạn và dài hạn khi khách hàng có nguồn trả nợ từ nguồn thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh, mua từ tổ chức tín dụng cho vay, hoặc tổ chức tín dụng khác cam kết bằng văn bản.
- 372. Thông tư số 07/2011/NHNN-CSTT quy định điều gì sau đây về cho vay bằng ngoại tệ của Tổ chức tín dụng đối với khách hàng là người cư trú, khi thực hiện cho vay ngắn hạn bằng ngoại tệ để khách hàng vay thực hiện phương án sản xuất kinh doanh xuất khẩu?**
- a. Khách hàng không được sử dụng trong nước.
 - b. Khách hàng được sử dụng trong nước.
 - c. Khách hàng được sử dụng trong nước, nhưng bắt buộc phải bán ngoại tệ cho TCTD cho vay theo hình thức hối đoái giao ngay (spot).
- 373. Theo Quy chế cho vay đối với khách hàng được ban hành kèm theo quyết định 1627/2001/QĐ-NHNN, khi thực hiện cho vay đối với khách hàng là doanh nghiệp được thành lập và hoạt động theo Luật doanh nghiệp 2005, khách hàng vay phải đảm bảo các điều kiện vay vốn nào sau đây?**
- a. Có năng lực pháp luật dân sự, năng lực hành vi dân sự, có mục đích sử dụng vốn hợp pháp, có khả năng tài chính đảm bảo trả nợ trong thời hạn cam kết. Có dự án đầu tư, phương án sản xuất, kinh doanh, dịch vụ khả thi và có hiệu quả; Thực hiện quy định đảm bảo tiền vay.
 - b. Có năng lực pháp luật dân sự, năng lực hành vi dân sự, có mục đích sử dụng vốn hợp pháp, có khả năng tài chính đảm bảo trả nợ trong thời hạn cam kết.
 - c. Có năng lực pháp luật dân sự, có mục đích sử dụng vốn hợp pháp, có khả năng tài chính đảm bảo trả nợ trong thời hạn cam kết, Thực hiện quy định đảm bảo tiền vay.
 - d. Có năng lực pháp luật dân sự, có mục đích sử dụng vốn hợp pháp, có khả năng tài chính đảm bảo trả nợ trong thời hạn cam kết. Có dự án đầu tư, phương án sản xuất, kinh doanh, dịch vụ khả thi và có hiệu quả, Thực hiện quy định đảm bảo tiền vay.
- 374. Theo quy chế cho vay đối với khách hàng của BIDV ban hành kèm theo quyết định số 203/QĐ-HĐQT, trong thời hạn cho vay được xác định trong hợp đồng tín dụng, nếu khách hàng không trả hết số nợ phải trả và không được (hoặc tiếp tục được) Ngân hàng chấp nhận điều chỉnh kỳ hạn trả nợ gốc, thì Ngân hàng xử lý như thế nào?**
- a. Ngân hàng chuyển toàn bộ số nợ phải trả mà khách hàng không trả được sang nợ quá hạn
 - b. Ngân hàng chuyển toàn bộ số nợ gốc còn lại của hợp đồng tín dụng đó

sang nợ quá hạn.

- c. Ngân hàng chuyển toàn bộ dư nợ vay của khách hàng sang nợ quá hạn

375. Theo Quy chế bảo lãnh ban hành kèm theo Quyết định 26/2006/QĐ-NHNN, tổng số dư bảo lãnh bao gồm những khoản nào?

- a. Tổng số dư bảo lãnh và các cam kết phát hành theo hình thức tín dụng chứng từ, ngoại trừ hình thức mở thư tín dụng trả chậm được khách hàng ký quỹ đủ hoặc được cho vay giá trị thanh toán.
- b. Tổng số dư bảo lãnh và các cam kết phát hành theo hình thức tín dụng chứng từ, ngoại trừ hình thức mở thư tín dụng trả chậm được khách hàng ký quỹ đủ hoặc được cho vay 100% giá trị thanh toán.
- c. Tổng số dư bảo lãnh và các cam kết phát hành theo hình thức tín dụng chứng từ, ngoại trừ hình thức mở thư tín dụng trả ngay được khách hàng ký quỹ đủ hoặc được cho vay giá trị thanh toán.
- d. Tổng số dư bảo lãnh và các cam kết phát hành theo hình thức tín dụng chứng từ, ngoại trừ hình thức mở thư tín dụng trả ngay được khách hàng ký quỹ đủ hoặc được cho vay 100% giá trị thanh toán.

376. Theo Quy chế bảo lãnh ban hành kèm theo Quyết định 26/2006/QĐ-NHNN, cam kết bảo lãnh là văn bản bảo lãnh của TCTD bao gồm những gì?

- a. Thư tín dụng và Hợp đồng bảo lãnh.
- b. Thư tín dụng và Hợp đồng cấp bảo lãnh.
- c. Thư bảo lãnh và Hợp đồng bảo lãnh
- d. Thư bảo lãnh và Hợp đồng cấp tín dụng.

377. Theo Quy chế bảo lãnh ban hành kèm theo Quyết định 26/2006/QĐ-NHNN, thời hạn bảo lãnh được xác định như thế nào?

- a. Từ khi phát hành bảo lãnh cho đến thời điểm chấm dứt bảo lãnh được ghi trong cam kết bảo lãnh.
- b. Từ khi cam kết bảo lãnh có hiệu lực cho đến thời điểm chấm dứt bảo lãnh được ghi trong cam kết bảo lãnh.
- c. Từ khi ngày được xác định trong cam kết bảo lãnh cho đến thời điểm chấm dứt bảo lãnh được ghi trong cam kết bảo lãnh.

378. Chính sách cấp tín dụng đối với khách hàng doanh nghiệp áp dụng đối với những đối tượng nào?

- a. Doanh nghiệp đủ điều kiện xếp hạng tại Hệ thống xếp hạng tín dụng nội bộ của BIDV.
- b. Doanh nghiệp chưa đủ điều kiện xếp hạng tại Hệ thống xếp hạng tín dụng nội bộ của BIDV.
- c. Các định chế tài chính quan hệ tín dụng tại BIDV.
- d. Cả a và b.
- e. Cả a, b và c.

379. Theo quy định tại Chính sách cấp tín dụng đối với khách hàng doanh nghiệp của BIDV, Khách hàng xếp hạng BBB quan hệ tín dụng tại BIDV được áp dụng chính sách tiếp thị khách nào?

- a. Khách hàng xếp hạng BBB được áp dụng chính sách duy trì, nhằm đáp ứng nhu cầu phù hợp của khách hàng.
- b. Khách hàng xếp hạng BBB đã và đang quan hệ tín dụng tại BIDV được áp dụng chính sách duy trì, nhằm đáp ứng nhu cầu phù hợp của khách hàng; khách hàng xếp hạng BBB mới quan hệ tín dụng tại BIDV được áp dụng chính sách tiếp thị có chọn lọc.
- c. Khách hàng xếp hạng BBB đã và đang quan hệ tín dụng tại BIDV được áp dụng chính sách duy trì, nhằm đáp ứng nhu cầu phù hợp của khách hàng; khách hàng xếp hạng BBB mới quan hệ tín dụng tại BIDV được áp dụng chính sách tiếp thị có chọn lọc và áp dụng chính sách tương đương với khách hàng xếp hạng BB đã và đang quan hệ tín dụng tại BIDV trong thời gian thử thách tương đương 01 chu kỳ sản xuất kinh doanh nhưng tối thiểu là 6 tháng.

380. Theo quy định tại Chính sách cấp tín dụng đối với khách hàng doanh nghiệp của BIDV, Hệ số nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu là một trong các tiêu chí để xem xét quyết định cấp tín dụng. Tiêu chí Hệ số nợ được quy định như thế nào?

- a. Hệ số nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu được xác định theo Báo cáo tài chính năm gần nhất.
 - b. Hệ số nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu được xác định theo Báo cáo tài chính năm gần nhất hoặc các Báo cáo quyết toán các Quý.
 - c. Hệ số nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu được xác định theo Báo cáo tài chính năm gần nhất hoặc các Báo cáo quyết toán các Quý. Hệ số nợ phải trả/vốn chủ sở hữu của khách hàng phải đáp ứng một mức nhất định tùy vào ngành nghề kinh doanh của khách hàng quy định tại Hệ thống xếp hạng tín dụng nội bộ của BIDV.
 - d. Hệ số nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu được xác định theo Báo cáo tài chính năm gần nhất. Hệ số nợ phải trả/vốn chủ sở hữu của khách hàng phải đáp ứng một mức nhất định tùy vào ngành nghề kinh doanh của khách hàng quy định tại Hệ thống xếp hạng tín dụng nội bộ của BIDV.
- 381. Theo quy định tại Chính sách cấp tín dụng đối với khách hàng doanh nghiệp của BIDV, Khách hàng xếp hạng A trên HTXHTDNB, mới quan hệ tín dụng tại BIDV, được áp dụng chính sách tài sản bảo đảm nào sau đây khi xem xét cho vay, bảo lãnh (giả sử đã đáp ứng các điều kiện cho vay khác)?**
- a. Không có tài sản bảo đảm
 - b. Tỷ lệ tài sản bảo đảm tối thiểu 30%
 - c. Tỷ lệ tài sản bảo đảm tối thiểu 50%
- 382. Theo quy định tại Chính sách cấp tín dụng đối với khách hàng doanh nghiệp của BIDV, Khách hàng xếp hạng A có nhu cầu vay vốn đầu tư dự án tại BIDV. Tổng mức đầu tư dự án là 90 tỷ đồng thì khách hàng phải có vốn chủ sở hữu tham gia tối thiểu là bao nhiêu?**
- a. 13,5 tỷ đồng
 - b. 15,3 tỷ đồng
 - c. 18 tỷ đồng
 - d. 22,5 tỷ đồng
- 383. Theo quy định tại Chính sách cấp tín dụng đối với khách hàng doanh nghiệp của BIDV, Khách hàng xếp hạng AA có nhu cầu vay vốn đầu tư dự án tại BIDV. Tổng mức đầu tư dự án là 150 tỷ đồng thì khách hàng phải có vốn chủ sở hữu tham gia tối thiểu là bao nhiêu?**
- a. 22,5 tỷ đồng
 - b. 25,5 tỷ đồng
 - c. 30 tỷ đồng
 - d. 45 tỷ đồng
- 384. Khách hàng là doanh nghiệp mới thành lập chưa đủ điều kiện xếp hạng tại Hệ thống xếp hạng tín dụng nội bộ không được Chi nhánh BIDV xem xét cho vay vốn đầu tư dự án với tổng mức đầu tư 100 tỷ khi nào?**

- a. Khách hàng không có vốn chủ sở hữu tham gia
 - b. Khách hàng có vốn chủ sở hữu tham gia là 20 tỷ đồng
 - c. Khách hàng có vốn chủ sở hữu tham gia là 35 tỷ đồng
 - d. Cả a và b
 - e. Cả a, b và c
- 385. Khách hàng nào được xem xét cho vay không có bảo đảm bằng tài sản?**
- a. Mọi khách hàng xếp hạng AA trở lên.
 - b. Mọi khách hàng xếp hạng AA trở lên, có hệ số nợ từ 2,5 trở lên.
 - c. Mọi khách hàng xếp hạng AA trở lên, có hệ số nợ từ 2,5 trở xuống.
 - d. Mọi khách hàng xếp hạng AA trở lên, có hệ số nợ từ 2,5 trở xuống, không có nợ quá hạn trong 01 năm gần nhất.
 - e. Mọi khách hàng xếp hạng AA trở lên, có hệ số nợ từ 2,5 trở xuống, không có nợ gốc quá hạn trong 01 năm gần nhất.
- 386. Công ty X được chia tách thành 02 Công ty, giả sử trong đó có Công ty Y được xếp hạng AA. Công ty Y muốn tiếp tục quan hệ tín dụng tại BIDV. Công ty Y được chi nhánh BIDV xem xét cấp tín dụng khi đáp ứng điều kiện về tỷ lệ tài sản bảo đảm như thế nào?**
- a. Công ty Y đáp ứng tỷ lệ tài sản bảo đảm tối thiểu 50%.
 - b. Công ty Y đáp ứng tỷ lệ tài sản bảo đảm tối thiểu 30%.
 - c. Công ty Y đáp ứng tỷ lệ tài sản bảo đảm tối thiểu 30% nếu hệ số nợ phải trả/vốn chủ sở hữu >2,5 lần.
 - d. Công ty Y không nhất thiết phải có tài sản bảo đảm nếu hệ số nợ phải trả/vốn chủ sở hữu $\leq 2,5$ lần.
 - e. Cả c và d
- 387. Một khoản bảo lãnh thực hiện hợp đồng với số tiền bảo lãnh là 50 tỷ đồng thì số dư bảo lãnh sau khi quy đổi để thực hiện chính sách về tài sản bảo đảm đối với nghĩa vụ bảo lãnh là bao nhiêu?**
- a. 50 tỷ đồng
 - b. 15 tỷ đồng
 - c. 10 tỷ đồng
 - d. 0
- 388. Theo quy định tại Chính sách cấp tín dụng đối với khách hàng doanh nghiệp của BIDV, trường hợp khách hàng chưa đủ tài sản bảo đảm theo quy định tại thời điểm ký kết hợp đồng, thì xử lý như thế nào?**
- a. Từ chối cấp tín dụng đối với khách hàng.
 - b. Xem xét cho vay khi khách hàng có cam kết lộ trình bổ sung tài sản bảo đảm.
 - c. Xem xét cho vay khi khách hàng có cam kết lộ trình bổ sung tài sản bảo đảm và được cấp có thẩm quyền phán quyết tín dụng phê duyệt. Trong

thời gian bổ sung tài sản, khi giải ngân khách hàng phải đảm bảo duy trì tỷ lệ giá trị tài sản bảo đảm sau quy đổi trên dư nợ, số dư bảo lãnh đã quy đổi tối thiểu bằng tỷ lệ tài sản bảo đảm theo quy định.

- 389. Khách hàng đã vay đầu tư dự án 100 tỷ đồng với TSBD là tài sản hình thành từ vốn vay. Tài sản hình thành từ vốn vay là nhà xưởng và các máy móc thiết bị đã hoàn thành và hoàn thiện các quy định về bảo đảm của BIDV, với giá trị định giá là 120 tỷ đồng. Dư nợ vay còn lại của hợp đồng này là 60 tỷ thì giá trị tài sản bảo đảm được dùng để đảm bảo cho khoản vay khác là bao nhiêu?**
- a. 120 tỷ đồng
 - b. 100 tỷ đồng
 - c. 60 tỷ đồng
 - d. 36 tỷ đồng
- 390. Trường hợp khách hàng đang quan hệ tín dụng tại BIDV bị giảm mức xếp hạng thì thực hiện như thế nào?**
- a. Phải áp dụng ngay chính sách cấp tín dụng theo nhóm tương ứng với mức xếp hạng mới của khách hàng.
 - b. Áp dụng ngay chính sách cấp tín dụng theo nhóm tương ứng với mức xếp hạng mới của khách hàng đối với khoản cấp tín dụng mới.
 - c. Áp dụng ngay chính sách cấp tín dụng theo nhóm tương ứng với mức xếp hạng mới của khách hàng đối với khoản cấp tín dụng mới và có kế hoạch, biện pháp lộ trình (bằng văn bản) và thực hiện các giải pháp để tiến tới thực hiện đúng quy định với mức xếp hạng mới đối với các khoản cấp tín dụng cũ.
- 391. Theo quy định tại Chính sách cấp tín dụng đối với khách hàng doanh nghiệp của BIDV, Khách hàng xếp hạng B đang quan hệ tín dụng tại BIDV được xem xét cấp tín dụng như thế nào?**

- a. Được xem xét cho vay, bảo lãnh theo phương thức cấp tín dụng hạn mức.
 - b. Được xem xét cho vay vốn lưu động, bảo lãnh theo phương thức cấp tín dụng theo món.
 - c. Được xem xét cho vay vốn lưu động, bảo lãnh theo phương thức cấp tín dụng theo hạn mức, từng lần giải ngân căn cứ trên phương án kinh doanh hiệu quả, dư nợ cho vay không vượt quá 80% số thu nợ trong chu kỳ sản xuất kinh doanh của khách hàng trước đó.
 - d. Được xem xét cho vay vốn lưu động, bảo lãnh theo phương thức cấp tín dụng theo món căn cứ trên phương án kinh doanh hiệu quả, dư nợ cho vay không vượt quá 80% số thu nợ trong chu kỳ sản xuất kinh doanh của khách hàng trước đó.
- 392. Theo quy định tại Chính sách cấp tín dụng đối với khách hàng doanh nghiệp của BIDV, Đối với khách hàng xếp hạng B, BIDV chấp nhận các loại tài sản đảm bảo nào sau đây?**
- a. Tất cả các loại tài sản quy định tại Quy định về giao dịch bảo đảm trong cho vay của BIDV.
 - b. Tiền mặt, số dư bằng tiền, vàng,
 - c. Bất động sản, máy móc thiết bị
 - d. Các tài sản có hệ số giá trị tài sản bảo đảm tại Quy định về giao dịch bảo đảm trong cho vay của BIDV ở mức từ 0,6 trở lên.
 - e. Cả b và c
 - f. Cả b và d
 - g. Cả b, c và d
- 393. Khách hàng xếp hạng A quan hệ tín dụng tại BIDV với hợp đồng hạn mức cho vay ngắn hạn là 30 tỷ đồng, hạn mức bảo lãnh là 40 tỷ đồng trong đó hạn mức bảo lãnh thực hiện hợp đồng là 25 tỷ đồng, hạn mức bảo lãnh bảo đảm chất lượng sản phẩm là 15 tỷ đồng, thì giá trị tài sản bảo đảm sau quy đổi khách hàng phải đáp ứng tối thiểu là bao nhiêu?**
- a. 19 tỷ đồng
 - b. 20,25 tỷ đồng
 - c. 21 tỷ đồng
 - d. 35 tỷ đồng
- 394. Khách hàng xếp hạng BBB đang quan hệ tín dụng tại BIDV, có tài sản thế chấp là: (1) Trụ sở làm việc có giá trị định giá là 15 tỷ đồng, (2) phân xưởng sản xuất và máy móc thiết bị có giá trị là 20 tỷ đồng, thì khách hàng được xem xét cho vay tối đa như thế nào? Giả sử các tài sản bảo đảm của khách hàng là tài sản hợp pháp và BIDV đã thực hiện đầy đủ các quy định về bảo đảm tiền vay đối với tài sản.**

- a. Cho vay theo phương thức cho vay theo hạn mức với số tiền vay tối đa là 40 tỷ đồng.
 - b. Cho vay theo phương thức cho vay theo hạn mức với số tiền vay tối đa là 50 tỷ đồng.
 - c. Cho vay theo phương thức cho vay theo món với số tiền vay tối đa là 40 tỷ đồng.
 - d. Cho vay theo phương thức cho vay theo món với số tiền vay tối đa là 50 tỷ đồng.
 - e. Cả a và b
 - f. Cả a và c
- 395. Khách hàng xếp hạng BBB quan hệ vay vốn lần đầu tại Chi nhánh BIDV có nhu cầu vay vốn tín dụng ngắn hạn với số tiền 20 tỷ đồng. Khách hàng được chi nhánh BIDV xem xét cho vay khi khách hàng có giá trị tài sản bảo đảm sau quy đổi tối thiểu là bao nhiêu?**
- a. 10 tỷ đồng
 - b. 14 tỷ đồng
 - c. 20 tỷ đồng
- 396. Khách hàng xếp hạng AAA có nhu cầu vay vốn lưu động ngắn hạn hạn mức. Hệ số nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu của khách hàng theo báo cáo tài chính năm gần nhất là 3 lần. Khách hàng được chi nhánh BIDV xem xét cho vay khi nào?**
- a. Không nhất thiết phải có tài sản bảo đảm, vì khách hàng xếp hạng AAA được cho vay không có bảo đảm bằng tài sản.
 - b. Đáp ứng tỷ lệ tài sản bảo đảm tối thiểu 20%.
 - c. Đáp ứng tỷ lệ tài sản bảo đảm tối thiểu 30%.
- 397. Khách hàng xếp hạng AAA ngành chế biến thủy hải sản theo phân ngành tại Hệ thống XHTDNB của BIDV có hệ số nợ phải trả/vốn chủ sở hữu theo báo cáo tài chính năm gần nhất là 6,9 lần. Khách hàng có nhu cầu vay vốn đầu tư dự án với tổng mức đầu tư là 150 tỷ đồng. Chi nhánh thực hiện cho vay như thế nào?**

- a. Chi nhánh thực hiện xem xét cho vay đối với khách hàng nếu khách hàng có vốn chủ sở hữu tham gia vào dự án tối thiểu 15,75 tỷ đồng.
 - b. Chi nhánh thực hiện xem xét cho vay đối với khách hàng nếu khách hàng có vốn chủ sở hữu tham gia vào dự án tối thiểu 22,5 tỷ đồng.
 - c. Chi nhánh trình Hội sở chính xem xét phê duyệt.
 - d. Chi nhánh trình Hội sở chính xem xét phê duyệt khi chi nhánh đánh giá dự án kinh doanh của khách hàng có hiệu quả; khách hàng có vốn chủ sở hữu tham gia tối thiểu 15,75 tỷ đồng và có giá trị tài sản bảo đảm sau quy đổi tối thiểu 21 tỷ đồng.
 - e. Cả a và b.
- 398. Cấp thực hiện thẩm quyền thay cấp thẩm quyền đi vắng phải đảm bảo yếu tố nào sau đây?**
- a. Không đồng thời vừa thực hiện chức năng Quan hệ khách hàng, vừa thực hiện chức năng Thẩm định rủi ro tín dụng.
 - b. Không đồng thời vừa thực hiện chức năng Thẩm định rủi ro tín dụng, vừa thực hiện chức năng tác nghiệp đối với một khoản tín dụng.
 - c. Không đồng thời vừa thực hiện chức năng Quan hệ khách hàng vừa thực hiện chức năng tác nghiệp đối với một khoản cấp tín dụng.
 - d. a và b
 - e. a và c
 - f. b và c
 - g. Cả a, b và c đều đúng.
- 399. Phòng Giao dịch chỉ có 01 lãnh đạo (Giám đốc, Phó Giám đốc phụ trách Phòng Giao dịch) thì thực hiện thẩm quyền cấp tín dụng như thế nào?**
- a. Lãnh đạo Phòng Giao dịch chỉ thực hiện chức năng quan hệ khách hàng, chuyển Hội sở chi nhánh thực hiện thẩm định rủi ro và tác nghiệp.
 - b. Lãnh đạo Phòng Giao dịch vừa phụ trách quan hệ khách hàng vừa phụ trách tác nghiệp.
 - c. Cả a và b đều đúng
- 400. Nhiệm vụ nào sau đây không phải là nhiệm vụ của Bộ phận QHKK?**
- a. Thực hiện kiểm tra, rà soát đánh giá khoản vay/bảo lãnh đã được giải ngân.
 - b. Thực hiện phân loại nợ theo quy định của BIDV.
 - c. Thực hiện tính toán trích lập Dự phòng rủi ro theo kết quả phân loại nợ.
 - d. Đầu mỗi đánh giá lại giá trị tài sản đảm bảo theo quy định về giao dịch bảo đảm trong cấp tín dụng của BIDV.
- 401. Nhiệm vụ nào sau đây không phải là nhiệm vụ của Bộ phận QLRR?**

- a. Đề xuất các phương án xử lý và trực tiếp xử lý các khoản nợ xấu.
 - b. Đề xuất các phương án thu hồi xử lý nợ xấu, nợ ngoại bảng (xử lý tài sản, xoá nợ, bán nợ, ...)
 - c. Quản lý danh mục các khoản nợ xấu, nợ chuyển ngoại bảng, các khoản đã được bán nợ, khoanh nợ...
 - d. Quản lý, lưu trữ các hồ sơ tín dụng của các khoản nợ xấu, nợ được xử lý bằng quỹ dự phòng rủi ro.
- 402. Nhiệm vụ nào sau đây không phải là nhiệm vụ của Bộ phận quản trị tín dụng?**
- a. Chịu trách nhiệm theo dõi diễn biến trạng thái các khoản nợ vay/Bảo lãnh của khách hàng, qua đó cảnh báo các dấu hiệu rủi ro cho Bộ phận QHKKH.
 - b. Lập bảng theo dõi nợ vay; Sổ theo dõi công trình đối với cho vay đầu tư dự án.
 - c. Lập thông báo yêu cầu Bộ phận QHKKH thực hiện kiểm tra, rà soát khoản vay theo đúng quy định.
 - d. Thực hiện chức năng thông tin, báo cáo thống kê.
- 403. Phó Giám đốc QHKKH ký trên tờ trình đề xuất giải ngân của Bộ phận QHKKH trong những trường hợp nào sau đây?**
- a. Giám đốc Chi nhánh yêu cầu PGĐ QHKKH ký phê duyệt trên Đề xuất giải ngân.
 - b. Trong trường hợp thiếu chứng từ giải ngân và/hoặc chưa đủ điều kiện giải ngân.
 - c. Cả 2 trường hợp a và b nói trên
 - d. Phó Giám đốc QHKKH luôn phải ký duyệt đề xuất trên tờ trình đề xuất giải ngân.
- 404. Giới hạn tín dụng đối với dự án đầu tư trung dài hạn được xác định như thế nào?**
- a. Dự nợ cho vay, bảo lãnh của dự án
 - b. Doanh số cho vay, bảo lãnh, mở L/C tối đa đối với một dự án
 - c. Doanh số cho vay, bảo lãnh (trừ phần bảo lãnh thanh toán dự kiến thanh toán bằng vốn vay), mở L/C (trừ phần ký quỹ và phần L/C dự kiến thanh toán bằng vốn vay) tối đa đối với một dự án trung dài hạn.
- 405. Cho vay/bảo lãnh có bảo đảm 100% bằng cầm cố sổ tiết kiệm, chứng từ có giá hoặc tiền gửi thì Báo cáo đề xuất tín dụng thực hiện như thế nào?**

- a. Không cần phân tích tình hình chung của khách hàng.
 - b. Chỉ cần phân tích ngắn gọn tình hình tài chính của khách hàng.
 - c. Không cần phân tích tình hình tài chính của khách hàng.
- 406. Báo cáo đề xuất tín dụng của các khoản tín dụng vượt thẩm quyền của Phòng Giao dịch sẽ được trình về bộ phận nào?**
- a. Phòng QHKKH.
 - b. Phòng QLRR.
 - c. PGD QHKKH (hoặc Lãnh đạo chi nhánh phụ trách PGD được uỷ quyền phê duyệt đề xuất tín dụng).
- 407. Đối với các khoản tín dụng phải qua thẩm định rủi ro, khi PGD QHKKH từ chối thì Hồ sơ sẽ được chuyển cho bộ phận nào?**
- a. Qua Bộ phận QLRR để tiếp tục thực hiện đến khi cấp có thẩm quyền quyết định.
 - b. Trả lại Bộ phận QHKKH/Lãnh đạo Phòng Tài trợ dự án/Lãnh đạo PGD để từ chối cấp tín dụng cho khách hàng.
- 408. Các khoản cho vay tài trợ dự án vượt thẩm quyền phê duyệt của chi nhánh sẽ được chuyển về bộ phận nào?**
- a. Ban Quản lý rủi ro tín dụng.
 - b. Ban Quan hệ khách hàng doanh nghiệp.
 - c. Ban Quản lý tín dụng.
- 409. Các khoản tín dụng của khách hàng doanh nghiệp vượt thẩm quyền Phòng giao dịch thì thực hiện như thế nào?**
- a. Không bắt buộc thẩm định rủi ro.
 - b. Bắt buộc thẩm định rủi ro.
 - c. Thực hiện như các khoản vay tại Phòng QHKKH của chi nhánh, những khoản nào thuộc thẩm quyền của PGD QHKKH thì không phải qua thẩm định rủi ro, nếu vượt thẩm quyền thì phải qua Bộ phận QLRR để thẩm định rủi ro.
- 410. Nếu Bộ phận QTTD và Bộ phận QHKKH không thống nhất về nội dung Thư bảo lãnh/Hợp đồng bảo lãnh thì thực hiện như thế nào?**
- a. Từ chối phát hành bảo lãnh.
 - b. Bộ phận QTTD trao đổi ngay với Bộ phận QHKKH và ý kiến của Bộ phận QTTD có ý nghĩa quyết định cuối cùng.
 - c. Trình Giám đốc Chi nhánh/Tổng Giám đốc xem xét, quyết định ký Thư bảo lãnh/Hợp đồng cấp bảo lãnh.
- 411. Điều chỉnh tín dụng bao gồm những nội dung nào sau đây?**
- a. Gia hạn nợ, điều chỉnh kỳ hạn nợ/Điều chỉnh thời gian hiệu lực của Thư bảo lãnh
 - b. Điều chỉnh điều kiện tín dụng; Điều chỉnh biện pháp bảo đảm/Tài sản bảo

- đảm.
- c. Điều chỉnh Hạn mức/Số tiền cho vay, bảo lãnh
- d. Cả a, b và c.
- 412. Đối với trường hợp thu nợ gốc, lãi, phí thủ công khi khách hàng trả nợ đúng hạn thì thực hiện như thế nào?**
- a. Đến hạn thu nợ gốc, lãi, phí Bộ phận QTTD lập Chỉ thị thu nợ gửi Bộ phận Dịch vụ khách hàng để thực hiện thu nợ.
- b. Đến hạn thu nợ gốc, lãi, phí Bộ phận Dịch vụ khách hàng thực hiện thu nợ và in chứng từ chuyển trả khách hàng cùng với sổ phụ.
- c. Đến hạn, Bộ phận QHKKH lập Giấy đề nghị thu nợ chuyển cho Bộ phận QTTD kiểm tra, đối chiếu và Bộ phận QTTD chuyển Giấy đề nghị thu nợ cho Bộ phận Dịch vụ khách hàng thực hiện thu nợ.
- 413. Cán bộ QHKKH có thể yêu cầu khách hàng trả nợ trước hạn trong trường hợp nào?**
- a. Khách hàng có nguồn tiền lớn về tài khoản đủ để trả nợ.
- b. Phát hiện khách hàng vi phạm các cam kết trong hợp đồng tín dụng.
- c. Chi nhánh bị vượt giới hạn tín dụng.
- d. Cả a, b và c.
- 414. Khi chi nhánh phải thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh, cho khách hàng vay bắt buộc để thanh toán cho người thụ hưởng thì thực hiện như thế nào?**
- a. Bộ phận QHKKH lập Tờ trình đề xuất cho vay bắt buộc trình PGĐ QHKKH phê duyệt đề xuất, sau đó chuyển sang Bộ phận QLRR để thẩm định rủi ro và trình cấp có thẩm quyền phê duyệt cho vay bắt buộc.
- b. Bộ phận QHKKH lập Tờ trình cho vay bắt buộc và Thông báo cho vay bắt buộc trình PGĐ QHKKH/Giám đốc phê duyệt và ký thông báo cho vay bắt buộc.
- c. Bộ phận QHKKH lập Tờ trình đề nghị cho vay bắt buộc chuyển Bộ phận QTTD. Bộ phận QTTD rà soát và lập Đề xuất giải ngân cho vay bắt buộc trình PGĐ phụ trách tác nghiệp ký phê duyệt.
- 415. Đối với trường hợp khách hàng mở L/C bằng vốn tự có kí quỹ 100% trị giá L/C cùng loại tiền tệ với loại tiền tệ của L/C thì thực hiện như thế nào?**
- a. Bộ phận TTQT là đầu mối tiếp nhận hồ sơ mở L/C và xem xét, thực hiện theo đúng quy định về thanh toán quốc tế.
- b. Bộ phận QHKKH là đầu mối tiếp nhận hồ sơ mở L/C, sau đó chuyển cho Bộ phận TTQT xem xét, thực hiện theo đúng quy định về thanh toán quốc tế.
- c. Bộ phận QHKKH hoặc Bộ phận TTQT có thể đầu mối tiếp nhận hồ sơ mở L/C từ khách hàng tùy theo quy định từng chi nhánh nhưng Bộ phận

TTQT là bộ phận xem xét và thực hiện mở L/C theo đúng quy định về thanh toán quốc tế.

416. Các sửa đổi L/C nào mà việc phê duyệt sửa đổi phải được thực hiện như các bước phê duyệt mở L/C?

- a. Giảm ký quỹ, giải toả ký quỹ, thay thế ký quỹ bằng hình thức đảm bảo khác, thay đổi loại tiền tệ ký quỹ.
- b. Thay đổi thời hạn hiệu lực của L/C, cảng nhận hàng, những thay đổi về mặt hàng, quy cách chất lượng hàng hoá và điều kiện đòi tiền ngân hàng phát hành L/C.
- c. Cả a và b đều đúng.

417. Thời gian thực hiện kiểm tra sử dụng vốn vay sau khi giải ngân là bao nhiêu?

- a. Định kỳ hàng tháng
- b. Trong vòng 5 ngày đối với giải ngân tiền mặt và 10 ngày đối với giải ngân chuyển khoản kể từ thời điểm giải ngân
- c. Trong vòng 10 ngày đối với giải ngân tiền mặt và 20 ngày đối với giải ngân chuyển khoản kể từ thời điểm giải ngân.
- d. Trong vòng 10 ngày đối với giải ngân tiền mặt và 30 ngày đối với giải ngân chuyển khoản kể từ thời điểm giải ngân.

418. Theo quy định hiện hành của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Ngân hàng thương mại được xử lý rủi ro đối với khoản nợ trong trường hợp nào sau đây?

- a. Nợ nhóm 3;
- b. Nợ nhóm 4;
- c. Nợ nhóm 5; Khách hàng là tổ chức, doanh nghiệp bị giải thể, phá sản theo quy định của pháp luật; cá nhân bị chết hoặc mất tích.
- d. Nợ nhóm 5; Khách hàng là tổ chức, doanh nghiệp bị giải thể, phá sản theo quy định của pháp luật; cá nhân bị chết hoặc mất tích; Nợ khoanh chờ Chính phủ xử lý.

419. Ngân hàng sử dụng nguồn nào để xử lý rủi ro tín dụng?

- a. Lợi nhuận để lại của Ngân hàng
 - b. Chi phí hoạt động của Ngân hàng
 - c. Quỹ dự phòng rủi ro. Trường hợp số tiền dự phòng không đủ để xử lý toàn bộ rủi ro tín dụng của các khoản nợ phải xử lý, tổ chức tín dụng hạch toán trực tiếp phần chênh lệch thiếu của số tiền dự phòng vào chi phí hoạt động
 - d. Vốn điều lệ của Ngân hàng
- 420. Theo quy định hiện hành của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, thứ tự sử dụng quỹ dự phòng rủi ro được quy định như thế nào?**
- a. Sử dụng dự phòng chung trước, nếu thiếu sử dụng dự phòng cụ thể
 - b. Sử dụng dự phòng cụ thể; Phát mại tài sản bảo đảm để thu nợ, Trường hợp phát mại tài sản không đủ bù đắp cho rủi ro tín dụng của khoản nợ thì được sử dụng dự phòng chung để xử lý đủ.
 - c. Sử dụng dự phòng cụ thể trước, nếu không đủ thì được sử dụng dự phòng chung.
 - d. Dự phòng cụ thể hoặc dự phòng chung đều được.
- 421. Trường hợp số tiền dự phòng không đủ để xử lý toàn bộ rủi ro tín dụng của các khoản nợ phải xử lý, tổ chức tín dụng sử dụng nguồn nào để xử lý rủi ro tín dụng?**
- a. Nguồn vốn chủ sở hữu của Ngân hàng
 - b. Hạch toán trực tiếp phần chênh lệch thiếu của số tiền dự phòng vào chi phí hoạt động
- 422. Trường hợp số tiền dự phòng đã trích còn lại lớn hơn số tiền dự phòng phải trích, tổ chức tín dụng xử lý như thế nào?**
- a. Hoàn nhập phần chênh lệch thừa theo quy định của pháp luật về chế độ tài chính đối với tổ chức tín dụng
 - b. Hạch toán trực tiếp phần chênh lệch thừa của số tiền dự phòng vào Nguồn vốn của Ngân hàng.
- 423. Ngân hàng có thông báo cho khách hàng về việc khoản nợ bị xử lý rủi ro tín dụng hay không?**
- a. Có
 - b. Không
- 424. Khoản nợ đã xử lý rủi ro tín dụng được tính lãi như thế nào?**
- a. Ngừng tính lãi.
 - b. Thực hiện theo đúng quy định tại Hợp đồng tín dụng và các phụ lục hợp đồng (nếu có).
 - c. Áp dụng theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố trong từng

thời kỳ.

- 425. Cấp nào có thẩm quyền xét duyệt khoản nợ đủ điều kiện sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro tín dụng?**
- a. Giám đốc Chi nhánh
 - b. Tổng Giám đốc
 - c. Hội đồng Xử lý rủi ro tín dụng
 - d. Hội đồng Xử lý rủi ro tín dụng hoặc Tổng Giám đốc tùy thuộc giá trị khoản nợ..
- 426. Sau năm (05) năm kể từ ngày sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro tín dụng, tất cả các tổ chức tín dụng được quyền xuất toán các khoản nợ đã được xử lý rủi ro tín dụng ra khỏi ngoại bảng.. Đúng hay sai?**
- a. Đúng
 - b. Sai
- 427. Mọi khoản tiền thu hồi được từ các khoản nợ đã được xử lý rủi ro tín dụng bằng dự phòng rủi ro được hạch toán vào đâu?**
- a. Thu nhập của Ngân hàng
 - b. Hoàn nhập quỹ dự phòng của Ngân hàng
 - c. Vốn chủ sở hữu của Ngân hàng
- 428. Theo quy định hiện hành của BIDV, điều kiện xử lý rủi ro trong trường hợp khách hàng là cá nhân bị chết/mất tích như thế nào?**
- a. Có giấy chứng tử/ xác nhận mất tích do cơ quan có thẩm quyền cấp
 - b. Hoàn cảnh gia đình người vay gặp khó khăn về tài chính.
 - c. Cả A và B
- 429. Theo quy định hiện hành của BIDV, điều kiện xử lý rủi ro trong trường hợp khách hàng là tổ chức, doanh nghiệp bị giải thể, phá sản là thế nào?**
- a. Đã hoàn thành thủ tục giải thể, phá sản theo quy định của pháp luật
 - b. Không còn nguồn trả nợ ngân hàng sau khi kết thúc giải thể, phá sản hoặc nguồn trả nợ được đánh giá là khó có khả năng thu hồi hoặc nếu thu hồi được thì thời gian thu hồi kéo dài
 - c. Cả A và B
- 430. Theo quy định hiện hành của BIDV, điều kiện xử lý rủi ro trong trường hợp khoản nợ xếp nhóm 5 là thế nào?**
- a. Khách hàng gặp khó khăn về tài chính.
 - b. Khách hàng gặp khó khăn về tài chính và ngân hàng đã nỗ lực, sử dụng

mọi biện pháp thu hồi nợ nhưng không thu được

- c. Ngân hàng đã nỗ lực, sử dụng mọi biện pháp thu hồi nợ nhưng không thu được.

431. Theo quy định hiện hành của NHNNVN, một trong các nguyên tắc về các TCTD quyết định miễn, giảm lãi vốn vay phải trả đối với khách hàng là thế nào?

- a. Khách hàng vay bị tổn thất về tài sản dẫn đến khó khăn về tài chính.
- b. Khách hàng vay bị tổn thất về tài sản có liên quan đến vốn vay dẫn đến bị khó khăn về tài chính.

432. Theo quy định hiện hành của BIDV, trường hợp Bên vay là Công ty cổ phần và có thiện chí trả nợ, tài liệu chứng minh tình hình tài chính khó khăn bắt buộc phải có là gì?

- a. Báo cáo tài chính hai năm liên trước (trừ trường hợp tổ chức mới thành lập và hoạt động) và báo cáo tài chính quý gần nhất hoặc báo cáo tài chính quý cách thời điểm xét giảm, miễn lãi tối đa không quá 06 tháng trong trường hợp không có báo cáo tài chính quý gần nhất thể hiện thua lỗ hoặc có lỗ lũy kế.
- b. Báo cáo tài chính hai năm liên trước (trừ trường hợp tổ chức mới thành lập và hoạt động) thể hiện thua lỗ hoặc có lỗ lũy kế.
- c. Báo cáo tài chính hai năm liên trước (trừ trường hợp tổ chức mới thành lập và hoạt động) và báo cáo tài chính quý gần nhất thể hiện thua lỗ hoặc có lỗ lũy kế.

433. Theo quy định hiện hành của BIDV, Thẩm quyền giảm, miễn lãi của Tổng giám đốc được quy định như thế nào?

- a. Tổng Giám đốc xem xét, quyết định giảm, miễn lãi đối với mọi trường hợp vượt thẩm quyền của Chi nhánh và tối đa đến 500 triệu đồng đối với một khách hàng trong năm.
- b. Tổng Giám đốc xem xét, quyết định giảm, miễn lãi đối với mọi trường hợp vượt thẩm quyền của Chi nhánh và tối đa đến 1.000 triệu đồng đối với một khách hàng trong năm.
- c. Tổng Giám đốc xem xét, quyết định giảm, miễn lãi đối với mọi trường hợp vượt thẩm quyền của Chi nhánh và tối đa đến 1.500 triệu đồng đối với một khách hàng trong năm.
- d. Tổng Giám đốc xem xét, quyết định giảm, miễn lãi đối với mọi trường hợp vượt thẩm quyền của Chi nhánh và tối đa đến 2.000 triệu đồng đối với một khách hàng trong năm.

434. Theo quy định hiện hành của BIDV, trường hợp Bên vay bị mất việc làm, thời điểm xét giảm, miễn lãi được xác định như thế nào?

- a. Sau 3 tháng kể từ ngày Bên vay bị mất việc làm.
 - b. Sau 9 tháng kể từ ngày Bên vay bị mất việc làm.
 - c. Sau 6 tháng kể từ ngày Bên vay bị mất việc làm.
 - d. Sau 1 tháng kể từ ngày Bên vay bị mất việc làm.
- 435. Theo quy định hiện hành của BIDV, trường hợp Bên vay đã tự tan rã, giải thể hoặc phá sản, mức giảm, miễn lãi được xác định như thế nào?**
- a. Mức giảm, miễn đến 100% dư nợ lãi nhưng tối đa không quá nghĩa vụ nợ của Bên vay không có khả năng thanh toán.
 - b. Ngưng tính lãi kể từ thời điểm xét giảm, miễn lãi. Và giảm, miễn đến 100% dư nợ lãi.
 - c. Tối đa 100% dư nợ lãi, nhưng không được vượt quá số lỗ còn lại (sau khi đã trừ đi nợ tồn đọng về thuế và các khoản phải nộp Ngân sách nhà nước) tính đến thời điểm chuyển đổi.
- 436. Theo quy định hiện hành của BIDV, trường hợp Bên vay bị ảnh hưởng bởi thiên tai, dịch họa, hỏa hoạn, dịch bệnh, thời điểm xét giảm, miễn lãi được xác định như thế nào?**
- a. Tối thiểu sau 01 tháng kể từ thời điểm xảy ra sự kiện tổn thất.
 - b. Tối thiểu sau 03 tháng kể từ thời điểm xảy ra sự kiện tổn thất.
 - c. Tối thiểu sau 06 tháng kể từ thời điểm xảy ra sự kiện tổn thất.
 - d. Tối thiểu sau 06 tháng kể từ thời điểm xảy ra sự kiện tổn thất. Trường hợp đặc biệt do Hội đồng xử lý rủi ro quyết định.
- 437. Theo quy định hiện hành của BIDV, thẩm quyền giảm, miễn lãi của Hội đồng xử lý rủi ro được quy định như thế nào?**
- a. Hội đồng xử lý rủi ro xem xét, quyết định giảm, miễn lãi với mọi trường hợp vượt thẩm quyền của Tổng Giám đốc và tối đa đến 5.000 triệu đồng đối với một khách hàng trong năm.
 - b. Hội đồng xử lý rủi ro xem xét, quyết định giảm, miễn lãi với mọi trường hợp vượt thẩm quyền của Tổng Giám đốc và tối đa đến 15.000 triệu đồng đối với một khách hàng trong năm.
 - c. Hội đồng xử lý rủi ro xem xét, quyết định giảm, miễn lãi với mọi trường hợp vượt thẩm quyền của Tổng Giám đốc và tối đa đến 25.000 triệu đồng đối với một khách hàng trong năm.
 - d. Hội đồng xử lý rủi ro xem xét, quyết định giảm, miễn lãi với mọi trường hợp vượt thẩm quyền của Tổng Giám đốc.
- 438. Theo Điều 6 QĐ 493/2005/QĐ-NHNN và QĐ 18/2007/QĐ-NHNN, khi khách hàng có dấu hiệu nào sau đây thì dư nợ của khách hàng bị coi là nợ xấu?**

- a. Có nợ quá hạn đến 90 ngày.
 - b. Bị điều chỉnh kỳ hạn trả nợ lần đầu.
 - c. Có nợ gia hạn lần đầu.
 - d. Tất cả các phương án trên đều đúng.
- 439. Theo Điều 6 QĐ 493/2005/QĐ-NHNN và QĐ 18/2007/QĐ-NHNN, các khoản nợ nào sau đây không được phân loại vào nhóm 3?**
- a. Các khoản nợ quá hạn từ 91 đến 180 ngày.
 - b. Các khoản nợ được miễn hoặc giảm lãi do khách hàng không đủ khả năng trả lãi đầy đủ theo hợp đồng tín dụng.
 - c. Các khoản nợ cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần đầu quá hạn từ 90 ngày trở lên theo thời hạn trả nợ được cơ cấu lại lần đầu.
 - d. a và b đúng.
 - e. a, b và c đúng.
- 440. Dư nợ của khách hàng xếp hạng nào sau đây được phân loại vào nhóm 3?**
- a. CCC.
 - b. CC.
 - c. C.
 - d. a và b đúng.
 - e. a, b và c đúng.
- 441. Theo quy định tại Điều 6 Quyết định 493/2005/QĐ-NHNN và QĐ 18/2007/QĐ-NHNN, đối với các khoản nợ ngắn hạn cơ cấu lại thời hạn trả nợ, trường hợp nào sau đây được phân loại vào nhóm nợ có độ rủi ro thấp hơn (kể cả nhóm 1)?**
- a. Khách hàng trả đầy đủ nợ gốc và lãi theo thời hạn trả nợ được cơ cấu lại trong thời hạn tối thiểu ba (03) tháng kể từ ngày bắt đầu trả nợ đầy đủ nợ gốc và lãi theo thời hạn được cơ cấu lại.
 - b. Khách hàng trả đầy đủ nợ gốc và lãi theo thời hạn trả nợ được cơ cấu lại trong thời hạn tối thiểu sáu (06) tháng kể từ ngày bắt đầu trả nợ gốc và lãi theo thời hạn được cơ cấu lại.
 - c. Khách hàng trả đầy đủ nợ gốc và lãi theo thời hạn trả nợ được cơ cấu lại trong thời hạn tối thiểu chín (09) tháng kể từ ngày bắt đầu trả nợ đầy đủ nợ gốc và lãi bị quá hạn.
 - d. Cả a, b, c đều sai.
- 442. Trường hợp khách hàng không thuộc đối tượng xếp hạng theo Hệ thống xếp hạng tín dụng nội bộ, các khoản nợ nào sau đây được phân loại vào nhóm 4?**

- a. Các khoản nợ cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần đầu quá hạn dưới 90 ngày theo thời hạn trả nợ được cơ cấu lại lần đầu.
 - b. Các khoản nợ được cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần thứ hai.
 - c. Cả a và b đều sai.
 - d. Cả a và b đều đúng.
- 443. Trường hợp khách hàng không thuộc đối tượng xếp hạng theo Hệ thống xếp hạng tín dụng nội bộ, các khoản nợ nào sau đây được phân loại vào nhóm 5?**
- a. Các khoản nợ cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần thứ ba trở lên.
 - b. Các khoản nợ quá hạn 360 ngày.
 - c. Cả a và b đều đúng.
 - d. Cả a và b đều sai.
- 444. Đối với khách hàng có quan hệ tín dụng từ hai chi nhánh trở lên trong hệ thống BIDV, nếu có sự khác biệt về nhóm nợ tại các chi nhánh thì việc phân loại nợ tại các chi nhánh được thực hiện theo nguyên tắc nào?**
- a. Thống nhất với nhóm nợ của chi nhánh đầu mối.
 - b. Thống nhất với nhóm nợ tại chi nhánh có dư nợ lớn nhất.
 - c. Thống nhất với nhóm nợ có độ rủi ro thấp hơn.
 - d. Tất cả các phương án trên đều sai.
- 445. Đối với khách hàng không thuộc đối tượng xếp hạng theo Hệ thống xếp hạng tín dụng nội bộ, các khoản nợ được miễn hoặc giảm lãi do khách hàng không đủ khả năng trả lãi đầy đủ theo hợp đồng tín dụng được phân loại vào nhóm nợ nào sau đây?**
- a. Nhóm 2.
 - b. Nhóm 3.
 - c. Nhóm 4.
 - d. Nhóm 5.
- 446. Dự phòng chung được trích lập đối với những nhóm nợ nào sau đây?**
- a. Từ nhóm 1 đến nhóm 4.
 - b. Từ nhóm 1 đến nhóm 5.
 - c. Từ nhóm 2 đến nhóm 5.
 - d. Nợ xấu.
- 447. Tỷ lệ trích lập dự phòng cụ thể đối với nợ nhóm 3 là bao nhiêu?**

- a. 5%.
 - b. 10%.
 - c. 20%.
 - d. 30%.
- 448. Theo quy định của NHNN tại QĐ 493/2005/QĐ-NHNN và QĐ 18/2007/QĐ-NHNN, tài sản bảo đảm đưa vào để khấu trừ khi tính số tiền dự phòng cụ thể phải đáp ứng điều kiện nào sau đây?**
- a. Ngân hàng có quyền phát mại tài sản bảo đảm theo hợp đồng bảo đảm khi khách hàng không thực hiện nghĩa vụ theo cam kết.
 - b. Thời gian tiến hành phát mại tài sản bảo đảm theo dự kiến là không quá sáu (06) tháng đối với tài sản bảo đảm không phải là bất động sản và không quá một (01) năm đối với tài sản bảo đảm là bất động sản, kể từ khi bắt đầu tiến hành việc phát mại tài sản bảo đảm.
 - c. Thời gian tiến hành phát mại tài sản bảo đảm theo dự kiến là không quá một (01) năm đối với tài sản bảo đảm không phải là bất động sản và không quá hai (02) năm đối với tài sản bảo đảm là bất động sản, kể từ khi bắt đầu tiến hành việc phát mại tài sản bảo đảm.
 - d. a và b đúng.
 - e. a và c đúng.
- 449. Tỷ lệ khấu trừ tối đa đối với TSDB là bất động sản để trích lập dự phòng cụ thể là bao nhiêu?**
- a. 55%.
 - b. 50%.
 - c. 40%.
 - d. 30%.
- 450. Theo hướng dẫn tại Công văn 5058/CV-QLTD4 v/v tính toán mức dự phòng rủi ro phải trích và công văn 6737/CV-QLTD4 ngày 26/11/2009 v/v phân loại nợ và trích lập DPRR 2009, tỷ lệ chấp thuận theo tính pháp lý đối với bất động sản hợp lệ là bao nhiêu?**
- a. 50%.
 - b. 30%.
 - c. 10%.
 - d. 0% .
- 451. Theo hướng dẫn tại Công văn 5058/CV-QLTD4 v/v tính toán mức dự phòng rủi ro phải trích, tỷ lệ chấp thuận theo khả năng phát mại đối với TSDB được đánh giá dễ phát mại là bao nhiêu?**

- a. 100%.
 - b. 85%.
 - c. 75%.
 - d. 50%.
452. Theo hướng dẫn tại Công văn 5058/CV-QLTD4 v/v tính toán mức dự phòng rủi ro phải trích, tỷ lệ chấp thuận theo khả năng phát mại đối với TSDB được đánh giá khả năng phát mại ở mức bình thường là bao nhiêu?
- a. 30%.
 - b. 40%.
 - c. 50%.
 - d. 60%
453. Trọng số của phần tài chính và phi tài chính theo Hệ thống xếp hạng tín dụng nội bộ đối với khách hàng doanh nghiệp có báo cáo tài chính được kiểm toán là bao nhiêu?
- a. Tài chính: 35%, phi tài chính: 65%.
 - b. Tài chính: 35%, phi tài chính: 60%.
 - c. Tài chính: 30%, phi tài chính: 70%.
 - d. Tài chính: 30%, phi tài chính: 65%.
- .
454. Theo Điều 6 QĐ 493/2005/QĐ-NHNN và QĐ 18/2007/QĐ-NHNN, các khoản nợ quá hạn 180 ngày được phân loại vào nhóm nào sau đây?
- a. Nhóm 2.
 - b. Nhóm 3.
 - c. Nhóm 4.
 - d. Nhóm 5.
455. Theo Hệ thống xếp hạng tín dụng nội bộ, khi cán bộ xếp hạng không thể xác định được tình trạng nợ quá hạn của khách hàng tại các ngân hàng khác trong 12 tháng qua, điểm số đối với chỉ tiêu này sẽ được chấm ở mức nào?
- a. 100.
 - b. 80.
 - c. 60.
 - d. 40.
 - e. 20.
456. Đối với khách hàng bị âm vốn chủ sở hữu và kinh doanh có lãi trong năm tài chính gần nhất, việc phân loại nợ đối với các khoản nợ của khách hàng này dựa trên yếu tố gì?

- a. Kết quả xếp hạng khách hàng theo Hệ thống xếp hạng tín dụng nội bộ.
 - b. Không thực hiện xếp hạng và phân loại ngay vào nhóm 5.
 - c. Không thực hiện xếp hạng và phân loại nợ theo quy định tại Điều 6 QĐ 493/2005/QĐ-NHNN và QĐ 18/2007/QĐ-NHNN.
 - d. Tất cả các phương án trên đều sai.
- 457. Tỷ lệ khấu trừ tối đa đối với TSĐB là số dư trên tài khoản tiền gửi bằng ngoại tệ do tổ chức tín dụng phát hành để trích lập dự phòng cụ thể là bao nhiêu?**
- a. 100%.
 - b. 95%.
 - c. 90%.
 - d. 85%.
- 458. Bộ phận nào phê duyệt kết quả xếp hạng tín dụng nội bộ tại chi nhánh?**
- a. Hội đồng tín dụng chi nhánh.
 - b. Giám đốc chi nhánh.
 - c. Trưởng phòng Quản lý rủi ro tại chi nhánh.
 - d. Hội đồng tín dụng Chi nhánh phê duyệt kết quả chấm điểm và xếp hạng đối với các khách hàng có dư nợ tại BIDV từ 5 tỷ đồng trở lên. Các khách hàng còn lại, Giám đốc Chi nhánh là người chịu trách nhiệm phê duyệt.
- 459. Theo Hệ thống xếp hạng tín dụng nội bộ, quy mô của doanh nghiệp được xác định dựa trên tiêu chí nào sau đây?**
- a. Vốn chủ sở hữu, số lượng lao động, doanh thu thuần, tổng tài sản.
 - b. Vốn chủ sở hữu, doanh thu thuần, tổng tài sản.
 - c. Vốn chủ sở hữu, số lượng lao động, tổng tài sản.
 - d. Vốn chủ sở hữu, tổng tài sản.
- 460. Theo Hệ thống xếp hạng tín dụng nội bộ, việc xếp hạng khách hàng được dựa trên yếu tố gì?**

- a. Tình hình tài chính, lịch sử trả nợ và khả năng trả nợ.
- b. Trình độ quản lý và môi trường nội bộ của doanh nghiệp.
- c. Các nhân tố bên ngoài và các đặc điểm hoạt động khác.
- d. Tài sản đảm bảo.
- e. a, b, c đúng.
- f. a, b, c, d đúng.

461. Theo Điều 6 QĐ 493/2005/QĐ-NHNN và QĐ 18/2007/QĐ-NHNN, các khoản nợ cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần thứ ba trở lên phân loại vào nhóm nào sau đây/

- a. Nhóm 2.
- b. Nhóm 3.
- c. Nhóm 4.
- d. Nhóm 5.

462. Theo QĐ 493/2005/QĐ-NHNN và QĐ 18/2007/QĐ-NHNN, tỷ lệ khấu trừ tối đa áp dụng đối với loại tài sản đảm bảo nào sau đây là cao nhất?

- a. Chứng khoán của doanh nghiệp.
- b. Giấy tờ có giá của tổ chức tín dụng khác phát hành được niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán và Trung tâm giao dịch chứng khoán.
- c. Bất động sản.
- d. Trái phiếu chính phủ có thời hạn còn lại từ 1 năm trở lên.

463. Một khách hàng có báo cáo tài chính được kiểm toán với ý kiến kiểm toán trái ngược thì trọng số của các chỉ tiêu tài chính và phi tài chính theo thứ tự là bao nhiêu?

- a. 30% và 65%.
- b. 35% và 65%.
- c. 40% và 60%.
- d. 30% và 70%.

464. Khách hàng A dư nợ 100 tỷ, nợ cơ cấu là 20 tỷ, nợ quá hạn 10 ngày là 50 tỷ. Theo Hệ thống xếp hạng tín dụng nội bộ, tỷ trọng nợ cơ cấu trên tổng dư nợ tại thời điểm đánh giá của khách hàng này là bao nhiêu?

- a. 20%.
 - b. 50%.
 - c. 70%.
 - d. 100%.
465. **Dư nợ của khách hàng xếp hạng nào sau đây được phân loại vào nhóm 4?**
- a. C.
 - b. CC.
 - c. CCC.
 - d. a và b đúng.
 - e. a, b và c đúng.
466. **Doanh nghiệp A có doanh thu năm 2008 là 120 tỷ, năm 2009 là 110 tỷ và năm 2010 là 150 tỷ. Theo Hệ thống xếp hạng tín dụng nội bộ, tốc độ tăng trưởng doanh thu thuần trung bình của doanh nghiệp trong 3 năm là bao nhiêu?**
- a. 25%.
 - b. 14%.
 - c. 12,5%.
 - d. 11,8%.
467. **Theo QĐ 493/2005/QĐ-NHNN và QĐ 18/2007/QĐ-NHNN, các khoản nợ khoan hồng, nợ chờ xử lý được phân loại vào nhóm nợ nào sau đây?**
- a. Nhóm 2.
 - b. Nhóm 3.
 - c. Nhóm 4.
 - d. Nhóm 5.
- .

PHẦN 7: TỔNG QUAN VỀ HỆ THỐNG NGÂN HÀNG

468. ***Ngân hàng Nhà nước Việt Nam được thành lập từ năm nào?***
- a. 1951
 - b. 1954
 - c. 1957
 - d. 1988
469. ***Ngân hàng thương mại nào được thành lập sớm nhất tại Việt Nam?***
- a. BIDV
 - b. Agribank

- c. Vietcombank
- d. Vietinbank

470. *Tính đến hết năm 2010, hệ thống NHTMVN có bao nhiêu NHTM Nhà nước đang hoạt động?*

- a. 3 Ngân hàng
- b. 4 Ngân hàng
- c. 5 Ngân hàng
- d. 6 Ngân hàng

471. *Tính đến hết năm 2010, trong hệ thống NHTMVN có bao nhiêu NHTM 100% vốn nước ngoài đang hoạt động?*

- a. 3 Ngân hàng
- b. 4 Ngân hàng
- c. 5 Ngân hàng
- d. 6 Ngân hàng

472. *Tính đến hết năm 2010, trong hệ thống NHTMVN có bao nhiêu Ngân hàng Liên doanh đang hoạt động?*

- a. 3 Ngân hàng
- b. 4 Ngân hàng
- c. 5 Ngân hàng
- d. 6 Ngân hàng

473. *Tính đến hết năm 2010, hệ thống NHTMVN có bao nhiêu NHTM CP đang hoạt động?*

- a. 40 ngân hàng
- b. 37 ngân hàng
- c. 48 ngân hàng
- d. 30 ngân hàng

474. *Tính đến hết năm 2010, hệ thống NHTMVN có bao nhiêu chi nhánh Ngân hàng nước ngoài đang hoạt động?*

- a. 40 Chi nhánh
- b. 48 Chi nhánh
- c. 55 Chi nhánh
- d. 37 chi nhánh

475. *Tổng dư nợ của Khối NHTMNN đến hết năm 2010 chiếm bao nhiêu phần trăm (%) tổng dư nợ toàn hệ thống?*

- a. 51-52%
- b. Trên 52%

- c. 50 - 51%
 - d. 48-49%
- 476. Huy động vốn của Khối NHTMNN năm 2010 chiếm bao nhiêu phần trăm (%) tổng nguồn huy động vốn toàn hệ thống:**
- a. 44 - 45%
 - b. 47 - 48%
 - c. 45 - 46%
 - d. Trên 48%
- 477. Tổng tài sản của Khối NHTMNN năm 2010 chiếm bao nhiêu phần trăm (%) tổng tài sản toàn hệ thống?**
- a. 44 - 45 %
 - b. 43 - 44%
 - c. 40 - 41%
 - d. Trên 45%
- 478. Tổng dư nợ toàn hệ thống Ngân hàng Việt Nam đến hết năm 2010 là bao nhiêu?**
- a. Hơn 200.000 tỷ đồng
 - b. Xấp xỉ 1 triệu tỷ đồng
 - c. Hơn 2 triệu tỷ đồng
 - d. Hơn 3 triệu tỷ đồng
- 479. Ngân hàng thương mại nào sau đây có vốn điều lệ lớn nhất hệ thống tính đến hết năm 2010?**
- a. Vietcombank
 - b. Agribank
 - c. EximBank
 - d. Vietinbank
- 480. NHTM nào sau đây có tổng tài sản lớn nhất hệ thống năm 2010 ?**
- a. BIDV
 - b. ACB
 - c. Vietinbank
 - d. Agribank
- 481. Ngân hàng thương mại nào sau đây có lợi nhuận sau thuế lớn nhất hệ thống năm 2010?**
- a. BIDV
 - b. Vietcombank

- c. Vietinbank
 - d. Agribank
482. ***Ngân hàng thương mại nhà nước nào sau đây đã thực hiện cổ phần hóa***
- a. Ngân hàng phát triển nhà Đồng bằng sông Cửu Long (MHB)
 - b. Ngân hàng Ngoại thương
 - c. Ngân hàng Công thương
 - d. Cả b và c
483. ***Ngân hàng nước ngoài nào sau đây đã thành lập Ngân hàng con tại Việt Nam?***
- a. Hongleong
 - b. Standard Chartered
 - c. Citibank
 - d. Tất cả đáp án trên
484. ***Theo quy định tại Nghị định 141/2006/NĐ-CP, các ngân hàng thương mại hoạt động tại Việt Nam phải đáp ứng mức vốn điều lệ tối thiểu là bao nhiêu?***
- a. 2000 tỷ đồng
 - b. 3.000 tỷ đồng
 - c. 4000 tỷ đồng
 - d. Các đáp án trên đều sai
485. ***Theo quy định hiện hành, tổng mức sở hữu cổ phần của các nhà đầu tư nước ngoài và người có liên quan của các nhà đầu tư nước ngoài không được vượt quá bao nhiêu vốn điều lệ của một NHTM Việt Nam?***
- a. 49%
 - b. 30%
 - c. 20%
 - d. 15%
486. ***Tính đến năm 2010, hệ thống Ngân hàng Việt Nam có bao nhiêu hệ thống chuyển mạch liên ngân hàng?***
- a. 1 hệ thống
 - b. 2 hệ thống
 - c. 3 hệ thống

- d. 4 hệ thống

487. Các chiến lược cốt lõi được đề xuất trong lộ trình chiến lược cho hệ thống Ngân hàng Việt Nam giai đoạn 2011 -2012 là gì?

- a. Tăng cường cạnh tranh, ổn định, và đa dạng hóa các định chế ngân hàng
- b. Cải thiện tính hiệu quả hệ thống của khu vực ngân hàng thông qua việc củng cố cơ chế thị trường
- c. Xây dựng một cơ chế giám sát thận trọng, hiệu quả, tập trung và kiểm soát rủi ro hệ thống
- d. Tăng cường mức độ tiếp cận với những sản phẩm và dịch vụ ngân hàng tới tất cả khách hàng tiềm năng một cách hiệu quả
- e. Cả 4 nội dung trên

PHẦN 8: QUẢN TRỊ CHIẾN LƯỢC

I. Các khái niệm cơ bản

488. Định nghĩa nào sau đây phù hợp nhất cho khái niệm “Chiến lược”?

- a. Là một (hoặc một tập hợp) kế hoạch hành động dài hạn để đạt được một (hoặc nhiều) mục tiêu xác định trước
- b. Chiến lược là tập hợp những khát vọng mà doanh nghiệp muốn hướng tới
- c. Chiến lược là tập hợp tầm nhìn, hoài bão của doanh nghiệp trong tương lai
- d. Chiến lược là những tuyên bố của doanh nghiệp về vị thế trong dài hạn

489. Quản trị chiến lược gồm những nội dung gì?

- a. Xây dựng - Thực hiện - Đánh giá - Điều chỉnh
- b. Xây dựng - Tổ chức - Thực hiện - Giám sát
- c. Thực hiện – Đánh giá – Tổng kết
- d. Thực hiện – Đánh giá – Điều chỉnh

490. Những nội dung nào sau đây là nhiệm vụ của công tác quản trị chiến lược tại doanh nghiệp?

- a. Xây dựng các chiến lược để đạt mục tiêu
- b. Thực thi và điều hành các chiến lược đã chọn
- c. Đánh giá thực hiện chiến lược và đề xuất chỉnh sửa
- d. Tất cả các nội dung trên

491. Chiến lược có thể được chia thành những cấp độ nào?

- a. Chiến lược tổng thể, chiến lược đơn vị, chiến lược bộ phận
- b. Chiến lược kinh doanh, kế hoạch trung hạn, kế hoạch kinh doanh

- c. Kế hoạch chiến lược, kế hoạch chiến thuật, kế hoạch kinh doanh
492. **Mục tiêu của công tác xây dựng chiến lược trong doanh nghiệp là gì?**
- a. Liên kết những hành động trong doanh nghiệp nhằm đạt được mục tiêu kinh doanh
 - b. Xác định sứ mệnh của doanh nghiệp trên thị trường doanh nghiệp đang hoạt động
 - c. Cả đáp án (a) và (b)
 - d. Không phải các đáp án trên
493. **Định nghĩa nào sau đây phù hợp nhất cho khái niệm “Tầm nhìn” trong chiến lược kinh doanh của doanh nghiệp?**
- a. Là tuyên bố về vị thế trong dài hạn mà đơn vị mong muốn đạt được hay đang hướng đến.
 - b. Là tuyên bố về vị thế trong trung hạn mà đơn vị mong muốn đạt được hay đang hướng đến.
 - c. Là tuyên bố về vị thế trong ngắn hạn mà đơn vị mong muốn đạt được hay đang hướng đến.
 - d. Là tuyên bố về vị thế trong ngắn và trung hạn mà đơn vị mong muốn đạt được hay đang hướng đến.
494. **Tuyên bố về tầm nhìn của một doanh nghiệp trả lời cho câu hỏi nào sau đây?**
- a. Doanh nghiệp muốn trở thành gì?
 - b. Doanh nghiệp đang làm gì?
 - c. Doanh nghiệp cần đạt được gì?
 - d. Doanh nghiệp hoạt động như thế nào?
495. **Sứ mệnh của một doanh nghiệp có thể hiểu là gì?**
- a. Là mục tiêu của doanh nghiệp
 - b. Là tầm nhìn của doanh nghiệp
 - c. Là mục đích tồn tại và phát triển của doanh nghiệp
 - d. Không phương án nào đúng
496. **Tuyên bố về sứ mệnh của một doanh nghiệp trả lời cho câu hỏi nào sau đây?**
- a. Doanh nghiệp muốn trở thành gì?
 - b. Doanh nghiệp đang làm gì?
 - c. Doanh nghiệp cần đạt được gì?
 - d. Doanh nghiệp hoạt động như thế nào?
497. **Tuyên bố về mục tiêu của một doanh nghiệp trả lời cho câu hỏi nào sau đây?**
- a. Doanh nghiệp muốn trở thành gì?

- b. Doanh nghiệp đang làm gì?
- c. Doanh nghiệp cần đạt được gì?
- d. Doanh nghiệp hoạt động như thế nào?

498. *Giá trị cốt lõi của một Doanh nghiệp là gì?*

- a. Tuyên bố về vị thế trong dài hạn mà doanh nghiệp mong muốn đạt được hay đang hướng đến
- b. Tuyên bố ngắn gọn trong đó đặt ra các vấn đề: (i) mục đích và hoạt động kinh doanh; (ii) quy tắc đạo đức.
- c. Những yếu tố bền vững, không thể tách rời và quy định tính chất nổi trội của doanh nghiệp

499. *“Trở thành ngân hàng cổ phần hàng đầu ở Việt Nam trong các mảng thị trường lựa chọn tại các khu vực đô thị lớn,”* Tuyên bố trên là:

- a. Chiến lược
- b. Tầm nhìn
- c. Giá trị cốt lõi
- d. Sứ mệnh

500. *“Hợp tác – Tin cậy – Sáng tạo – Chuyên nghiệp – Hiệu quả” có thể là tuyên bố về điều gì của một doanh nghiệp?*

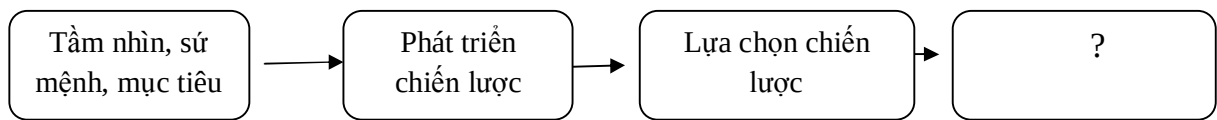
- a. Tầm nhìn
- b. Giá trị cốt lõi
- c. Sứ mệnh
- d. Mục tiêu

501. *“Mang lại sự thịnh vượng đến với cộng đồng, xã hội và đến từng khách hàng” là tuyên bố về điều gì của Ngân hàng?*

- a. Tầm nhìn
- b. Giá trị cốt lõi
- c. Sứ mệnh
- d. Mục tiêu

II. Quy trình xây dựng chiến lược

502. *Điền vào ô trống còn thiếu trong chuỗi Quy trình lập kế hoạch chiến lược sau đây:*



- a. Tổng hợp chiến lược
- b. Nghiên cứu chiến lược
- c. Triển khai thực hiện chiến lược

503. Trong quá trình xây dựng chiến lược kinh doanh, việc đầu tiên doanh nghiệp cần phải làm là gì?

- a. Xác định tầm nhìn, sứ mạng, mục tiêu hoạt động của doanh nghiệp
- b. Rà soát môi trường kinh doanh
- c. Lựa chọn chiến lược kinh doanh

504. Trong quá trình xây dựng chiến lược, để rà soát môi trường kinh doanh, ngân hàng phải thực hiện những phân tích gì?

- a. Phân tích P.E.S.T
- b. Phân tích môi trường kinh doanh ngân hàng
- c. Phân tích CAMELS
- d. Cả (a) và (b)
- e. Cả (b) và (c)

505. Phân tích các nhân tố vĩ mô trong rà soát môi trường kinh doanh (phân tích P.E.S.T) bao gồm các yếu tố nào?

- a. Chính trị - Kinh tế - Xã hội – Công nghệ
- b. Chính trị - Kinh tế - Môi trường – Cạnh tranh
- c. Chính trị - Kinh tế - Cơ hội – Thách thức
- d. Chính trị - Kinh tế - Pháp luật – Cạnh tranh

506. Mô hình Five Forces phân tích môi trường cạnh tranh dựa trên các yếu tố nào?

- a. Phân tích đối thủ cạnh tranh tiềm năng và hiện tại
- b. Phân tích sức mạnh của khách hàng
- c. Phân tích sức mạnh của nhà cung cấp
- d. Phân tích sản phẩm thay thế
- e. Tất cả các đáp án trên

507. **Phạm vi phương pháp phân tích PEST không bao gồm:**
- Quy định về hoạt động thương mại, dịch vụ ngân hàng
 - Điểm yếu, tồn tại của doanh nghiệp trong điều kiện thay đổi của môi trường kinh tế, xã hội
 - Cơ cấu lực lượng lao động
 - Nhân khẩu, văn hoá vùng miền
508. **Phân tích môi trường bên ngoài giúp Ngân hàng nắm bắt được những yếu tố gì?**
- Cơ hội
 - Thách thức
 - Điểm mạnh
 - Điểm yếu
 - a và b
 - c và d
509. **Phân tích môi trường bên trong giúp Ngân hàng nắm bắt được những yếu tố gì?**
- Cơ hội
 - Thách thức
 - Điểm mạnh
 - Điểm yếu
 - a và b
 - c và d
510. **Lựa chọn lợi thế cạnh tranh là quyết định nằm trong chiến lược gì?**
- Chiến lược cấp công ty
 - Chiến lược cấp ngành
 - Chiến lược Marketing
511. **Trong hoạch định chiến lược, việc phân tích yếu tố nào dưới đây KHÔNG thuộc nội dung phân tích nội tại ngân hàng?**
- Kỹ năng và năng lực của nhân viên
 - Sự phát triển công nghệ ngân hàng
 - Sự thành công trong việc phát triển sản phẩm dịch vụ mới
 - Năng lực tài chính
 - Văn hoá doanh nghiệp
512. **Doanh nghiệp sẽ theo đuổi chiến lược tăng trưởng khi nào?**
- Môi trường kinh doanh có nhiều cơ hội
 - Doanh nghiệp có nhiều ưu thế cạnh tranh so với đối thủ
 - Doanh nghiệp có đủ nguồn lực để nắm bắt cơ hội thị trường
 - Tốc độ tăng trưởng năm trước cao
 - Cả (a), (b) và c đều đúng

513. ***Trong phân tích SWOT, “Có kinh nghiệm hoạt động lâu năm trên thị trường” được xem là yếu tố gì đối với một Ngân hàng?***
- Điểm mạnh
 - Điểm yếu
 - Cơ hội
 - Thách thức
514. ***Trong phân tích SWOT, “Việt Nam hội nhập kinh tế quốc tế” được xem là yếu tố gì đối với một Ngân hàng?***
- Điểm mạnh
 - Điểm yếu
 - Cơ hội
 - Thách thức
 - Cả a và b
 - Cả c và d
515. ***Trong phân tích SWOT, “Công nghệ ngân hàng ngày càng phát triển” được xem là yếu tố gì đối với một Ngân hàng?***
- Điểm mạnh
 - Điểm yếu
 - Cơ hội
 - Thách thức
516. ***Trong phân tích SWOT, “Chế độ chính trị ổn định và được đánh giá là điểm đến an toàn cho các nhà đầu tư” được xem là yếu tố gì đối với một Ngân hàng?***
- Điểm mạnh
 - Điểm yếu
 - Cơ hội
 - Thách thức
517. ***Trong phân tích SWOT, “Quy mô vốn còn nhỏ so với các Ngân hàng trong khu vực” được xem là yếu tố gì đối với một Ngân hàng?***
- Điểm mạnh
 - Điểm yếu
 - Cơ hội
 - Thách thức

III. Kết quả thực hiện Kế hoạch chiến lược giai đoạn 2006 - 2010

518. ***Tôn chỉ hoạt động của BIDV trong kỳ chiến lược 2006-2010 là gì?***
- Xây dựng BIDV thành ngân hàng đa sở hữu, kinh doanh đa lĩnh vực
 - Hoạt động theo thông lệ quốc tế, chất lượng hàng đầu trên thị trường Việt Nam

- c. Hoạt động theo thông lệ quốc tế, chất lượng ngang tầm các ngân hàng tiên tiến trong khu vực Đông Nam Á
 - d. Cả a và c
 - e. Cả a và b
519. ***Tầm nhìn của BIDV trong kỳ chiến lược 2006-2010 là gì?***
- a. Trở thành ngân hàng toàn cầu
 - b. Trở thành ngân hàng đa năng ngang với các ngân hàng trong khu vực Đông Nam Á.
 - c. Tập đoàn tài chính hàng đầu Việt Nam
 - d. Ngân hàng uy tín – chất lượng hàng đầu Việt Nam
520. ***Mục tiêu ưu tiên đầu tiên của BIDV trong chiến lược 2006-2010 là gì?***
- a. Tiếp tục là nhà cung cấp dịch vụ hàng đầu Việt Nam
 - b. Cổ phần hóa BIDV
 - c. Tái cơ cấu ngân hàng
 - d. Áp dụng các thông lệ quốc tế tốt nhất.
521. ***Một trong những kết quả nổi bật của BIDV trong kỳ chiến lược 2006-2010 là gì?***
- a. Dự nợ tín dụng đạt tốc độ tăng trưởng cao hơn mục tiêu
 - b. Chất lượng tín dụng được cải thiện đáng kể so với giai đoạn trước
 - c. Mức xếp hạng tín nhiệm liên tục được cải thiện
 - d. Giữ vững vị trí thứ 2 trên thị trường về quy mô tổng tài sản và lợi nhuận
522. ***Một trong những hạn chế của BIDV trong kỳ chiến lược 2006-2010 là gì?***
- a. Dự nợ tín dụng vẫn chiếm tỷ trọng cao trong cơ cấu tổng tài sản
 - b. Tốc độ tăng trưởng huy động vốn chưa đạt mục tiêu đề ra
 - c. Tăng trưởng lợi nhuận trước thuế chưa đạt mục tiêu đề ra
 - d. Chất lượng tín dụng chưa được cải thiện
523. ***Bài học kinh nghiệm được rút ra cho BIDV sau 5 năm thực hiện KHCL 2006-2010 là gì?***
- a. Cần phải có lộ trình, hành động cụ thể để thực hiện Chiến lược đã đề ra
 - b. Gia tăng khả năng chống đỡ với những biến động từ môi trường kinh doanh
 - c. Gia tăng hiệu lực trong công tác quản trị điều hành.
 - d. Tất cả những câu trên.
524. ***BIDV đạt được mục tiêu cải thiện tỷ lệ nợ xấu theo KHCL đặt ra trong giai đoạn 2006-2010 từ năm nào?***
- a. 2006

- b. 2007
 - c. 2008
 - d. 2009
525. ***BIDV đạt được chỉ tiêu ROA theo thông lệ quốc tế (>1%) từ năm nào?***
- a. 2007
 - b. 2008
 - c. 2009
 - d. 2010
526. ***Đến cuối kỳ chiến lược 2006-2010, ROE của BIDV đạt bao nhiêu?***
- a. 15%
 - b. 17%
 - c. 18%
 - d. 16%
527. ***Đến cuối kỳ chiến lược 2006-2010, ROA của BIDV đạt bao nhiêu?***
- a. 0,7%
 - b. 0,8%
 - c. 0,9%
 - d. >1%
528. ***Thị phần huy động vốn của BIDV 5 năm qua có xu hướng như thế nào?***
- a. Ổn định, giữ vững thị trường;
 - b. Giảm dần
 - c. Tăng dần
 - d. Biến động bất thường.
529. ***Trong kỳ chiến lược 2006-2010, BIDV CHƯA hoàn thành được chỉ tiêu cơ bản nào sau đây?***
- a. Tỷ trọng Dư nợ trung dài hạn trong Tổng dư nợ
 - b. Tăng trưởng Lợi nhuận trước thuế
 - c. Tăng trưởng dư nợ tín dụng
 - d. Tăng trưởng huy động vốn
530. ***Thị phần tín dụng của BIDV đến năm 2010 xếp thứ bao nhiêu trong toàn hệ thống?***
- a. Đứng đầu
 - b. Đứng thứ hai
 - c. Đứng thứ ba

- d. Không thuộc vị trí Top 3.
531. ***Thị phần huy động vốn của BIDV đến năm 2010 xếp thứ bao nhiêu trong toàn hệ thống?***
a. Thứ nhất
b. Thứ hai
c. Thứ ba
d. Thứ tư
532. ***Theo số liệu năm 2010, tổng tài sản của BIDV xếp thứ bao nhiêu trong toàn hệ thống?***
a. Thứ nhất
b. Thứ hai
c. Thứ ba
d. Thứ tư
533. ***Lợi nhuận trước thuế của BIDV đến hết năm 2010 đứng thứ bao nhiêu trong toàn hệ thống?***
a. Đứng đầu
b. Đứng thứ hai
c. Đứng thứ ba
d. Không thuộc vị trí Top 3.
534. ***Đến hết năm 2010, mạng lưới chi nhánh của BIDV đứng thứ bao nhiêu trong toàn hệ thống?***
a. Đứng đầu
b. Đứng thứ hai
c. Đứng thứ ba
d. Không thuộc vị trí Top 3.
535. ***Tốc độ huy động vốn bình quân 05 năm giai đoạn 2006-2010 của BIDV đạt bao nhiêu?***
a. 19%/năm
b. 21%/năm
c. 23%/năm
d. 25%/năm
536. ***Tốc độ tăng trưởng tín dụng bình quân 05 năm giai đoạn 2006-2010 của BIDV đạt bao nhiêu?***
a. 19%/năm
b. 21%/năm
c. 23%/năm
d. 25%/năm

537. **Tỷ trọng thu dịch vụ ròng trên lợi nhuận trước thuế của BIDV năm 2010 đạt bao nhiêu?**
- a. Trên 40%
 - b. Từ 35%-dưới 40%
 - c. Dưới 35%
 - d. Trên 45%
538. **Tốc độ tăng trưởng lợi nhuận trước thuế bình quân 05 năm giai đoạn 2006-2010 của BIDV đạt bao nhiêu?**
- a. 40%/năm
 - b. 35%/năm
 - c. 46%/năm
 - d. 53%/năm
539. **Tỷ lệ chi phí hoạt động trên tổng thu nhập của BIDV năm 2010 là bao nhiêu?**
- a. 40%
 - b. 45%
 - c. 48%
 - d. 50%
540. **Vốn điều lệ của BIDV tính đến cuối năm 2010 là:**
- a. 14.600 tỷ đồng
 - b. 10.499 tỷ đồng
 - c. 13.321 tỷ đồng
 - d. 12.342 tỷ đồng
541. **Moody's đánh giá xếp hạng năng lực tài chính độc lập của BIDV đến hết năm 2010 ở mức nào?**
- a. D
 - b. D-
 - c. E
 - d. E+

IV. Định hướng chiến lược giai đoạn 2011-2015

542. **Quy chế xây dựng và đánh giá chiến lược của BIDV được thực hiện từ năm nào?**
- a. Năm 2008
 - b. Năm 2009
 - c. Năm 2010
 - d. Năm 2011

543. **Mục đích của việc xây dựng và đánh giá chiến lược kinh doanh tại BIDV là gì?**
- a. Đảm bảo để BIDV hoạt động theo một định hướng thống nhất, xuyên suốt với mục tiêu đã được lựa chọn;
 - b. Làm cơ sở để xây dựng 1 khung điều hành thống nhất với các mục tiêu chiến lược cụ thể, rõ ràng.
 - c. Đảm bảo việc xây dựng và đánh giá chiến lược kinh doanh của BIDV theo nguyên tắc và trình tự thống nhất để BIDV có những chính sách ứng xử phù hợp trên cơ sở điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội và thách thức.
 - d. Tất cả các phương án trên
544. **Trách nhiệm của Hội đồng quản trị đối với Chiến lược kinh doanh của BIDV là gì?**
- a. Thẩm định và phê duyệt Chiến lược kinh doanh
 - b. Chỉ đạo, điều hành toàn hệ thống triển khai chiến lược kinh doanh
 - c. Chỉ đạo, đánh giá và giám sát việc thực thi chiến lược kinh doanh của các cấp trong toàn hệ thống và phê duyệt điều chỉnh Chiến lược kinh doanh khi cần thiết
 - d. Đáp án a và c
 - e. Cả 3 phương án a, b và c
545. **Chiến lược kinh doanh của BIDV được phê duyệt bởi cấp lãnh đạo nào?**
- a. Hội đồng quản trị
 - b. Ban Tổng Giám đốc
 - c. Ủy Ban Chiến lược và Tổ chức
 - d. Không có đáp án nào đúng
546. **Yếu tố nào sau đây sẽ là thách thức đối với BIDV trong giai đoạn phát triển sắp tới?**
- a. Tỷ lệ dân số sử dụng các dịch vụ ngân hàng tại Việt Nam còn thấp
 - b. Kể từ năm 2011, mọi rào cản đối với các ngân hàng nước ngoài theo cam kết WTO được dỡ bỏ hoàn toàn
 - c. Hoạt động kinh doanh của BIDV vẫn còn phụ thuộc nhiều vào mạng tín dụng
 - d. Đời sống của người dân ngày càng được nâng cao

547. **Yếu tố nào sau đây cần được xem xét khi rà soát môi trường vĩ mô khi hoạch định chiến lược của BIDV?**
- Mục tiêu tăng trưởng kinh tế của Chính phủ
 - Mức thu nhập trung bình của người dân
 - Thâm hụt thương mại gia tăng
 - Tất cả các phương án trên
548. **Yếu tố nào sau đây cần được xem xét khi rà soát môi trường kinh doanh ngành ngân hàng khi hoạch định chiến lược BIDV?**
- Cấu trúc sở hữu của hệ thống ngân hàng Việt nam
 - Xu hướng mua bán, sáp nhập trong hệ thống ngân hàng
 - Thị trường bất động sản đóng băng
 - Tất cả các phương án trên
549. **Chiến lược phát triển và đề án tái cơ cấu BIDV có liên quan với nhau như thế nào?**
- Đề án tái cơ cấu là chiến lược của BIDV
 - Chiến lược BIDV bao gồm đề án tái cơ cấu
 - Chiến lược BIDV không liên quan đến Đề án tái cơ cấu.
550. ***Thị trường mục tiêu của BIDV hiện nay là thị trường nào?***
- Thị trường bán lẻ
 - Thị trường bán buôn
 - Cả hai thị trường
551. ***Đơn vị nào trong hệ thống BIDV cần tham gia vào công tác quản lý chiến lược?***
- Hội đồng quản trị
 - Ban Tổng Giám đốc
 - Ban Kế hoạch phát triển
 - Toàn bộ hệ thống
552. ***Phương pháp hiện nay đang được sử dụng để xây dựng kế hoạch, chiến lược tại BIDV là gì?***
- Phương pháp từ dưới lên: từ chi nhánh lên HO
 - Phương pháp từ trên xuống: từ Hội sở chính xuống CN
 - Kết hợp cả 2 phương pháp trên: cả 2 chiều.

PHẦN 9: CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ TÀI CHÍNH

553. Đối với trích khấu hao TSCĐ chưa dùng, không cần dùng, chờ thanh lý được hạch toán như thế nào?

- a- Không thực hiện trích và hạch toán chi phí khấu hao
- b- Trích khấu hao như tài sản khác và hạch toán vào tài khoản chi phí khấu hao
- c- Trích khấu hao và hạch toán vào tài khoản chi khác về tài sản
- d- Trích khấu hao và hạch toán vào tài khoản chi phí chờ phân bổ

554. Các quỹ nào của Ngân hàng được trích lập từ Lợi nhuận sau thuế?

- a- Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ, quỹ dự phòng tài chính, quỹ đầu tư phát triển nghiệp vụ, quỹ thưởng Ban điều hành, quỹ khen thưởng phúc lợi
- b- Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ, quỹ dự phòng tài chính, quỹ đầu tư phát triển nghiệp vụ, quỹ dự phòng rủi ro tín dụng, quỹ khen thưởng phúc lợi
- c- Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ, quỹ dự phòng tài chính, quỹ phát triển khoa học và công nghệ, quỹ thưởng Ban điều hành, quỹ khen thưởng phúc lợi
- d- Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ, quỹ dự phòng tài chính, quỹ đầu tư phát triển nghiệp vụ, quỹ dự phòng tổn thất các khoản đầu tư dài hạn, quỹ thưởng Ban điều hành, quỹ khen thưởng phúc lợi.

555. Các loại hình bảo hiểm nào sau đây được phép hạch toán vào chi phí của Ngân hàng?

- a- Bảo hiểm con người, bảo hiểm tài sản, bảo hiểm tiền gửi, bảo hiểm tiền vận chuyển và tiền tại cơ sở kinh doanh.
- b- Bảo hiểm sức khỏe con người, bảo hiểm tài sản, bảo hiểm tiền vận chuyển và tiền tại cơ sở kinh doanh.
- c- Bảo hiểm tài sản, bảo hiểm nhân thọ, bảo hiểm tiền gửi, bảo hiểm tiền vận chuyển và tiền tại cơ sở kinh doanh
- d- Bảo hiểm tai nạn con người, bảo hiểm tài sản, bảo hiểm tiền gửi, bảo hiểm tiền vận chuyển và tiền tại cơ sở kinh doanh.

556. Ngân hàng không được phép hạch toán vào chi phí các khoản chi hỗ trợ công tác xã hội nào sau đây?

- a- Chi hỗ trợ công tác giáo dục

- b- Chi hỗ trợ cải tạo môi trường đô thị thành phố
- c- Chi hỗ trợ khắc phục hậu quả thiên tai
- d- Chi hỗ trợ cho công tác y tế

557. Trường hợp số phải trích dự phòng rủi ro thấp hơn số dư quỹ dự phòng rủi ro thì Ngân hàng thực hiện như thế nào?

- a- Giữ nguyên hiện trạng
- b- Giảm chi phí dự phòng rủi ro tương ứng với phần chênh lệch giữa số dự phòng rủi ro phải trích và số dư quỹ dự phòng rủi ro.
- c- Thu hoàn nhập dự phòng rủi ro tương ứng với phần chênh lệch giữa số dự phòng rủi ro phải trích và số dư quỹ dự phòng rủi ro
- d- Giảm chi phí dự phòng rủi ro nếu là chi phí dự phòng trích trong năm tài chính hoặc thu hoàn nhập dự phòng rủi ro nếu là chi phí dự phòng đã trích trong năm tài chính trước tương ứng với phần chênh lệch giữa số dự phòng rủi ro phải trích và số dư quỹ dự phòng rủi ro.

558. Ngân hàng được phép dự thu đối với các khoản nợ nào?

- a- Dư nợ nhóm 1
- b- Dư nợ nhóm 1 và dư nợ nhóm 2
- c- Dư nợ nhóm 2 có khả năng thu được trong vòng 90 ngày
- d- Phương án a và d

559. Định mức quản lý công vụ được xây dựng trên các nguyên tắc nào?

- a- Quy mô định biên lao động
- b- Hiệu quả hoạt động các năm trước của đơn vị
- c- Kết quả lợi nhuận trước thuế năm thực hiện của đơn vị
- d- Tất cả các phương án trên

560. Lợi nhuận làm căn cứ tính định mức quản lý công vụ, công cụ lao động là lợi nhuận nào?

- a- Lợi nhuận trên cân đối của đơn vị
- b- Lợi nhuận quyết toán tài chính
- c- Lợi nhuận giao kế hoạch đầu năm của đơn vị
- d- Lợi nhuận không bao gồm chi phí tiền lương

561. Năm 2011, mức trích nộp BHXH của Ngân hàng và người lao động là bao nhiêu?

- a- Ngân hàng trích nộp 15%, người lao động trích nộp 5% tính trên tiền lương cơ bản
- b- Ngân hàng trích nộp 15%, người lao động trích nộp 5% tính trên tiền lương thực trả hàng tháng
- c- Ngân hàng trích nộp 16%, người lao động trích nộp 6% tính trên tiền lương cơ bản
- d- Ngân hàng trích nộp 16%, người lao động trích nộp 6% tính trên tiền lương thực trả hàng tháng

562. Tiền lương tháng làm căn cứ tính tiền lương làm thêm giờ được xác định như thế nào?

- a- Tiền lương tháng được tính trên lương cơ bản của cán bộ.
- b- Tiền lương cơ quan chi trả tại thời điểm thanh toán.
- c- Tiền lương cơ quan chi trả tại thời điểm thanh toán nhưng tối đa 01 lần lương cơ bản, 01 lần lương kinh doanh.
- c- Tiền lương cơ quan chi trả tại thời điểm thanh toán nhưng tối đa 01 lần lương cơ bản, 02 lần lương kinh doanh.

563. Trong thời gian nghỉ thai sản, cán bộ nữ được cơ quan chi trả tiền lương như thế nào?

- a- Cơ quan không chi trả tiền lương mà do cơ quan Bảo hiểm xã hội chi trả.
- b- Cơ quan vẫn chi trả tiền lương như bình thường
- c- Cơ quan chỉ thanh toán tiền lương cơ bản
- d- Cơ quan Bảo hiểm xã hội thanh toán lương cơ bản, cơ quan thực hiện trợ cấp tối đa 01 lần lương kinh doanh

564. Cán bộ không được thanh toán tiền ăn ca trong trường hợp nào?

- a- Những ngày đi học.
- b- Ngày làm thêm giờ chưa đủ 8h/ngày
- c- Ngày nghỉ phép
- d- Tất cả các đáp án trên

565. Trường hợp nào sau đây không được thanh toán công tác phí?

- a- Những ngày làm việc riêng trong thời gian đi công tác.
- b- Những ngày học ở trường lớp đào tạo tập trung dài hạn, ngắn hạn được hưởng chế độ đối với cán bộ được cơ quan cử đi học.
- c- Những ngày được giao nhiệm vụ thường trú hoặc biệt phái tại một địa phương hoặc cơ quan khác.

d- Tất cả các đáp án trên

566. Khi đi công tác, cán bộ được thanh toán các khoản chi phí nào dưới đây?

- a- Tiền làm thêm giờ
- b- Tiền cước hành lý, tài liệu mang theo
- c- Tiền ăn hàng ngày tại nơi đến công tác
- d- Phụ cấp công tác phí đối với trường hợp đi và về trong ngày cách trụ sở cơ quan dưới 100km

567. Đối với cán bộ được trang bị điện thoại di động khi chuyển công tác ra ngoài hệ thống thì máy điện thoại sẽ xử lý như thế nào?

- a- Cán bộ nộp lại điện thoại di động.
- b- Nếu cán bộ không nộp lại điện thoại, cơ quan thu hồi của cán bộ số tiền trước đây đã trang bị máy điện thoại.
- c- Cơ quan thu hồi bằng tiền với giá trị tương ứng thời gian sử dụng còn lại của điện thoại.
- d- a hoặc c

568. Đối tượng nào không được phép chi độc hại bằng hiện vật?

- a- Cán bộ kho quỹ
- b- Cán bộ đang đi học
- c- Cán bộ làm việc trên máy tính liên tục 8h/ngày
- d- Cán bộ kiểm kê, lưu trữ, in ấn làm việc trong môi trường độc hại

569. Khoản tiền phạt nào được phép hạch toán vào chi phí hợp lý của Ngân hàng?

- a- Phạt vi phạm chế độ kế toán thống kê
- b- Phạt vi phạm pháp luật về thuế
- c- Phạt vi phạm hợp đồng
- d- Phạt vi phạm luật giao thông

570. Đối tượng cán bộ nào sau đây được thanh toán làm thêm giờ?

- a- Tất cả cán bộ của đơn vị
- b- Cán bộ nhân viên làm việc theo chế độ hợp đồng lao động
- c- Cán bộ nhân viên làm việc theo chế độ hợp đồng lao động (không gồm cán bộ hợp đồng khoán gọn, thử việc, tập nghề) gồm cả cán bộ lái xe
- d- Cán bộ nhân viên làm việc theo chế độ hợp đồng lao động (không gồm cán bộ hợp đồng khoán gọn, thử việc, tập nghề), cán bộ lái xe làm việc vào ngày nghỉ, lễ, Tết

571. Theo quy định, cán bộ kế toán tài chính được làm thêm giờ tối đa là 300h/năm. Trường hợp một cán bộ làm thêm đến 320 giờ/năm thì phần 20 giờ vượt quá đó được xử lý ntnào?

- a- Không thanh toán cho cán bộ mà bố trí nghỉ bù tương ứng
- b- Thanh toán tiền làm thêm giờ như bình thường từ chi lương làm thêm giờ của đơn vị
- c- Thanh toán tiền làm thêm giờ từ quỹ phúc lợi của đơn vị
- d- Căn cứ tổng số giờ làm thêm giờ của chi nhánh từng năm, giám đốc chi nhánh quyết định số giờ làm thêm thanh toán cho cán bộ trong 20 giờ vượt quy định

572. Tại chi nhánh, lương hạch toán chi phí hàng tháng là 1 lần LCB + 02 lần LKD. Trong những ngày nghỉ phép, cán bộ của chi nhánh được hưởng lương theo mức nào?

- a- Chỉ được hưởng Lương cơ bản
- b- Chỉ được hưởng Lương kinh doanh
- c- Được hưởng 01 lần LCB, 02 lần LKD
- d- Được hưởng 01 lần LCB, 01 lần LKD

573. Trường hợp cán bộ trong thời gian nghỉ phép theo chế độ nhưng được huy động đi làm để đáp ứng yêu cầu công việc, cán bộ được hưởng lương theo mức nào và từ nguồn nào?

- a- Theo mức lương ngày làm việc bình thường từ quỹ lương của đơn vị
- b- Theo mức lương làm thêm giờ từ quỹ lương của đơn vị
- c- Theo mức lương làm thêm giờ từ chi lương làm thêm giờ của đơn vị
- d- Không được thanh toán

574. Theo quy định, chi bồi dưỡng độc hại bằng hiện vật ở mức 10.000đ/người/ngày. Đối tượng nào trong Ngân hàng được bồi dưỡng và điều kiện được bồi dưỡng là ntnào?

- a- Người lao động ký hợp đồng lao động trên 01 năm
- b- Người lao động kể cả hợp đồng thử việc trực tiếp làm nghề, công việc độc hại
- c- Người lao động ký hợp đồng lao động (không kể cả hợp đồng thử việc, khoán gọn)
- d- Chỉ cán bộ làm tại bộ phận kho quỹ

575. Chi khám sức khỏe định kỳ đối với cán bộ có mức chi là bao nhiêu?

- a- 1.200.000 đồng/người/năm áp dụng đối với tất cả cán bộ
- b- 1.200.000 đồng/người/năm, riêng cán bộ nữ được chi thêm một lần khám sức khỏe bằng 1/2 định mức trên

- c- 1.200.000 đồng/người/năm, riêng cán bộ nữ được chi thêm một lần khám sức khỏe bằng định mức trên
- d- 1.200.000 đồng/người/năm, riêng cán bộ nữ được chi thêm một lần khám sức khỏe bằng 02 lần định mức trên

576. Theo quy định, mức chi trang phục giao dịch cho cán bộ áp dụng đối với các đối tượng nào, theo hình thức nào?

- a- Áp dụng chung mức chi đối với tất cả cán bộ bao gồm cả khoán gọn, hợp đồng ngắn hạn và chỉ được chi bằng hiện vật
- b- Áp dụng chung mức chi đối với tất cả cán bộ bao gồm cả khoán gọn, hợp đồng ngắn hạn và được chi bằng hiện vật hoặc tiền mặt
- c- Áp dụng chung mức chi đối với cán bộ quản lý, hợp đồng dài hạn và chỉ được chi bằng tiền mặt
- d- Áp dụng chung mức chi đối với cán bộ quản lý, hợp đồng dài hạn, được chi bằng cả tiền mặt và hiện vật

577. Trong các trường hợp sau, trường hợp nào cán bộ được thanh toán công tác phí?

- a- Thời gian công tác thực tế theo quyết định của cấp có thẩm quyền không gồm thời gian đi đường
- b- Thời gian công tác thực tế theo quyết định của cấp có thẩm quyền gồm thời gian đi đường
- c- Những ngày học ở trường lớp đào tạo tập trung dài hạn, ngắn hạn được hưởng chế độ đối với cán bộ được cơ quan cử đi học.
- d- Những ngày được giao nhiệm vụ thường trú hoặc biệt phái tại một địa phương hoặc cơ quan khác.

578. Đối tượng nào tại Chi nhánh được trang bị điện thoại cố định và hỗ trợ cước điện thoại cố định hàng tháng?

- a- Ban giám đốc chi nhánh
- b- Ban giám đốc chi nhánh, các trưởng phòng nghiệp vụ
- c- Ban giám đốc chi nhánh, giám đốc phòng giao dịch
- d- Ban giám đốc chi nhánh, giám đốc phòng giao dịch có quy mô tổng tài sản năm trước liền kề trên 300 triệu đồng

579. Những tổ chức nào tham gia bảo hiểm tiền gửi?

- a- Các tổ chức tín dụng,
- b- Các tổ chức phi tín dụng.

c- Các tổ chức tín dụng và tổ chức không phải là tổ chức tín dụng được phép thực hiện một số hoạt động ngân hàng theo quy định của Luật Các tổ chức tín dụng có nhận tiền gửi của tổ chức, cá nhân phải tham gia bảo hiểm tiền gửi bắt buộc.

580. Tiền gửi được bảo hiểm là:

- a- Tất cả các loại tiền gửi
- b- Tiền gửi bằng ngoại tệ
- c- Tiền gửi bằng đồng Việt nam

581. Đối tượng được bảo hiểm là:

- a- Tiền gửi được bảo hiểm là tiền gửi bằng đồng Việt Nam của người gửi tiền là cá nhân.
- b- Tiền gửi được bảo hiểm là tiền gửi bằng đồng Việt Nam của người gửi tiền là cá nhân, hộ gia đình, tổ hợp tác, doanh nghiệp tư nhân và công ty hợp danh gửi tại tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi.
- c- Tiền gửi được bảo hiểm là tiền gửi bằng đồng Việt Nam của người gửi tiền.

582. Những đối tượng nào sau đây không được bảo hiểm tiền gửi?

- a- Tiền gửi của người gửi tiền là cổ đông sở hữu trên 10% vốn điều lệ hoặc nắm giữ trên 10% vốn cổ phần có quyền bỏ phiếu của tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi đó.
- b- Tiền gửi của người gửi tiền là thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó Giám đốc) của tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi đó;
- c- Tiền gửi dùng để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ của người gửi tiền;
- d- Tiền mua các giấy tờ có giá, trừ một số giấy tờ có giá theo hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.
- e- Tất cả các đối tượng trên

583. Số tiền bảo hiểm được trả cho tất cả các khoản tiền gửi bao gồm cả gốc và lãi của một người gửi tiền là:

- a- 20 triệu đồng
- b- 30 triệu đồng.
- c- 50 triệu đồng

584. Mức phí bảo hiểm phải nộp theo quy định là bao nhiêu?

- a- 0,15%/tháng
- b- 0,15%/quý
- c- 0,15%/năm

585. Số phí bảo hiểm tiền gửi phải nộp được tính căn cứ vào yếu tố gì?
a- Số dư tiền gửi của các loại tiền gửi được bảo hiểm vào thời điểm đầu mỗi tháng
b- Số dư tiền gửi của các loại tiền gửi được bảo hiểm vào thời điểm cuối mỗi tháng
c- Số dư tiền gửi bình quân của các loại tiền gửi được bảo hiểm tại tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi theo quy định.

586. Việc tham gia bảo hiểm tiền gửi là:

- a- Bắt buộc
- b- Không bắt buộc

587. Ngân hàng không được phép hạch toán vào chi phí các khoản chi hỗ trợ công tác xã hội nào sau đây?

- a- Chi hỗ trợ công tác giáo dục
- b- Chi hỗ trợ xây cầu tạm tại các địa bàn khó khăn
- c- Chi hỗ trợ khắc phục hậu quả thiên tai
- d- Chi hỗ trợ cho công tác y tế

588. Những khoản hỗ trợ công tác xã hội nào sau đây cần phải được Hội sở chính phê duyệt:

- a- Vượt thẩm quyền phê duyệt của Giám đốc đơn vị
- b- Có nguồn vốn từ Quỹ phúc lợi.
- c- a hoặc b
- d- a và b

589. Các khoản chi công tác xã hội không được phép hạch toán vào chi phí có thể được cân đối từ các nguồn vốn nào sau đây?

- a- Quỹ phúc lợi toàn ngành
- b- Quỹ phúc lợi của đơn vị
- c- Đóng góp của cán bộ nhân viên
- d- Tất cả các đáp án trên

590. Nguồn vốn chi trợ cấp cho cán bộ thôi việc được lấy từ các nguồn nào sau đây từ thời điểm 1/1/2009 đến nay?

- a- Quỹ phúc lợi toàn ngành
- b- Đóng góp của cán bộ nhân viên
- c- Quỹ trợ cấp mất việc làm
- d- Từ nguồn vốn của bảo hiểm xã hội

591. Lương tối thiểu để tính trợ cấp cho cán bộ thôi việc là mức lương nào?

- a- Lương bình quân 6 tháng trước khi cán bộ thôi việc
- b- Lương bình quân 3 tháng trước khi cán bộ thôi việc
- c- Lương bình quân năm liền kề trước khi cán bộ thôi việc
- d- Không đáp án nào nêu trên

592. Cán bộ được điều chuyển công tác đến BIDV thì khi nghỉ việc khoản trợ cấp đối với thời gian làm việc tại đơn vị cũ sẽ được:

- a- Cân đối toàn bộ từ nguồn vốn của đơn vị cuối cùng cán bộ công tác (BIDV)
- b- Khoản chi đối với khoảng thời gian cán bộ làm việc tại đơn vị nào thì do đơn vị đó chi trả.
- c- Đơn vị cuối cùng chi trả toàn bộ nếu cán bộ chuyển sau 1/1/1995, sau đó đơn vị cuối cùng tập hợp hồ sơ yêu cầu các đơn vị cũ chi trả khoản trợ cấp của cán bộ tương ứng thời gian cán bộ công tác tại các đơn vị.
- d- Cán bộ không được chi trả

593. Thâm niên công tác, thành tích thi đua có được tính khi tính trợ cấp cho cán bộ thôi việc không?

- a- Thâm niên công tác
- b- Thành tích thi đua
- c- Cả a và b
- d- Không đáp án nào

594. Trợ cấp nghỉ hưu cho cán bộ được tính dựa trên các tiêu chí nào?

- a- Cấp bậc, chức vụ
- b- Thâm niên công tác
- c- Thành tích thi đua
- d- Cả ba nội dung trên

595. Cán bộ nghỉ hưu trước tuổi được tính trợ cấp nghỉ hưu trong trường hợp?

- a- Đủ thời gian đóng BHXH
- b- Đủ thâm niên công tác
- c- Cả a và b
- d- Không đáp án nào

596. Hiện tại BIDV đang thực hiện trợ cấp cho các cán bộ trong các trường hợp?

- a- Nghỉ hưu/ Nghỉ hưu trước tuổi
- b- Tử tuất
- c- Thôi việc
- d- Cả ba đáp án trên

597. Nguồn vốn chi trả trợ cấp cho cán bộ nghỉ hưu được lấy từ?

- a- Quỹ phúc lợi tại đơn vị
- b- Quỹ phúc lợi toàn ngành
- c- Đóng góp của cán bộ
- d- Chi phí

598. Hồ sơ quyết toán chi trả trợ cấp cho cán bộ nghỉ hưu không bao gồm những nội dung gì?

- a- Bản kê các khoản trợ cấp
- b- Hợp đồng lao động
- c- Quyết định nghỉ hưu
- d- Bản sao lục Quyết định khen thưởng của cá nhân (khen thưởng ngoài ngành Ngân hàng).

599. Đối với các khoản đầu tư vào các công ty liên kết, trong báo cáo tài chính hợp nhất, các khoản đầu tư này được hạch toán theo phương pháp nào trong các phương pháp dưới đây:

- a- Hợp nhất toàn phần
- b- Hợp nhất từng phần
- c- Phương pháp vốn chủ sở hữu
- d- Cả 4 phương pháp trên

600. Đối với các giao dịch thu chi trong năm, tỷ giá được sử dụng là tỷ giá nào trong các tỷ giá dưới đây:

- a- Tỷ giá tại ngày giao dịch
- b- Tỷ giá liên ngân hàng tại ngày lập báo cáo tài chính
- c- Tỷ giá bán chuyển khoản do Ngân hàng lập báo cáo niêm yết
- d- Cả 4 loại tỷ giá trên

601. Dự phòng rủi ro tín dụng cụ thể được tính và hạch toán cho các khoản nợ nào sau đây:

- a- Từ nhóm 2 đến nhóm 5
- b- Từ nhóm 1 đến nhóm 5
- c- Từ nhóm 2 đến nhóm 4
- d- Từ nhóm 1 đến nhóm 4

602. Doanh thu, chi phí lãi của Ngân hàng được hạch toán trên cơ sở:

- a- Thực thu, thực chi
- b- Dự thu, dự chi
- c- Cả hai cơ sở trên

603. Tổ chức tín dụng không được hạch toán vào chi phí hoạt động kinh doanh những khoản chi nào?

- a- Các khoản tiền phạt về vi phạm pháp luật do cá nhân gây ra không mang danh tổ chức tín dụng.

- b- Các khoản chi không liên quan đến hoạt động kinh doanh của tổ chức tín dụng, các khoản chi không có chứng từ hợp lệ.
- c- Các khoản chi do các nguồn kinh phí khác đài thọ.
- d- Các khoản chi không hợp lý khác.
- e- Tất cả các trường hợp trên

604. Câu nào sau đây đúng?

- a- Doanh thu của Ngân hàng được xác định theo nguyên tắc phải thu.
- b- Các khoản thu của Ngân hàng phát sinh trong kỳ phải có hoá đơn hoặc chứng từ hợp lệ và phải được hạch toán đầy đủ vào doanh thu.
- c- Chi phí của Ngân hàng là các khoản phải chi phát sinh trong kỳ
- d- Tất cả các đáp án trên

605. Khi bị tổn thất về tài sản, tổ chức tín dụng có thể sử dụng những nguồn bù đắp nào?

- a- Bồi thường từ người gây ra tổn thất
- b- Xử lý theo hợp đồng bảo hiểm.
- c- Quỹ DPRR đã trích lập
- d- Quỹ dự phòng tài chính của Ngân hàng
- e- Tất cả các nguồn nêu trên

606. Để bảo đảm an toàn vốn, tổ chức tín dụng phải thực hiện các biện pháp gì?

- a- Quản lý, sử dụng vốn, tài sản theo quy định của pháp luật.
- b- Duy trì các tỷ lệ bảo đảm an toàn theo quy định của pháp luật.
- c- Mua bảo hiểm tài sản theo quy định của pháp luật.
- d- Tham gia tổ chức Bảo hiểm tiền gửi hoặc Bảo toàn tiền gửi để bảo vệ quyền lợi hợp pháp của người gửi tiền, góp phần duy trì sự ổn định của các tổ chức tín dụng.
- e- a, b và d
- f- a,b,c và d.

607. Ngân hàng được trích vào chi phí hoạt động kinh doanh các khoản dự phòng nào sau đây?

- a- Dự phòng rủi ro tín dụng;
- b- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho;
- c- Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư dài hạn;
- d- Cả 3 đáp án trên
- e- a và c.

Đáp án: e

608. Thuế suất thuế TNDN năm 2011 là bao nhiêu?

- a- 20%
- b- 25%
- c- 28%
- d- 30%

609. Mục đích sử dụng quỹ khen thưởng của Ngân hàng là gì?

- a- Thưởng cuối năm hoặc thưởng thường kỳ cho cán bộ, nhân viên trong Ngân hàng.
- b- Thưởng đột xuất cho những cá nhân, tập thể trong Ngân hàng có sáng kiến cải tiến kỹ thuật, quy trình nghiệp vụ mang lại hiệu quả trong kinh doanh.
- c- Thưởng cho cá nhân và đơn vị ngoài Ngân hàng có quan hệ thương mại, dân sự đã có đóng góp có hiệu quả vào hoạt động kinh doanh của Ngân hàng.
- d- a và b
- e- a, b và c.

610. Tài khoản chênh lệch tỷ giá?

- a- Luôn có dư Nợ
- b- Luôn có dư Có
- c- Có thể dư Nợ hoặc Có

611. Khoản chi nào sau đây không được tính vào chi phí hợp lệ của Ngân hàng?

- a- Chi mua sắm công cụ lao động
- b- Chi tiền phạt vi phạm do nộp thuế chậm
- c- Chi dự phòng rủi ro

612. Nguyên giá TSCĐ loại mua sắm (kể cả mua mới và cũ) bao gồm:

- a- Giá mua thực tế phải trả
- b- Các khoản thuế (không bao gồm các khoản thuế được hoàn lại)
- c- Các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng như: chi phí vận chuyển, bốc dỡ; các chi phí nâng cấp; chi phí lắp đặt, chạy thử,...
- d- Bao gồm a và b
- e- Bao gồm cả a, b và c

613. Báo cáo tài chính của Ngân hàng không bao gồm?

- a- Bảng cân đối kế toán

- b- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh
- c- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ
- d- Bảng cân đối tài khoản

614. Tài khoản Quỹ dự phòng rủi ro nợ khó đòi?

a- Luôn có dư Nợ

b- Luôn có dư Có

c- Có thể dư Nợ hoặc Có

615. Các Quỹ Dự trữ bổ sung vốn điều lệ, Dự phòng tài chính, Đầu tư phát triển, Phúc lợi và khen thưởng của Ngân hàng được trích lập từ:

a- Chi phí

b- Lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp

c- Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp

616. TSCĐ Ngân hàng không thực hiện trích khấu hao, không bao gồm những loại nào?

a- TSCĐ thuê hoạt động.

b- TSCĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn sử dụng vào hoạt động kinh doanh.

c- TSCĐ thuê tài chính

d- a và c

617. Thẩm quyền phê duyệt chủ trương chuyển nhượng bất động sản trong hệ thống Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam:

a- Hội đồng quản trị

b- Chủ tịch Hội đồng quản trị

c- Tổng giám đốc

d- Phó Tổng giám đốc phụ trách tài chính

618. Đối tượng được Tổng giám đốc ủy quyền phê duyệt quyết toán mua sắm hoàn thành tài sản là bất động sản (nhà, đất)

a- Phó Tổng giám đốc phụ trách tài chính

b- Phó Tổng giám đốc phụ trách Văn phòng HO

c- Giám đốc các Ban/Trung tâm tại Hội sở chính

d- Giám đốc chi nhánh

619. Thẩm quyền của Giám đốc Ban Tài chính trong việc đưa thông tin giá của tài sản cố định lên Intranet (Trung tâm mua sắm TSCĐ trên Intranet BIDV):

a- Được toàn quyền phê duyệt mà không cần trình Phó Tổng giám đốc phụ trách.

- b- Được thông báo lên Intranet sau khi được Phó Tổng giám đốc phụ trách chấp thuận
- c- Được toàn quyền đưa thông tin giá của tài sản là thiết bị tin học
- d- Được toàn quyền đưa thông tin giá của tài sản là thiết bị mạng

620. Mức phê duyệt của Giám đốc chi nhánh đối với các khoản chi tổ chức hội nghị hội thảo phát sinh tại chi nhánh (bao gồm cả hội nghị hội thảo phục vụ toàn ngành):

- a- Không được ủy quyền
- b- Đến 100 triệu đồng/lần
- c- Đến 300 triệu đồng/lần
- d- Đến 500 triệu đồng/lần

621. Mức phê duyệt của Giám đốc chi nhánh đối với các khoản chi nghiên cứu khoa học phát sinh tại chi nhánh là bao nhiêu?

- a- Không được ủy quyền
- b- Đến 50 triệu đồng/đề tài
- c- Đến 100 triệu đồng/đề tài
- d- Đến 150 triệu đồng/đề tài

622. Chi nhánh nào đã chi phụ cấp vận chuyển, áp tải tiền không đúng quy định của BIDV trong các trường hợp sau?

- a- Vận chuyển giữa hai địa điểm cách nhau 20km: 25.000 đồng/người/ngày.
- b- Vận chuyển giữa hai địa điểm cách nhau 50km: 50.000 đồng/người/ngày.
- c- Vận chuyển giữa hai địa điểm cách nhau 150 km: 55.000 đồng/người/ngày.
- d- Vận chuyển giữa hai địa điểm cách nhau 250 km: 90.000 đồng/người/ngày.
- e- Cả a và c

623. Đối tượng nào được chi làm thêm giờ ngày làm việc bình thường trong các trường hợp sau?

- a- Cán bộ hợp đồng khoán gọn.
- b- Cán bộ hợp đồng lao động 1 năm.
- c- Cán bộ lái xe.
- d- Cán bộ thử việc.

624. Giám đốc chi nhánh được tự quyết định chi phí thuê trụ sở trong trường hợp nào sau đây:

- a- Chi phí thuê trụ sở dưới 100 triệu/tháng/hợp đồng thuê đối với địa bàn Hà Nội, Hồ Chí Minh.

- b- Chi phí thuê trụ sở có giá thuê dưới 100 triệu/tháng/hợp đồng thuê đối với địa bàn Hà Nội, Hồ Chí Minh, tổng giá trị hợp đồng thuê dưới 3tỷđ.
- c- Chi phí thuê trụ sở có thời gian hợp đồng thuê dưới 20 năm.
- d.- Chi phí thuê trụ sở dưới 100 triệu/tháng/hợp đồng thuê đối với địa bàn Hà Nội, Hồ Chí Minh, thời gian hợp đồng thuê dưới 20 năm, tổng giá trị hợp đồng thuê dưới 3tỷđ.

625. Giá trị kê khai mua bảo hiểm tài sản là:

- a- Nguyên giá TSCĐ
- b- Giá trị còn lại của TSCĐ trên sổ sách đến thời điểm kê khai (loại trừ các tài sản có giá trị còn lại < 5 triệu đồng và dự kiến hết khấu hao trong năm)
- c- Giá trị còn lại của TSCĐ trên sổ sách đến thời điểm kê khai (loại trừ các tài sản có giá trị còn lại < 20 triệu đồng và dự kiến hết khấu hao trong năm)
- d- Không có phương án nào nêu trên

626. Đối tượng nào được Ngân hàng mua bảo hiểm BIC Care?

- a- Tất cả cán bộ nhân viên
- b- Ban Lãnh đạo cấp cao
- c- Cán bộ nhân viên có hợp đồng lao động chính thức thời hạn 1 năm trở lên và có thời gian làm việc từ 01 năm trở lên tính từ ngày ký hợp đồng chính thức đến ngày mua bảo hiểm
- d- Cán bộ nhân viên có thời gian làm việc từ 01 năm trở lên

627. Chi phí mua bảo hiểm BIC Care được lấy từ nguồn nào?

- a- Chi phí khác cho nhân viên
- b- Quỹ phúc lợi toàn ngành
- c- Quỹ phúc lợi toàn ngành (phần bảo hiểm tai nạn), Chi phí khác cho nhân viên (phần bảo hiểm sức khỏe).
- d- Quỹ phúc lợi toàn ngành (phần bảo hiểm sức khỏe), Chi phí khác cho nhân viên (phần bảo hiểm tai nạn).

628. Các khoản chi nào sau đây không được tính vào chi phí hợp lý của Ngân hàng?

- a- Chi mua bảo hiểm tai nạn cho người lao động
- b- Chi mua bảo hiểm nhân thọ cho người lao động
- c- Chi mua bảo hiểm tài sản
- d- a và b

629. Tài sản nào sau đây không thuộc đối tượng mua bảo hiểm tài sản?

- a-TSCĐ thuê hoạt động

- b-Tài liệu, bản thảo, sổ sách kinh doanh
- c-TSCĐ thuê tài chính
- d- Cả 3 phương án trên

630. Trong trường hợp BIDV xuất hoá đơn bằng đồng Đô la Mỹ (USD), trường thông tin “Tỷ giá” trên hoá đơn phải thể hiện:

- a- Tỷ giá bán chuyển khoản tại BIDV
- b- Tỷ giá mua chuyển khoản tại BIDV
- c- Tỷ giá bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước công bố
- d- Bỏ trống

631. Nếu làm mất liên 2 hoá đơn GTGT thì bên mua phải làm gì để được hạch toán khoản này vào phần chi phí hợp lệ?

- a- Nếu đã mất liên 2 thì bên mua không được hạch toán phần này vào chi phí hợp lệ
- b- Sử dụng bản phôtô liên 1 của hoá đơn này để hạch toán
- c- Sử dụng bản phôtô, công chứng của liên 1 hoá đơn này để hạch toán
- d- Bên bán và bên mua lập biên bản ghi nhận sự việc, trong biên bản ghi rõ liên 1 của hóa đơn người bán hàng khai, nộp thuế trong tháng nào, ký và ghi rõ họ tên của người đại diện theo pháp luật, đóng dấu trên biên bản. Người bán sao chụp liên 1 của hóa đơn, ký xác nhận của người đại diện theo pháp luật và đóng dấu trên bản sao hóa đơn để giao cho người mua. Khi đó, người mua được sử dụng liên 1 này để hạch toán, kê khai thuế.

632. Có nhất thiết phải có chữ ký của khách hàng trên hoá đơn thu phí dịch vụ ngân hàng do BIDV phát hành hay không?

- a- Nhất thiết phải có, vì đây là tiêu thức bắt buộc
- b- Không có chữ ký của khách hàng cũng được, nhưng ở phần tiêu thức “Khách hàng” trên hoá đơn phải ghi rõ: “Thanh toán chuyển khoản”
- c- Không nhất thiết phải có chữ ký khách hàng vì đây là hoá đơn thu phí dịch vụ ngân hàng

633. Xuất hoá đơn GTGT đối với các loại phí ngân hàng không thuộc đối tượng chịu thuế GTGT như thế nào?

- a- Xuất hoá đơn GTGT, dòng thuế suất, tiền thuế GTGT không ghi và gạch bỏ
- b- Xuất hoá đơn GTGT, dòng “thuế suất” ghi “0%”, dòng “tiền thuế GTGT” ghi “0”
- c- Không cần xuất hoá đơn

d- Xuất hoá đơn bán hàng chứ không được xuất hoá đơn GTGT.

634. Tổng số tiền phí chuyển tiền khách hàng cá nhân A phải trả cho BIDV là 110.000 đồng (đã bao gồm VAT). Việc xuất hóa đơn trong trường hợp này thực hiện như thế nào?

a- BIDV không xuất hóa đơn GTGT vì đây là giao dịch thu phí có tổng tiền thanh toán dưới 200.000 đồng.

b- BIDV không xuất hóa đơn GTGT mà chỉ giao chứng từ giao dịch cho khách hàng A vì đây là khách hàng cá nhân.

c- BIDV bắt buộc phải xuất hóa đơn cho khách hàng A

d- BIDV xuất hóa đơn GTGT nếu khách hàng A có yêu cầu.

635. Chỉ tiêu bắt buộc trên các hóa đơn do tổ chức, doanh nghiệp phát hành bao gồm:

a- Tên, địa chỉ, mã số thuế người số thuế người bán

b- Tên, địa chỉ, mã số thuế người số thuế người bán; Tên, địa chỉ, mã số thuế người mua; Hình thức thanh toán

c- Tên, địa chỉ, mã số thuế người số thuế người bán; Tên, địa chỉ, mã số thuế người mua; Ngày, tháng, năm lập hóa đơn

d- Tên, địa chỉ, mã số thuế người số thuế người bán; tên, địa chỉ, mã số thuế người mua; ngày, tháng, năm lập hóa đơn; Tỷ giá

636. Thời hạn tối đa để được kê khai khấu trừ thuế GTGT đối với hóa đơn giá trị gia tăng đầu vào là bao lâu?

a- 1 tháng

b- 3 tháng

c- 6 tháng

d- 12 tháng

637. Cơ sở kinh doanh nộp thuế theo phương pháp khấu trừ thuế được hoàn thuế GTGT nếu có số thuế GTGT đầu vào chưa được khấu trừ hết trong bao lâu ?

a- 3 tháng

b- 6 tháng

c- 9 tháng

d- 12 tháng

- 638. Trong các dịch vụ tài chính sau đây, dịch vụ nào thuộc đối tượng chịu thuế GTGT ?**
- a- Cho vay
 - b- Bảo lãnh
 - c- Thanh toán
 - d- Cho thuê tài chính
- 639. Thời hạn cuối cùng để doanh nghiệp có niên độ tài chính theo năm dương lịch nộp tờ khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2010 cho Cơ quan thuế là ?**
- a- 20/1/2011
 - b- 31/1/2011
 - c- 31/3/2011
 - d- 30/6/2011
- 640. Hàng hóa dịch vụ mua vào từng lần theo hóa đơn có giá trị từ bao nhiêu theo giá đã có thuế GTGT nếu không có chứng từ thanh toán qua ngân hàng thì không được khấu trừ ?**
- a- 10 triệu
 - b- 20 triệu
 - c- 50 triệu
 - d- 100 triệu
- 641. Thuế GTGT đầu vào của tài sản cố định là nhà làm trụ sở văn phòng và các thiết bị chuyên dùng phục vụ hoạt động tín dụng của các tổ chức tín dụng phải được hạch toán vào:**
- a- Chi phí thuế GTGT không được khấu trừ
 - b- Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ
 - c- Nguyên giá tài sản cố định
- 642. Trong các khoản chi sau, khoản chi nào không được trừ khi xác định thuế thu nhập doanh nghiệp ?**
- a- Tiền lương làm thêm giờ
 - b- Khấu hao tài sản cố định
 - c- Tiền thuế nộp hộ cho nhà thầu nước ngoài
 - d- Tiền phạt do chậm nộp thuế
- 643. Trong các khoản thuế sau, khoản thuế nào không được hạch toán vào chi phí hợp lệ của doanh nghiệp ?**
- a- Thuế GTGT không khấu trừ

- b- Thuế nhập khẩu
- c- Thuế thu nhập cá nhân của cán bộ, nhân viên
- d- Thuế môn bài

644. Thu nhập chịu thuế TNCN từ trúng thưởng mà cá nhân nhận được theo từng lần trúng thưởng được xác định như thế nào ?

- a- Là toàn bộ giá trị giải thưởng
- b- Là phần giá trị giải thưởng vượt trên 10 triệu đồng
- c- Là phần giá trị giải thưởng vượt trên 5 triệu đồng
- d- Thu nhập từ trúng thưởng không thuộc đối tượng chịu thuế TNCN

645. Khoản thu nhập từ lãi nào sau đây không thuộc đối tượng chịu thuế TNCN ?

- a-Thu nhập từ lãi trái phiếu do Chính phủ Việt Nam phát hành
- b-Thu nhập từ lãi trái phiếu, tín phiếu và các giấy tờ có giá khác do BIDV phát hành
- c-Thu nhập từ lãi tiền gửi tiết kiệm tại TCTD
- d-Cả ba đáp án trên
- e-Cả a và c

646. Người nộp thuế TNCN gặp thiên tai, hoả hoạn, tai nạn, bệnh hiểm nghèo thì theo quy định?

- a. Được miễn toàn bộ thuế TNCN phải nộp
- b. Được miễn thuế TNCN tương ứng với mức độ thiệt hại
- c. Được xét giảm thuế TNCN tương ứng với mức độ thiệt hại nhưng không vượt quá số thuế phải nộp.
- d. Không câu trả lời nào trên là đúng.

647. Theo quy định của Luật thuế TNCN, người phụ thuộc của người nộp thuế không bao gồm:

- a. Con chưa thành niên; con bị tàn tật, không có khả năng lao động.
- b. Con thành niên đang theo học đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp hoặc học nghề có thu nhập 1.000.000đ/tháng.
- c. Bố mẹ trong độ tuổi lao động, có khả năng lao động nhưng không có thu nhập.
- d. Câu a và b
- e. Câu b và c

648. Doanh nghiệp có lỗ được chuyển lỗ sang các năm sau và trừ vào thu nhập tính thuế TNDN số lỗ đó không quá bao nhiêu năm kể từ năm tiếp theo năm phát sinh lỗ?

- a) 3 năm
- b) 4 năm
- c) 5 năm
- d) 6 năm

649. Những trường hợp nào thì con của đối tượng nộp thuế được xác định là người phụ thuộc được tính giảm trừ gia cảnh ?

- a. Con dưới 18 tuổi;
- b. Con trên 18 tuổi nhưng bị tàn tật, không có khả năng lao động;
- c. Con đang theo học tại các trường đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp, dạy nghề, không có thu nhập hoặc có thu nhập nhưng không vượt quá mức quy định (mức thu nhập bình quân tháng trong năm từ tất cả các nguồn thu nhập không vượt quá 500.000 đồng).
- d. Tất cả các trường hợp trên;

650. Quy định về giảm trừ gia cảnh được thực hiện :

- a. Với người nộp thuế là 4 triệu đồng/tháng, 48 triệu đồng/năm.
- b. Với người phụ thuộc là 1,6 triệu đồng/tháng, 19,2 triệu đồng /năm.
- c. Mỗi người phụ thuộc chỉ được tính giảm trừ 1 lần vào một người nộp thuế.
- d. Câu a và c
- e. Cả a, b và c

PHẦN 10: LUẬT NHNN 2010 VÀ LUẬT CÁC TCTD 2010

I. Luật Ngân hàng nhà nước

651. Luật Ngân hàng Nhà nước năm 2010 có hiệu lực từ thời điểm nào?

- a. 01/01/2011
- b. 01/7/2011
- c. 01/7/2010
- d. 01/10/2010

652. Theo Luật NHNN 2010, Ngân hàng Nhà nước là cơ quan gì?

- A. Bộ

- B. Cơ quan ngang Bộ
- C. Cơ quan trực thuộc Chính phủ
- D. Cơ quan trực thuộc Thủ tướng Chính phủ

653. Chức năng của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam được quy định như thế nào?

- A. Cơ quan quản lý nhà nước về tiền tệ, hoạt động ngân hàng
- B. Cơ quan quản lý nhà nước về tiền tệ, hoạt động ngân hàng và ngoại hối
- C. Ngân hàng Trung ương của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam
- D. B và C

654. Thống đốc Ngân hàng nhà nước được quy định như thế nào

- A. Thành viên Chính phủ
- B. Thành viên Hội đồng Tư vấn chính sách tiền tệ quốc gia
- C. Thành viên thường trực Chính phủ
- D. Đại biểu quốc hội

655. Theo Luật Ngân hàng nhà nước năm 2010, Ngân hàng Nhà nước công bố những loại lãi suất nào?

- A. Lãi suất tái cấp vốn
- B. Lãi suất cơ bản
- C. Lãi suất khác
- D. Cả ba loại trên

656. Cơ quan thanh tra giám sát ngân hàng được quy định như thế nào?

- A. Một bộ phận thuộc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam
- B. Một bộ phận độc lập không thuộc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam
- C. Một bộ phận thuộc Sở giao dịch/Chi nhánh Ngân hàng Nhà nước
- D. Một cơ quan thuộc Chính phủ

657. Thẩm quyền giải quyết phá sản Tổ chức tín dụng thuộc về cơ quan nào?

- A. Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam
- B. Thủ tướng Chính phủ
- C. Thủ trưởng cơ quan thanh tra giám sát ngân hàng
- D. Tòa án nhân dân có thẩm quyền

658. Thẩm quyền quyết định Chính sách tiền tệ quốc gia thuộc cơ quan nào?

- A. Quốc hội
- B. Chủ tịch nước
- C. Chính phủ
- D. Thống đốc Ngân hàng nhà nước

659. Chủ thể thực hiện chức năng đại diện chủ sở hữu phần vốn nhà nước tại các Tổ chức tín dụng nhà nước là cơ quan nào?

- A. Chính phủ
- B. SCIC (Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước)
- C. Bộ Tài chính
- D. Ngân hàng nhà nước Việt Nam

660. Chi nhánh Ngân hàng nhà nước được thành lập tại đâu?

- A. Tất cả các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.
- B. Chỉ được thành lập tại các thành phố lớn.
- C. Được thành lập tại một số tỉnh, thành phố theo cơ cấu vùng, miền
- D. Do Thống đốc Ngân hàng nhà nước quyết định tùy theo tình hình thực tế.

661. Thảm quyền phát hành tiền tại Việt Nam, đơn vị tiền tệ quốc gia thuộc cơ quan nào?

- A. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, VND
- B. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, VNĐ
- C. Chính phủ, VND
- D. Chính phủ, VNĐ

662. Cơ quan nào được phát hành tiền lưu niệm?

- A. Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam
- B. Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam
- C. Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam
- D. Không đáp án nào đúng.

663. Các công cụ thực hiện chính sách tiền tệ quốc gia bao gồm những công cụ nào?

- A. Tái cấp vốn, Lãi suất
- B. Tỷ giá hối đoái, Nghiệp vụ thị trường mở
- C. Dự trữ bắt buộc
- D. Cả ba đáp án trên.

664. Tái cấp vốn triển khai trên thực tế gồm các hình thức:

- A. Cho vay lại theo hồ sơ tín dụng
- B. Cho vay có bảo đảm bằng cầm cố giấy tờ có giá
- C. Chiết khấu giấy tờ có giá
- D. B và C

665. Đối tượng nào được Ngân hàng nhà nước tái cấp vốn?

- A. Cá nhân, hộ gia đình
- B. Doanh nghiệp
- C. A&C
- D. Tổ chức tín dụng

666. Các hình thức Ngân hàng nhà nước cho vay Tổ chức tín dụng?

- A. Cho vay ngắn hạn theo hình thức tái cấp vốn
- B. Cho vay đặc biệt
- C. Cho vay không có bảo đảm
- D. A và B

667. Cho vay đặc biệt Tổ chức tín dụng áp dụng trong trường hợp nào?

- A. Mất khả năng chi trả
- B. Mất khả năng chi trả, đe dọa ảnh hưởng hệ thống
- C. Mất khả năng chi trả do sự cố nghiêm trọng khác
- D. B và C

668. Ngân hàng nhà nước được phép bảo lãnh cho đơn vị nào sau đây?

- A. Doanh nghiệp
- B. Tổ chức tín dụng
- C. Tổ chức tín dụng trong trường hợp vay vốn nước ngoài
- D. Tổ chức tín dụng vay vốn nước ngoài theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

669. Điều kiện Ngân hàng nhà nước tạm ứng Ngân sách nhà nước:

- A. Xử lý thiếu hụt tạm thời theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ
- B. Xử lý thiếu hụt tạm thời theo thỏa thuận giữa Thống đốc NHNN và Bộ Trưởng Bộ tài chính
- C. Xử lý thiếu hụt tạm thời Ngân sách nhà nước theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ và hoàn trả ngay trong năm ngân sách trừ trường hợp do UBTVQH quyết định.
- D. Bất cứ khi nào Ngân sách nhà nước có đề nghị.

670. Thẩm quyền quyết định sử dụng Dự trữ ngoại hối nhà nước thuộc về cá nhân/tổ chức nào?

- A. Thủ tướng Chính phủ
- B. Thống đốc Ngân hàng Nhà nước
- C. Thủ tướng Chính phủ trong trường hợp phát sinh nhu cầu đột xuất, cấp bách của Nhà nước
- D. Quốc hội

671. Nguyên tắc cung cấp thông tin cho Ngân hàng nhà nước là gì?

- A. Chính xác
- B. Trung thực
- C. Đầy đủ, kịp thời.
- D. Cả 3 đáp án trên.

672. Vốn pháp định của Ngân hàng Nhà nước do cơ quan nào quyết định?

- A. Do Bộ Tài chính quyết định
- B. Do Thủ tướng chính phủ quyết định
- C. Do Chính phủ quyết định
- D. Do Liên bộ Bộ Tài chính – Bộ LĐTBXH – NHNN quyết định.

673. Ngân hàng Nhà nước được lập các Quỹ nào?

- A. Quỹ thực hiện chính sách tiền tệ quốc gia
- B. Quỹ dự phòng tài chính
- C. Quỹ dự phòng giảm giá chứng khoán
- D. Quỹ thực hiện chính sách tiền tệ quốc gia, Quỹ dự phòng tài chính và các Quỹ khác do Thủ tướng Chính phủ quyết định.

674. Báo cáo tài chính hàng năm của Ngân hàng Nhà nước được kiểm toán bởi đơn vị nào?

- A. Kiểm toán độc lập quốc tế
- B. Kiểm toán Nhà nước
- C. Kiểm toán độc lập trong nước
- D. Kiểm toán nội bộ

675. Năm tài chính của Ngân hàng Nhà nước được xác định như thế nào?

- A. Bắt đầu từ 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 năm dương lịch.
- B. Bắt đầu từ 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 năm âm lịch
- C. Bắt đầu từ 01/01 và kết thúc vào ngày 30/9 năm dương lịch.

D. Bắt đầu từ 01/01 và kết thúc vào ngày 30/9 năm âm lịch

676. Thẩm quyền quyết định cơ cấu tổ chức của NHNN thuộc về cơ quan nào?

- A. Quốc hội
- B. Chủ tịch nước
- C. Chính phủ
- D. Thống đốc NHNN

677. Dự trữ bắt buộc là số tiền mà TCTD phải gửi tại cơ quan nào?

- A. Kho bạc nhà nước
- B. Ngân hàng Nhà nước
- C. Tổ chức tín dụng khác và được phong tỏa
- D. Không đáp án nào đúng

678. Cơ quan nào sau đây có thẩm quyền kiểm tra việc thực hiện nghiệp vụ in, đúc, tiêu hủy tiền?

- A. Chính phủ
- B. Bộ Tài chính (Đ22)
- C. Cơ quan thanh tra, giám sát ngân hàng
- D. Không đáp án nào đúng.

679. Hoạt động của NHNN bao gồm những gì?

- A. Mở tài khoản và giao dịch trên tài khoản
- B. Đại lý cho Kho bạc Nhà nước
- C. Giám sát hệ thống thanh toán quốc gia
- D. Tất cả các đáp án trên

680. Đối tượng thanh tra của Ngân hàng Nhà nước là tổ chức nào?

- A. Tổ chức tín dụng
- B. Tổ chức hoạt động kinh doanh vàng
- C. Công ty con của TCTD
- D. Đáp án A và B

II. Luật các tổ chức tín dụng

681. Luật các Tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 ngày 16/6/2010 có hiệu lực kể từ ngày:

- A. 01/01/2011
- B. 16/6/2010

C. 01/7/2010

D. 01/12/2010

682. Ngân hàng thương mại nhà nước được tổ chức dưới hình thức nào?

A. Công ty cổ phần

B. Công ty TNHH có từ hai thành viên trở lên

C. Công ty TNHH một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu

D. A và C

683. Chức danh nào không được là người đại diện theo pháp luật của Tổ chức tín dụng?

A. Trưởng Ban Kiểm soát

B. Chủ tịch Hội đồng quản trị

C. Chủ tịch Hội đồng thành viên

D. Tổng Giám đốc

684. Chủ tịch HĐQT của tổ chức tín dụng không được đồng thời đảm nhiệm chức vụ gì?

A. Người điều hành của Tổ chức tín dụng đó.

B. Người điều hành của Tổ chức tín dụng khác.

C. Thành viên Ban kiểm soát của Tổ chức tín dụng đó.

D. Cả 3 trường hợp trên.

685. Hội đồng quản trị của Tổ chức tín dụng là công ty cổ phần phải có bao nhiêu thành viên?

A. Không ít hơn 05 thành viên và không quá 11 thành viên

B. Không ít hơn 03 thành viên và không quá 9 thành viên

C. Không ít hơn 05 thành viên và không quá 9 thành viên

D. Không ít hơn 03 thành viên và không quá 11 thành viên

686. Tổ chức tín dụng được cơ cấu tổ chức, hoạt động dưới hình thức nào?

A. Công ty cổ phần, Công ty TNHH, Công ty liên doanh

B. Công ty cổ phần, Công ty TNHH, Hợp tác xã

C. Công ty cổ phần, Hợp tác xã

D. Công ty cổ phần, Công ty TNHH

687. Hội đồng quản trị của Tổ chức tín dụng là công ty cổ phần phải đảm bảo yếu tố gì sau đây?

- A. Ít nhất 01 thành viên độc lập và ít nhất một phần hai tổng số thành viên là thành viên độc lập và thành viên không phải là người điều hành tổ chức tín dụng.
- B. Ít nhất 02 thành viên độc lập và ít nhất một phần hai tổng số thành viên là thành viên độc lập và thành viên không phải là người điều hành tổ chức tín dụng.
- C. Ít nhất 01 thành viên độc lập và ít nhất một phần ba tổng số thành viên là thành viên độc lập và thành viên không phải là người điều hành tổ chức tín dụng.
- D. Không cần phải có thành viên độc lập nhưng ít nhất một phần hai tổng số thành viên không phải là người điều hành tổ chức tín dụng.

688. Hội đồng quản trị của Ngân hàng thương mại phải đảm bảo yếu tố nào sau đây?

- A. Ít nhất 01 thành viên độc lập và ít nhất một phần hai tổng số thành viên là thành viên độc lập và thành viên không phải là người điều hành.
- B. Ít nhất 02 thành viên độc lập và ít nhất một phần hai tổng số thành viên là thành viên độc lập và thành viên không phải là người điều hành.
- C. Ít nhất 01 thành viên độc lập và ít nhất một phần ba tổng số thành viên là thành viên độc lập và thành viên không phải là người điều hành.
- D. Không cần phải có thành viên độc lập nhưng ít nhất một phần hai tổng số thành viên không phải là người điều hành.

689. Tổng Giám đốc Ngân hàng thương mại cổ phần do ai bổ nhiệm?

- A. Hội đồng quản trị
- B. Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam
- C. Đại hội đồng cổ đông
- D. Chủ tịch Hội đồng quản trị/Chủ tịch Hội đồng thành viên

690. Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng thương mại là công ty TNHH một thành viên do ai bổ nhiệm?

- A. Đại hội đồng cổ đông
- B. Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam
- C. Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng thành viên
- D. Chủ tịch Hội đồng quản trị/Chủ tịch Hội đồng thành viên

- 691. Kế toán trưởng Ngân hàng thương mại là công ty cổ phần do ai bổ nhiệm?**
- A. Đại hội đồng cổ đông
 - B. Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam
 - C. Chủ tịch Hội đồng quản trị/Chủ tịch Hội đồng thành viên
 - D. Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng thành viên
- 692. Thẩm quyền quyết định chọn tổ chức kiểm toán độc lập của TCTD là công ty cổ phần thuộc về ai?**
- A. Đại hội đồng cổ đông
 - B. Kế toán trưởng
 - C. Hội đồng quản trị
 - D. Tổng giám đốc
- 693. Điểm nào sau đây là đúng đối với quy trình lựa chọn Tổng Giám đốc của TCTD là Công ty cổ phần?**
- A. Trong mọi trường hợp Tổng Giám đốc phải là thành viên Hội đồng quản trị.
 - B. Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm một trong số các thành viên của mình làm Tổng Giám đốc hoặc thuê Tổng Giám đốc (Điều 48)
 - C. Trong mọi trường hợp Tổng Giám đốc phải là cổ đông của Ngân hàng
 - D. Tổng Giám đốc phải là cổ đông sở hữu từ 5% vốn điều lệ của Ngân hàng.
- 694. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên được quy định như thế nào?**
- A. Không quá 07 năm
 - B. Không quá 05 năm
 - C. Không quá 06 năm
 - D. Không quá 01 năm
- 695. Nhiệm kỳ Hội đồng quản trị của Ngân hàng TMCP X là 05 năm bắt đầu từ 01/5/2007 Ông Nguyễn Văn A được bầu, bổ nhiệm là thành viên Hội đồng quản trị từ 01/10/2009. Giả thiết không có điều gì bất**

thường xảy với Ngân hàng X, nhiệm kỳ của HĐQT diễn ra bình thường. Ông A sẽ hết nhiệm kỳ vào thời điểm nào?

- A. 01/5/2012;
- B. 01/10/2014
- C. 30/4/2012
- D. 30/9/2014

696. Tổ chức tín dụng gồm những tổ chức nào?

- A. Ngân hàng
- B. Tổ chức tín dụng phi ngân hàng
- C. Tổ chức tài chính vi mô và Quỹ tín dụng nhân dân
- D. Cả ba đáp án trên.

697. Nghiệp vụ nào sau đây không phải là hoạt động của ngân hàng?

- A. Nhận tiền gửi
- B. Cấp tín dụng
- C. Kinh doanh chứng khoán
- D. Cung ứng dịch vụ thanh toán qua tài khoản

698. Loại hình doanh nghiệp nào dưới đây không phải là Ngân hàng theo định nghĩa của Luật các tổ chức tín dụng?

- A. Ngân hàng thương mại
- B. Ngân hàng đầu tư
- C. Ngân hàng chính sách
- D. Ngân hàng hợp tác xã

699. Người quản lý tổ chức tín dụng gồm?

- A. Chủ tịch, thành viên Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc (Giám đốc) và các chức danh quản lý khác theo quy định tại Điều lệ
- B. Chủ tịch Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên, Tổng Giám đốc (Giám đốc) và các chức danh quản lý khác theo quy định tại Điều lệ
- C. Chủ tịch, thành viên Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên, Ban kiểm soát
- D. Chủ tịch Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên, Tổng Giám đốc (Giám đốc)

700. Người điều hành tổ chức tín dụng gồm?

- A. Tổng Giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng Giám đốc (Phó giám đốc)
- B. Chủ tịch Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên, Tổng Giám đốc (Giám đốc) và các chức danh tương đương theo quy định tại Điều lệ
- C. Tổng Giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng Giám đốc (Phó Giám đốc), Kế toán trưởng, Giám đốc chi nhánh và các chức danh tương đương theo quy định tại Điều lệ
- D. Chủ tịch, thành viên Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên, Tổng Giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng Giám đốc (Phó Giám đốc), Kế toán trưởng và các chức danh tương đương theo quy định tại Điều lệ

701. Ngân hàng bắt buộc phải thành lập các Ủy ban nào?

- A. Ủy ban nhân sự
- B. Ủy ban quản lý rủi ro
- C. A và B
- D. Ủy ban kiểm toán

702. Ủy ban quản lý rủi ro và Ủy ban nhân sự là cơ quan thuộc cấp quản lý nào?

- A. Hội đồng quản trị và Hội đồng thành viên
- B. Tổng Giám đốc
- C. Ban Kiểm soát
- D. Đại hội đồng cổ đông

703. Thẩm quyền bổ nhiệm các thành viên Ban Kiểm soát của Ngân hàng thuộc về ai?

- A. Đại hội đồng cổ đông
- B. Đại diện chủ sở hữu
- C. Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên.
- D. A và B

704. Số lượng thành viên của Ban Kiểm soát được quy định như thế nào?

- A. Tối thiểu 3 thành viên
- B. Tối thiểu 5 thành viên
- C. Tối thiểu $\frac{1}{2}$ số thành viên Hội đồng quản trị (Hội đồng thành viên)
- D. Tối thiểu 4 thành viên.

705. Số thành viên chuyên trách Ban kiểm soát tối thiểu là bao nhiêu?

- A. 2 thành viên
- B. 1/2
- C. 1/3
- D. 01 thành viên.

706. Người nào dưới đây có thể làm thành viên Hội đồng quản trị độc lập của Ngân hàng?

- A. Tổng Giám đốc của Ngân hàng đã nghỉ hưu 02 năm trước đây.
- B. Sở hữu 5% vốn điều lệ của Ngân hàng.
- C. Trưởng phòng R&D của Ngân hàng đã không làm việc ở Ngân hàng 7 năm trước.
- D. Con nuôi của Chủ tịch Hội đồng quản trị đương nhiệm.

707. Tỷ lệ sở hữu cổ phần tối đa tại Ngân hàng thương mại cổ phần là bao nhiêu?

- A. Cá nhân: 5%; tổ chức: 10%;
- B. Cá nhân 5%; tổ chức: 15%;
- C. Cá nhân: 5%; tổ chức: 20%
- D. Cá nhân: 10%; tổ chức: 20%

708. Cổ đông nào được sở hữu trên 15% vốn điều lệ của NHTMCP?

- A. Cổ đông nhà nước tại các NHTMNN cổ phần hoá;
- B. Cổ đông chiến lược nước ngoài tại các NHTMNN cổ phần hoá;
- C. Cổ đông tổ chức
- D. A và B

709. Quy định nào dưới đây không phải là quy định nội bộ bắt buộc Ngân hàng thương mại phải xây dựng và ban hành?

- A. Quy định về phân loại tài sản Có, trích lập và sử dụng dự phòng rủi ro;
- B. Hệ thống xếp hạng tín dụng nội bộ
- C. Hướng dẫn thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.
- D. Quy định phòng, chống rửa tiền

710. Các hình thức cấp tín dụng được quy định trong Luật là gì?

- A. Cho vay, bảo lãnh
- B. Chiết khấu, tái chiết khấu công cụ chuyển nhượng, giấy tờ có giá, bao thanh toán
- C. Phát hành thẻ tín dụng
- D. Tất cả các đáp án trên

711. Khách hàng nào dưới đây không thuộc trường hợp không được cấp tín dụng?

- A. Cháu họ của Tổng Giám đốc
- B. Công ty chứng khoán do Ngân hàng sở hữu 75% vốn điều lệ
- C. Doanh nghiệp X vay vốn trên cơ sở cầm cố cổ phiếu của chính Ngân hàng đó
- D. Doanh nghiệp Y là cổ đông nắm giữ 20% vốn điều lệ của Ngân hàng.

712. Cổ đông nào được xác định là cổ đông lớn của Ngân hàng ?

- A. Cổ đông cá nhân nắm giữ từ 5% vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên.
- B. Cổ đông nắm giữ từ 10% vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên.
- C. Cổ đông nắm giữ từ 7% vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên.

D. Cổ đông nắm giữ từ 5% vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên.

713. Ngân hàng được cấp tín dụng không có bảo đảm, cấp tín dụng ưu đãi cho đối tượng nào sau đây?

A. Người thẩm định, xét duyệt cấp tín dụng

B. Kế toán trưởng của Ngân hàng

C. Công ty cho thuê tài chính do Ngân hàng nắm giữ cổ phần chi phối.

D. Doanh nghiệp mà vợ của Tổng Giám đốc Ngân hàng sở hữu 3% vốn điều lệ

714. Tổng mức dư nợ cấp tín dụng cho các công ty con, công ty liên kết của tổ chức tín dụng, doanh nghiệp mà tổ chức tín dụng nắm quyền kiểm soát không được vượt quá bao nhiêu?

A. Không được vượt quá 5% vốn tự có

B. Không được vượt quá 10% vốn tự có

C. Không được vượt quá 20% vốn tự có.

D. Không được vượt quá 15% vốn tự có.

715. Ngân hàng thương mại vay vốn Ngân hàng nhà nước dưới hình thức nào?

A. Tái cấp vốn

B. Cho vay lại theo hồ sơ tín dụng

C. Nghiệp vụ thị trường mở

D. Cho vay cầm cố giấy tờ có giá.

716. Giới hạn tổng mức dư nợ cấp tín dụng của Ngân hàng thương mại đối với một khách hàng là bao nhiêu?

A. 20% vốn tự có của Ngân hàng

B. 15% vốn tự có của Ngân hàng

C. 10% vốn tự có của Ngân hàng

D. 25% vốn tự có của Ngân hàng

717. Giới hạn tổng mức dư nợ cấp tín dụng của Ngân hàng thương mại đối với một khách hàng và người có liên quan là bao nhiêu?

A. 20% vốn tự có của Ngân hàng

B. 15% vốn tự có của Ngân hàng

C. 10% vốn tự có của Ngân hàng

D. 25% vốn tự có của Ngân hàng

718. Giới hạn tổng mức dư nợ cấp tín dụng của Công ty cho thuê tài chính đối với một khách hàng là bao nhiêu?

A. 20% vốn tự có của Công ty.

B. 25% vốn tự có của Công ty.

C. 50% vốn tự có của Công ty.

D. 30% vốn tự có của Công ty.

719. Giới hạn tổng mức dư nợ cấp tín dụng của Công ty cho thuê tài chính đối với một khách hàng và người có liên quan là bao nhiêu?

A. 20% vốn tự có của Công ty.

B. 25% vốn tự có của Công ty.

- C. 50% vốn tự của Công ty.
- D. 30% vốn tự có của Công ty.

720. Theo quy định của Luật các TCTD 2010, Vốn tự có gồm:

- A. Vốn điều lệ của tổ chức tín dụng và vốn được cấp của chi nhánh ngân hàng nước ngoài, các quỹ dự trữ
- B. Vốn điều lệ của tổ chức tín dụng và vốn được cấp của chi nhánh ngân hàng nước ngoài
- C. Vốn điều lệ của tổ chức tín dụng và vốn được cấp của chi nhánh ngân hàng nước ngoài, các quỹ dự trữ, một số tài sản nợ khác
- D. Vốn điều lệ của tổ chức tín dụng và vốn được cấp của chi nhánh ngân hàng nước ngoài, một số tài sản nợ khác

721. Giới hạn góp vốn, mua cổ phần của Ngân hàng vào một doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực được phép:

- A. Không được vượt quá 11% vốn điều lệ của doanh nghiệp nhận vốn góp.
- B. Không được vượt quá 11% vốn tự có của Ngân hàng.
- C. Không được vượt quá 11% vốn điều lệ của Ngân hàng
- D. Không được vượt quá 11% vốn điều lệ và quỹ dự trữ.

722. Tổng mức góp vốn, mua cổ phần của một ngân hàng thương mại vào các doanh nghiệp, kể cả các công ty con, công ty liên kết của Ngân hàng đó?

- A. Không được vượt quá 40% vốn tự có của Ngân hàng
- B. Không được vượt quá 40% vốn điều lệ và quỹ dự trữ của Ngân hàng
- C. Không được vượt quá 40% vốn điều lệ của Ngân hàng
- D. Không được vượt quá 40% tổng mức vốn điều lệ tại các doanh nghiệp nhận vốn góp.

723. Tỷ lệ dư nợ cấp tín dụng so với tổng nguồn vốn huy động của Công ty cho thuê tài chính được quy định là bao nhiêu?

- A. 6%
- B. 70%
- C. 85%
- D. 80%

724. Tỷ lệ trích lập Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ hàng năm của Ngân hàng thương mại được quy định là bao nhiêu?

- A. 2% lợi nhuận sau thuế

- B. 3% lợi nhuận sau thuế
- C. 4% lợi nhuận sau thuế
- D. 5% lợi nhuận sau thuế

725. Mức đầu tư vào tài sản cố định phục vụ trực tiếp cho hoạt động của Ngân hàng thương mại được phép bao nhiêu?

- A. Không quá 50% vốn điều lệ và quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ.
- B. Không quá 50% vốn điều lệ
- C. Không quá 30% vốn điều lệ và quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ.
- D. Không quá 30% vốn điều lệ.

726. Ngân hàng thương mại được phép thực hiện điều gì sau đây?

- A. Xây dựng nhà chung cư để bán thu lợi nhuận.
- B. Xây dựng văn phòng cao ốc cho thuê thu lợi nhuận
- C. Cho thuê một phần trụ sở kinh doanh chưa sử dụng hết, thuộc sở hữu của Ngân hàng.
- D. Kinh doanh cơ sở hạ tầng khu công nghiệp.

727. Ngân hàng thương mại không được thành lập Công ty con (100% vốn) để hoạt động trong lĩnh vực nào?

- A. Cho thuê tài chính
- B. Kinh doanh bất động sản
- C. Bảo hiểm
- D. Chứng khoán

728. Ngân hàng phải công khai báo cáo tài chính trong thời hạn nào?

- A. Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính
- B. Trong thời hạn 120 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính
- C. Trong thời hạn 150 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính
- D. Trong thời hạn 100 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính

729. Tổ chức/cá nhân nào có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung Điều lệ của Ngân hàng TMCP?

- A. Đại hội đồng cổ đông
- B. HĐQT
- C. Tổng Giám đốc
- D. Ngân hàng Nhà nước

730. TCTD được huy động vốn dưới hình thức phát hành nào?

- A. Chứng chỉ tiền gửi
- B. Kỳ phiếu
- C. Tín phiếu, trái phiếu
- D. Cả 3 đáp án trên

731. TCTD có quyền thu hồi nợ trước hạn khi nào?

- A. Phát hiện khách hàng cung cấp thông tin sai sự thật
- B. Vi phạm các quy định trong hợp đồng tín dụng
- C. Theo đề nghị của người có thẩm quyền của TCTD.
- D. Đáp án A&B

732. NHTM phải mở tài khoản tiền gửi tại đâu?

- A. Một NHTM khác
- B. Kho bạc Nhà nước
- C. Ngân hàng Nhà nước
- D. Cả 3 đáp án trên

733. Hoạt động nào sau đây NHTM không được trực tiếp thực hiện?

- A. Bảo lãnh phát hành chứng khoán
- B. Bảo hiểm
- C. Cho thuê tài chính
- D. Cả 3 hoạt động trên

734. Công ty con của TCTD là Công ty trực thuộc thỏa mãn điều kiện nào sau đây?

- A. TCTD sở hữu trên 50% vốn điều lệ hoặc trên 50% vốn cổ phần có quyền biểu quyết
- B. TCTD có quyền sửa đổi, bổ sung Điều lệ
- C. Có Tổng Giám đốc là người quản lý, điều hành của TCTD
- D. Đáp án A&B

735. Kiểm toán nội bộ chuyên trách của TCTD trực thuộc bộ phận nào?

- A. Hội đồng quản trị
- B. Ban điều hành (giúp việc Tổng Giám đốc)
- C. Ban Kiểm soát

736. Tổ chức tín dụng phải thực hiện kiểm toán độc lập lại trong trường hợp nào?

- A. Theo đề nghị của HĐQT
- B. Theo đề nghị của TGD
- C. Đáp án A & B
- D. Khi báo cáo kiểm toán có ý kiến ngoại trừ của Tổ chức kiểm toán độc lập

737. Nhiệm kỳ của Ban kiểm soát tối đa là bao lâu?

- A. Không quá 03 năm
- B. Không quá 05 năm
- B. Không quá 07 năm
- C. Không quá 10 năm
- D. Theo quy định của TCTD

738. TCTD phải bổ sung đủ số lượng thành viên BKS khi nào?

- A. Không đủ 1/2 số thành viên của nhiệm kỳ
- B. Không đủ 2/3 số thành viên của nhiệm kỳ
- C. Không đủ số thành viên tối thiểu theo quy định của Điều lệ
- D. Đáp án B&C

739. Kể từ ngày được cấp giấy phép các cổ đông sáng lập phải nắm giữ số cổ phần tối thiểu bằng 50% vốn điều lệ của TCTD trong thời gian bao lâu?

- A. 03 năm
- B. 05 năm
- C. Theo quy định của Đại hội đồng cổ đông
- D. Không quy định cụ thể

740. TCTD hạn chế cấp tín dụng (cấp tín dụng với điều kiện ưu đãi) cho đối tượng nào sau đây?

- A. Cổ đông lớn, cổ đông sáng lập
- B. Tất cả các doanh nghiệp mà TCTD tham gia góp vốn
- C. Con của thành viên HĐQT, TGD
- D. Không có đối tượng nào

741. Tổng các khoản cấp tín dụng của TCTD không được vượt quá bao nhiêu lần vốn tự có của TCTD?

- A. 2 lần vốn tự có của TCTD
- B. 3 lần vốn tự có của TCTD
- C. 4 lần vốn tự có của TCTD
- D. 5 lần vốn tự có của TCTD

742. Công ty Cho thuê tài chính không được thực hiện nghiệp vụ nào sau đây?

- A. Góp vốn, mua cổ phần, thành lập công ty con, công ty liên kết
- B. Nhận tiền gửi của tổ chức
- C. Phát hành chứng chỉ tiền gửi kỳ phiếu, trái phiếu
- D. Không đáp án nào đúng

743. Điều lệ NHTM được gửi NHNN để làm gì?

- A. Tham gia ý kiến
- B. Chuẩn y
- C. Đăng ký
- D. Đáp án A & B

744. Những thay đổi nào sau đây của TCTD không cần phải được NHNN chấp thuận?

- A. Tên, địa điểm đặt trụ sở chính
- B. Nội dung, phạm vi và thời hạn hoạt động
- C. Tên, địa điểm đặt trụ sở chi nhánh của tổ chức tín dụng;
- D. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc (Giám đốc) và các thành viên Ban kiểm soát.

745. Hệ thống kiểm soát nội bộ của TCTD là bộ phận như thế nào?

- A. Bộ phận thuộc cơ cấu HĐQT
- B. Bộ phận thuộc cơ cấu Ban điều hành
- C. Bộ phận thuộc Ban kiểm soát
- D. Tập hợp cơ chế, chính sách, quy định nội bộ, cơ cấu tổ chức của TCTD.

746. Ai có thẩm quyền đình chỉ chức danh HĐQT của thành viên HĐQT?

- A. Đại hội đồng cổ đông
- B. Chủ tịch HĐQT
- C. Ngân hàng Nhà nước
- D. Ban kiểm soát của TCTD

747. Cơ quan nào có thẩm quyền chấp thuận danh sách người được dự kiến bầu, bổ nhiệm làm thành viên HĐQT của TCTD trước khi bầu, bổ nhiệm?

- A. Chủ sở hữu
- B. HĐQT
- C. Ban Kiểm soát
- D. Ngân hàng Nhà nước

748. Các hoạt động nào sau đây tổ chức tín dụng thực hiện có bảo lưu quyền truy đòi:

- A. Cho vay, bảo lãnh
- B. Bao thanh toán và tái chiết khấu
- C. Bao thanh toán và chiết khấu

D. Bao thanh toán, chiết khấu và tái chiết khấu

PHẦN 11: MÔ HÌNH TỔ CHỨC VÀ CHỨC NĂNG NHIỆM VỤ

749. Theo quy định của pháp luật hiện hành, Ngân hàng Thương mại liên doanh là ngân hàng thương mại được thành lập dưới hình thức nào?

- A. Công ty TNHH (bao gồm Công ty TNHH một thành viên và Cty TNHH hai thành viên trở lên).
- B. Công ty TNHH và Công ty cổ phần.
- C. Công ty TNHH hai thành viên trở lên và Công ty cổ phần.
- D. Công ty TNHH hai thành viên trở lên.

750. Người quản lý ngân hàng bao gồm những ai?

- A. Chủ tịch, thành viên Hội đồng quản trị; Chủ tịch, thành viên Hội đồng thành viên;
- B. Tổng Giám đốc (Giám đốc) và các Phó Tổng Giám đốc.
- C. Chủ tịch, thành viên Hội đồng quản trị; Chủ tịch, thành viên Hội đồng thành viên; Tổng Giám đốc (Giám đốc) và các chức danh quản lý khác do Điều lệ ngân hàng quy định.
- D. Chủ tịch, thành viên Hội đồng quản trị; Tổng Giám đốc và các Phó Tổng Giám đốc.

751. Cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy phép thành lập và hoạt động Ngân hàng Thương mại Nhà nước hiện nay là cơ quan nào?

- A. Chính phủ.
- B. Ngân hàng Nhà nước;
- C. Bộ Tài chính;
- D. Ủy Ban nhân dân tỉnh, Tp trực thuộc Trung ương.

752. Cơ cấu tổ chức quản lý của Ngân hàng thương mại liên doanh, ngân hàng thương mại 100% vốn nước ngoài bao gồm những thành phần nào?

- A. Chủ sở hữu, Hội đồng thành viên, Ban Kiểm soát, Tổng giám đốc (Giám đốc) và bộ máy giúp việc.
- B. Hội đồng thành viên, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc (Giám đốc).
- C. Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng giám đốc và bộ máy giúp việc.
- D. Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng giám đốc (Giám đốc).

753. Ngân hàng thương mại 100% vốn nước ngoài được thành lập dưới hình thức nào?

- A. Công ty cổ phần, Công ty TNHH;

- B. Công ty TNHH một thành viên;
C. Công ty TNHH hai thành viên trở lên;
D. Công ty TNHH một thành viên hoặc Công ty TNHH hai thành viên trở lên.
- 754. Ngân hàng thương mại Nhà nước được thành lập, tổ chức dưới hình thức công ty TNHH một thành viên do Nhà nước sở hữu bao nhiêu phần trăm (%) vốn điều lệ?**
A. Trên 50% vốn điều lệ;
B. Trên 70 % vốn điều lệ;
C. Trên 90% vốn điều lệ;
D. 100% vốn điều lệ.
- 755. Ngân hàng thương mại cổ phần phải có số lượng cổ đông là bao nhiêu?**
A. Tối thiểu 50 cổ đông và không hạn chế số lượng tối đa.
B. Tối thiểu 70 cổ đông và không hạn chế số lượng tối đa.
C. Tối thiểu 100 cổ đông và không hạn chế số lượng tối đa.
D. Tối thiểu 150 cổ đông và không hạn chế số lượng tối đa.
- 756. Cơ cấu tổ chức quản lý của Ngân hàng thương mại cổ phần do Nhà nước sở hữu trên 50% vốn Điều lệ bao gồm những thành phần nào?**
A. Chủ sở hữu, Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng giám đốc và bộ máy giúp việc.
B. Chủ sở hữu, Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và Bộ máy giúp việc.
C. Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng giám đốc và bộ máy giúp việc.
D. Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Tổng giám đốc (Giám đốc).
- 757. Ngân hàng thương mại trong nước được thành lập, tổ chức dưới hình thức nào?**
A. Công ty cổ phần.
B. Công ty TNHH.
C. Hợp tác xã.
D. Cả a và b.
- 758. Bao thanh toán là hình thức cung ứng dịch vụ thanh toán qua tài khoản của ngân hàng. Đúng hay sai? Hãy giải thích?**
A. Đúng
B. Sai

759. Tái chiết khấu là việc mua có kỳ hạn hoặc mua có bảo lưu quyền truy đòi các công cụ chuyển nhượng, giấy tờ có giá khác của người thụ hưởng trước khi đến hạn thanh toán. Đúng hay sai? Hãy giải thích?

A. Đúng

B. Sai

760. Cổ đông lớn của ngân hàng thương mại cổ phần là cổ đông sở hữu trực tiếp, gián tiếp từ bao nhiêu phần trăm vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên của ngân hàng cổ phần đó?

A. 5%;

B. 10%;

C. 15%

D. Không có đáp án nào đúng.

761. Hoạt động ngân hàng là việc kinh doanh, cung ứng thường xuyên một hoặc một số các nghiệp vụ sau nào sau đây?

A. Nhận tiền gửi.

B. Cấp tín dụng, nhận tiền gửi.

C. Nhận tiền gửi, cấp tín dụng, cung ứng dịch vụ thanh toán qua tài khoản.

D. Nhận tiền gửi, cấp tín dụng, cung ứng dịch vụ thanh toán qua tài khoản, môi giới bất động sản.

762. Ngân hàng thương mại phải thành lập hoặc mua lại công ty con, công ty liên kết để thực hiện hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực nào sau đây?

A. Bảo hiểm.

B. Bảo hiểm, cho thuê tài chính.

C. Bảo hiểm; bảo lãnh phát hành chứng khoán, môi giới chứng khoán; quản lý, phân phối chứng chỉ quỹ đầu tư chứng khoán; quản lý danh mục đầu tư chứng khoán và mua, bán cổ phiếu.

D. Bảo hiểm; cho thuê tài chính; bảo lãnh phát hành chứng khoán, môi giới chứng khoán; quản lý, phân phối chứng chỉ quỹ đầu tư chứng khoán; quản lý danh mục đầu tư chứng khoán và mua, bán cổ phiếu.

763. Công ty nào sau đây được coi là công ty liên kết của ngân hàng thương mại?

A. Là công ty trong đó ngân hàng hoặc ngân hàng và người có liên quan của ngân hàng sở hữu trên 11% vốn điều lệ hoặc trên 11% vốn cổ phần có quyền biểu quyết, nhưng không phải là công ty con của ngân hàng đó.

B. Là công ty trong đó ngân hàng hoặc ngân hàng và người có liên quan của ngân hàng sở hữu trên 15% vốn điều lệ hoặc trên 11% vốn cổ phần có quyền biểu quyết, nhưng không phải là công ty con của ngân hàng đó.

C. Là công ty trong đó ngân hàng hoặc ngân hàng và người có liên quan của ngân hàng sở hữu trên 11% vốn điều lệ hoặc trên 15% vốn cổ phần có quyền biểu quyết, nhưng không phải là công ty con của ngân hàng đó.

D. Là công ty trong đó ngân hàng hoặc ngân hàng và người có liên quan của ngân hàng sở hữu trên 15% vốn điều lệ hoặc trên 15% vốn cổ phần có quyền biểu quyết, nhưng không phải là công ty con của ngân hàng đó.

764. Công ty nào sau đây là công ty con của Ngân hàng thương mại?

A. Là công ty mà ngân hàng hoặc ngân hàng và người có liên quan của ngân hàng sở hữu trên 50% vốn điều lệ hoặc trên 50% vốn cổ phần có quyền biểu quyết.

B. Là công ty mà tổ chức tín dụng có quyền sửa đổi, bổ sung điều lệ.

C. Cả a và b.

D. Không có phương án nào đúng.

765. Ngân hàng thương mại không được kinh doanh dịch vụ nào sau đây?

A. Dịch vụ môi giới tiền tệ.

B. Dịch vụ môi giới bất động sản.

C. Dịch vụ quản lý tiền mặt.

D. Dịch vụ cho thuê tủ, két.

766. Ngân hàng thương mại không được góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực nào sau đây?

A. Bảo hiểm.

B. Chứng khoán.

C. Bất động sản.

D. Không có phương án nào đúng.

767. Ngân hàng thương mại 100% vốn nước ngoài là ngân hàng thương mại được thành lập tại Việt Nam với 100% vốn điều lệ thuộc sở hữu nước ngoài, trong đó phải có một ngân hàng nước ngoài sở hữu bao nhiêu phần trăm vốn điều lệ?

A. 30% vốn điều lệ trở lên.

B. Trên 30% vốn điều lệ.

C. 50% vốn điều lệ trở lên.

D. Trên 50% vốn điều lệ.

- 768. Ngân hàng thương mại liên doanh không thể thành lập dưới hình thức Công ty TNHH một thành viên. Đúng hay sai? Hãy giải thích?**
- A. Đúng
- B. Sai
- 769. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị của ngân hàng thương mại cổ phần được quy định như thế nào?**
- A. Phải có tối thiểu 03 thành viên và không quá 11 thành viên.
- B. Phải có tối thiểu 05 thành viên và không quá 11 thành viên.
- C. Số lượng tối thiểu và tối đa do ngân hàng tự quyết định.
- D. Không có đáp án nào đúng.
- 770. Ban Kiểm soát của Ngân hàng thương mại cổ phần A có 03 thành viên, trong đó có 02 thành viên là thành viên chuyên trách, thành viên còn lại kiêm nhiệm Phó Trưởng Phòng Pháp chế của Ngân hàng thương mại A. Hỏi, việc bố trí thành viên Ban Kiểm soát của Ngân hàng thương mại A là đúng hay sai? Hãy giải thích?**
- A. Đúng
- B. Sai
- 771. Số lượng thành viên Ban Kiểm soát của Ngân hàng thương mại cổ phần được quy định như thế nào?**
- A. Tối thiểu 03 thành viên, tối đa 07 thành viên.
- B. Tối thiểu 03 thành viên, số lượng cụ thể do Điều lệ Ngân hàng quy định.
- C. Tối thiểu 05 thành viên, tối đa 07 thành viên.
- D. Tối thiểu 05 thành viên, số lượng cụ thể do Điều lệ Ngân hàng quy định.
- 772. Trưởng Ban kiểm soát của Ngân hàng thương mại cổ phần do ai bầu?**
- A. Hội đồng quản trị/Hội đồng thành viên.
- B. Đại hội cổ đông nếu là công ty cổ phần.
- C. Chủ sở hữu.
- D. Thành viên Ban kiểm soát.
- 773. Thành viên Ban Kiểm soát của Ngân hàng thương mại được thành lập và tổ chức dưới hình thức công ty TNHH một thành viên là do ai bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm?**
- A. Hội đồng thành viên.
- B. Chủ sở hữu.
- C. Cả a và b.
- D. Không có đáp án nào đúng.

774. Số lượng thành viên góp vốn của Ngân hàng thương mại được thành lập và tổ chức theo hình thức công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên là bao nhiêu?

- A. Tối thiểu 05 thành viên.
- B. Tối đa 05 thành viên.
- C. Luật hiện hành không quy định.
- D. Tất cả các đáp án trên đều sai.

775. Đối với Ngân hàng thương mại được thành lập và tổ chức dưới hình thức công ty TNHH hai thành viên trở lên, tỷ lệ sở hữu tối đa của một thành viên và người có liên quan không được vượt quá bao nhiêu phần trăm vốn điều lệ của ngân hàng?

- A. 30%.
- B. 40%
- C. 50%
- D. Luật hiện hành không quy định.

776. Thành viên Ban kiểm soát của Ngân hàng thương mại được thành lập và tổ chức theo hình thức công ty TNHH hai thành viên trở lên do ai bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm?

- A. Ngân hàng Nhà nước.
- B. Thành viên góp vốn.
- C. Hội đồng thành viên.
- D. Tất cả các phương án trên đều sai.

777. Hội đồng quản trị là cơ quan quyết định cao nhất của Ngân hàng thương mại cổ phần. Đúng hay sai? Hãy giải thích?

- A. Đúng
- B. Sai

778. Ai là người có thẩm quyền bổ nhiệm Tổng Giám đốc của Ngân hàng thương mại được thành lập và tổ chức theo hình thức công ty cổ phần?

- A. Ngân hàng nhà nước.
- B. Hội đồng quản trị.
- C. Hội đồng thành viên.
- D. Đại hội đồng cổ đông.

779. Ai là người có thẩm quyền bổ nhiệm Tổng Giám đốc của Ngân hàng thương mại được thành lập và tổ chức theo hình thức công ty Trách nhiệm hữu hạn?

- A. Ngân hàng nhà nước.
- B. Hội đồng quản trị.
- C. Hội đồng thành viên.
- D. Đại hội đồng cổ đông.

780. Mô hình tổ chức hiện tại của Trụ sở chính Ngân hàng ĐT và PTVN hiện nay gồm mấy khối?

- A. 08 Khối;
- B. 07 Khối;
- C. 06 Khối.
- D. 05 Khối.

781. Đơn vị nào thuộc khối đơn vị sự nghiệp của BIDV?

- A. Trung tâm Công nghệ Thông tin
- B. Liên doanh Tháp BIDV
- C. Trung tâm đào tạo
- D. a và c

782. Mối quan hệ giữa các Ban/Trung tâm tại Trụ sở chính BIDV với các phòng tại Chi nhánh trong triển khai nhiệm vụ là các mối quan hệ nào trong các mối quan hệ dưới đây?

- A. Chỉ đạo.
- B. Hướng dẫn;
- C. Hỗ trợ; phối hợp;
- D. Cả 03 phương án trên.

783. Nhiệm vụ “Tổ chức thu thập các thông tin kinh tế, chính trị, xã hội và đối thủ cạnh tranh trên từng địa bàn” là nhiệm vụ của Ban nào thuộc Hội sở chính?

- A. Ban Tổ chức cán bộ
- B. Ban Kế hoạch phát triển
- C. Ban Định chế tài chính
- D. Ban Quản lý chi nhánh

784. Nhiệm vụ “Xây dựng các văn bản chế độ, hướng dẫn nghiệp vụ về thẩm định, tư vấn dự án đầu tư áp dụng trong toàn hệ thống Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam” là nhiệm vụ của Ban nào thuộc Hội sở chính?

- A. Ban Quản lý Tín dụng
- B. Ban Quản lý rủi ro tín dụng

C. Ban Quan hệ khách hàng

D. Ban Quản lý chi nhánh

785. Chức năng “Tham mưu giúp cho Ban Lãnh đạo về hoạt động tín dụng và bảo lãnh đối với các dự án, khoản vay theo chỉ định và vay đầu tư phát triển của Nhà nước. Theo dõi thu nợ, xử lý nợ theo hợp đồng vay đối với các khoản vay theo chỉ định và tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước” ?

A. Ban Quản lý Tín dụng

B. Ban Quản lý rủi ro tín dụng

C. Ban Quản lý chi nhánh

D. Ban Quan hệ khách hàng

786. Trách nhiệm “Thiết lập, duy trì, quản lý và phát triển mối quan hệ với khách hàng định chế tài chính; chịu trách nhiệm tiếp thị, hỗ trợ và bán các sản phẩm cho khách hàng định chế tài chính” là trách nhiệm của Ban nào trong các Ban sau?

A. Ban Quản lý Tín dụng

B. Ban Định chế tài chính

C. Ban Quản lý chi nhánh

D. Ban Quan hệ khách hàng

787. Đơn vị nào thuộc hội sở chính có chức năng “Đánh giá hiệu quả các sản phẩm bán buôn mà ngân hàng đang cung cấp cho khách hàng; Quản lý khả năng sinh lời từ sản phẩm do mình phụ trách”?

A. Ban Phát triển sản phẩm và tài trợ thương mại

B. Ban Định chế tài chính

C. Ban Quản lý chi nhánh

D. Ban Quan hệ khách hàng

788. Đơn vị nào trực thuộc hội sở chính là đơn vị “Đầu mối xây dựng định hướng đầu tư và các văn bản quy định nội bộ về hoạt động đầu tư”?

A. Ban Phát triển sản phẩm và tài trợ thương mại

B. Ban Định chế tài chính

C. Ban Đầu tư

D. Ban Quan hệ khách hàng

789. Đơn vị nào trực thuộc hội sở chính có nhiệm vụ “Xây dựng chiến lược, kế hoạch phát triển tín dụng bán lẻ”?

A. Ban Phát triển sản phẩm và tài trợ thương mại

B. Ban Phát triển Ngân hàng bán lẻ.

C. Ban Đầu tư

D. Ban Quan hệ khách hàng

790. Đơn vị nào trực thuộc hội sở chính có nhiệm vụ “Quản lý khả năng sinh lời, mức độ tăng trưởng, tính hiệu quả của các sản phẩm tín dụng bán lẻ”?

A. Ban Phát triển sản phẩm và tài trợ thương mại

B. Ban Đầu tư

C. Ban Phát triển Ngân hàng Bán lẻ.

D. Ban Quan hệ khách hàng

791. Đơn vị nào trực thuộc hội sở chính có nhiệm vụ kinh doanh ngoại hối và kinh doanh giấy tờ có giá?

A. Ban Vốn và Kinh doanh Vốn

B. Ban Đầu tư

C. Ban Phát triển Ngân hàng Bán lẻ.

D. Ban Quan hệ khách hàng

792. Đơn vị nào trực thuộc hội sở chính có chức năng “Tham mưu giúp Ban Lãnh đạo về quản lý rủi ro thị trường, quản lý rủi ro tác nghiệp trong hoạt động kinh doanh của Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam”?

A. Ban Vốn và Kinh doanh Vốn

B. Ban Quản lý rủi ro tín dụng

C. Ban Phát triển Ngân hàng Bán lẻ.

D. Ban Quản lý rủi ro thị trường và tác nghiệp

793. Đơn vị nào trực thuộc hội sở chính có chức năng “Tổ chức chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra, giám sát các đơn vị thành viên thực hiện các chế độ quy định của Nhà nước, Ngân hàng Nhà nước, Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam trong lĩnh vực thanh toán”?

A. Trung tâm tác nghiệp tài trợ thương mại

B. Trung tâm thanh toán

C. Trung tâm thẻ

D. Ban Vốn và Kinh doanh Vốn

794. Đơn vị nào trực thuộc hội sở chính có chức năng “Trực tiếp thực hiện các hoạt động truyền thông để xây dựng, quảng bá, phát triển thương hiệu, sản phẩm dịch vụ thông qua các công cụ truyền thông của hệ thống (trực tiếp) và công cụ truyền thông bên ngoài (gián tiếp) ”?

A. Văn phòng

B. Ban Thương hiệu và Quan hệ công chúng

C. Ban Tổ chức cán bộ

D. Ban Quản lý Tài sản Nội ngành

795. Nhiệm vụ trực tiếp giao dịch các sản phẩm trên thị trường tiền tệ liên ngân hàng và với khách hàng trong phạm vi hạn mức rủi ro được phê duyệt phục vụ Sổ Ngân hàng do Phòng nào thuộc Ban Vốn và Kinh doanh vốn thực hiện?

A. Phòng Kinh doanh tiền tệ

B. Phòng Phục vụ khách hàng

C. Phòng Giao dịch phục vụ ALCO

D. Cả 3 đáp án nêu trên

796. Mô hình tổ chức đầy đủ của 01 chi nhánh hỗn hợp bao gồm các khối nào?

A. Khối quan hệ khách hàng, Khối quản lý rủi ro, Khối tác nghiệp, Khối quản lý nội bộ, khối trực thuộc, khối bán lẻ;

B. Khối quan hệ khách hàng, Khối quản lý rủi ro, Khối tác nghiệp, Khối quản lý nội bộ, khối trực thuộc, khối bán lẻ, khối bán buôn;

C. Khối quan hệ khách hàng, Khối quản lý rủi ro, Khối tác nghiệp, Khối quản lý nội bộ, khối trực thuộc.

D. Khối quan hệ khách hàng, Khối quản lý rủi ro, Khối tác nghiệp, Khối quản lý nội bộ, khối bán lẻ, khối bán buôn;

797. Quản lý danh mục các khoản nợ rủi ro ngoại bảng, hoặc đã được bán nợ, khoanh nợ...là nhiệm vụ của phòng nào (tại chi nhánh) dưới đây?

A. Quản lý rủi ro

B. Quản trị tín dụng

C. Quan hệ khách hàng

D. Giao dịch khách hàng

798. Khối quản lý nội bộ của chi nhánh bao gồm những đơn vị nào?

A. Phòng Tài chính kế toán; Phòng Quản lý rủi ro; Phòng Tổ chức hành chính; Phòng Kế hoạch tổng hợp; Phòng/Tổ điện toán;

B. Phòng Tài chính kế toán; Phòng Tổ chức hành chính; Phòng/Tổ quản lý dịch vụ kho quỹ; Phòng Kế hoạch tổng hợp; Phòng/Tổ điện toán;

C. Phòng Tài chính kế toán; Phòng Tổ chức hành chính; Phòng Kế hoạch tổng hợp; Phòng/Tổ điện toán.

D. Phòng Tài chính kế toán; Phòng Tổ chức hành chính; Phòng/Tổ quản lý dịch vụ kho quỹ; Phòng/Tổ điện toán;